



Điện máy gốc
Bảo hành chính hãng tận nơi SINCE 2002

VN-PCVVN1828

VRV IV S SERIES



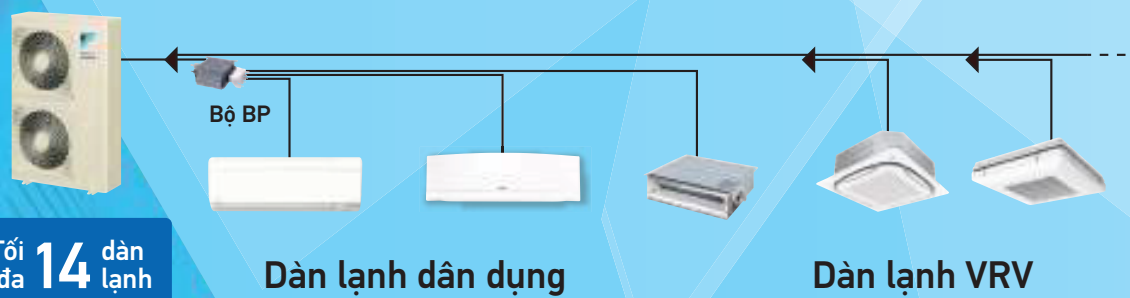
DÙNG CHO DÂN DỤNG VÀ THƯƠNG MẠI

R-410A

Một chiều lạnh 50 Hz

VRV IV S SERIES

Dàn lạnh hệ thống VRV kết hợp với dàn lạnh dân dụng trong cùng một hệ thống.



Nội dung:

- Các tính năng chính t.03
- Dàn lạnh t.09
- Thiết bị xử lý không khí ngoài trời t.47
- Thông số kỹ thuật t.57
- Danh mục phụ kiện tùy chọn t.59
- Hệ thống điều khiển t.67

Thiết kế linh hoạt

Ra mắt lần đầu tiên tại Nhật Bản vào năm 1982, hệ thống VRV của Daikin đã được đón nhận trên thị trường thế giới trong hơn 30 năm.

Đến nay, Daikin tự hào giới thiệu dòng sản phẩm mới VRV IV S - Hệ thống điều hòa không khí lý tưởng mới cho nhà ở, cửa hàng và văn phòng.

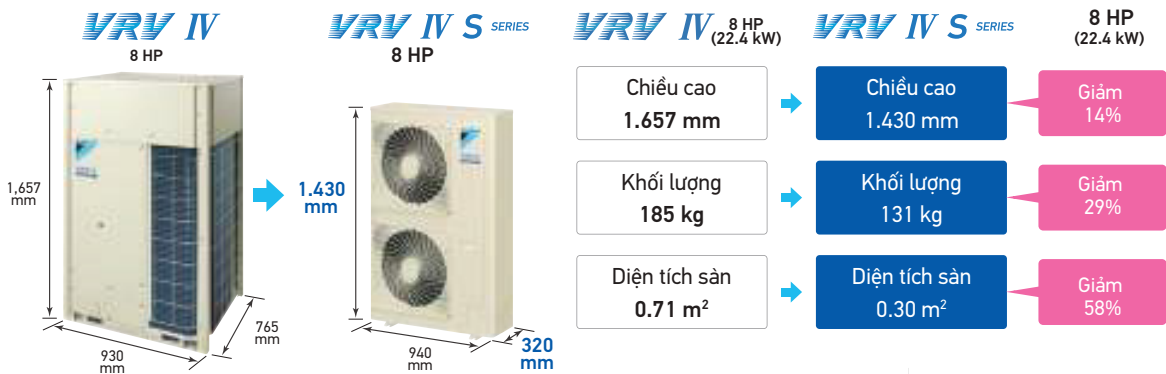
* VRV là thương hiệu của Daikin.



Các tính năng chính

Thiết kế gọn nhẹ

Các thiết kế mới đã được tối ưu hóa cho dòng sản phẩm VRV IV S, với chiều cao của model công suất 4 HP đến 5 HP giảm xuống chỉ còn 990 mm. Thiết kế này không làm ảnh hưởng đến dáng vẻ bên ngoài của tòa nhà cũng như tầm nhìn ra ngoài của người sử dụng. Sản phẩm VRV IV S hiện nay mỏng và gọn, chỉ cần không gian lắp đặt ít nhất.



Mở rộng dãy công suất dàn nóng

Để phù hợp với các kích cỡ phòng khác nhau, công suất của dàn nóng VRV IV S được mở rộng bao gồm 8 HP và 9 HP.

VRV IV S SERIES



*Mo/C: thay đổi model

Dãy sản phẩm

5 models

Tên model	RXMQ4AVE	RXMQ5AVE	RXMQ6AVE	RXMQ8AY1	RXMQ9AY1
Nguồn điện	1-pha, 220-230 V/220 V, 50/60 Hz			3-pha, 380 – 415 V, 50 Hz	
Công suất	4 HP (11.2 kW)	5 HP (14.0 kW)	6 HP (16.0 kW)	8 HP (22.4 kW)	9 HP (24.0 kW)
Công suất danh nghĩa	100	125	150	200	215

Chủng loại dàn lạnh đa dạng

Có thể lựa chọn 2 kiểu dàn lạnh, dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng để phù hợp với từng phòng và sở thích của người dùng. Sự kết hợp giữa dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng trong một hệ thống mang lại nhiều sự lựa chọn hơn đối với các kiểu dàn lạnh đơn giản và phong cách.

Kiểu dáng thanh lịch với phong cách Châu Âu



Mới Dàn lạnh FTKJ-N

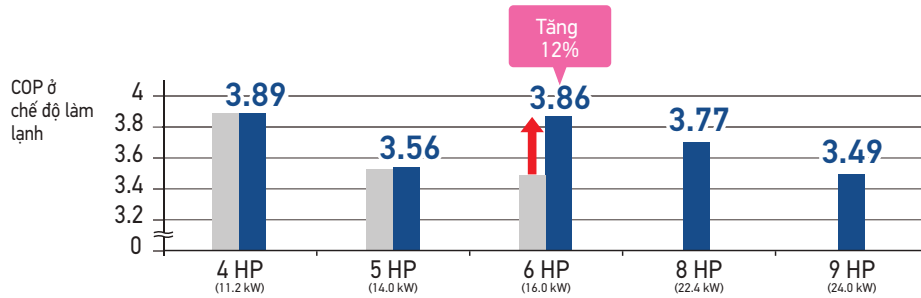


Các tính năng chính

Tiết kiệm năng lượng

Hệ số hiệu suất (COP) cao hơn

VRV IV S có khả năng tiết kiệm năng lượng cao hơn so với VRV III S, đặc biệt là đối với công suất 6 HP.



*Điều kiện trong chế độ làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng: 27°CDB, 19°CWB, nhiệt độ ngoài trời 35°CDB.

■ VRV III S

■ VRV IV S SERIES

Hoạt động êm

Chức năng hoạt động êm vào ban đêm

Có thể chọn 3 mức độ ồn cho chế độ hoạt động ban đêm

Chế độ 1 Chế độ tự động

Cài đặt trên bo mạch dàn nóng. Thời gian nhiệt độ tối đa được ghi nhớ.

Chế độ hoạt động độ ồn thấp sẽ bắt đầu trong 8 giờ¹ sau khi nhiệt độ ban ngày đạt mức cao nhất, trở lại hoạt động bình thường 10 giờ² sau đó. Độ ồn hoạt động cho chế độ ban đêm có thể được lựa chọn từ 49 dB (A) (mức 1), 46 dB (A) (mức 2) và 43 dB (A) (mức 3)³

Chế độ 2 Chế độ chỉnh tay

Có thể nhập yêu cầu thời gian bắt đầu và kết thúc (Cần mua thêm tại địa phương một bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài cho dàn nóng DTA104A53 /61/62 và một bộ lập trình thời gian).

Chế độ 3 Chế độ kết hợp

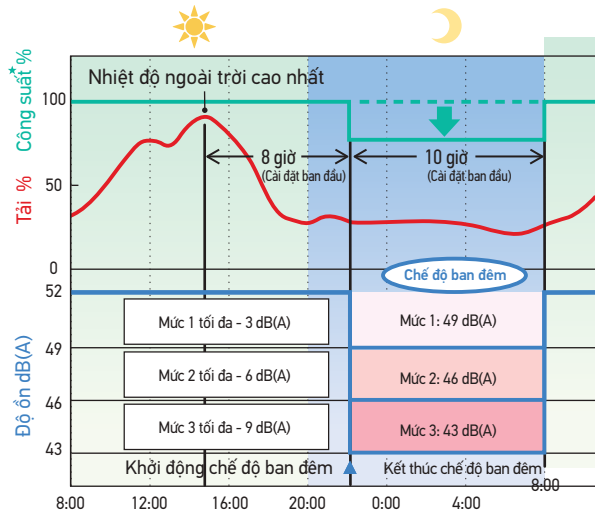
Có thể kết hợp cả chế độ 1 và 2 tùy theo yêu cầu sử dụng.

*1. Cài đặt ban đầu: Có thể chọn từ 6,8,10 giờ

*2. Cài đặt ban đầu: Có thể chọn từ 8,9,10 giờ

*3. Trong trường hợp dàn nóng 4 HP hoạt động chế độ làm lạnh.

Chế độ 1 Chế độ tự động



Ghi chú: • Chức năng này có thể cài đặt tại công trình.

• Mối liên quan giữa nhiệt độ ngoài trời (tài) và thời gian thể hiện trong đồ thị chỉ là ví dụ.

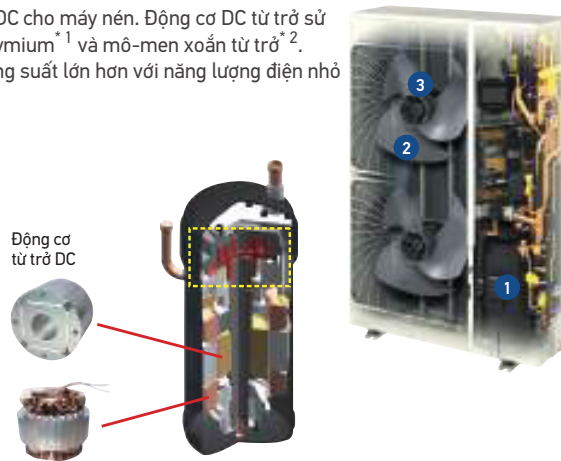
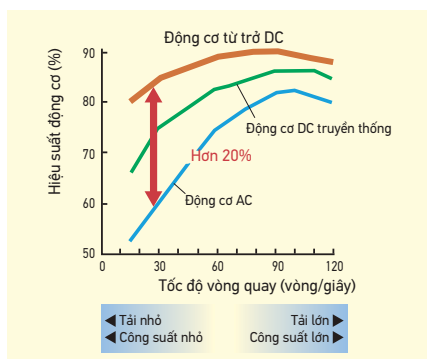
* Tỷ lệ giảm công suất khác nhau tùy theo các mức độ ồn được lựa chọn.

Tập hợp các công nghệ tiên tiến tạo ra một hệ thống hoạt động hiệu quả và êm ái

Máy nén hiệu suất cao tạo ra COP cao hơn

1 Máy nén được trang bị động cơ từ trở DC

Model biến tần DC Daikin được trang bị động cơ từ trở DC cho máy nén. Động cơ DC từ trở sử dụng 2 loại mô-men xoắn khác nhau, nam châm neodymium*¹ và mô-men xoắn từ trở*². Động cơ này có thể tiết kiệm năng lượng nhờ tạo ra công suất lớn hơn với năng lượng điện nhỏ hơn so với động cơ AC hoặc DC thông thường.



Ghi chú: Dữ liệu dựa trên các nghiên cứu được tiến hành trong điều kiện có kiểm soát tại một phòng thí nghiệm sử dụng sản phẩm Daikin.

*1 Nam châm neodymium mạnh hơn khoảng 10 lần so với nam châm phe-rit tiêu chuẩn.

*2 Mô-men xoắn được tạo ra bởi sự thay đổi nguồn giữa phần sắt và nam châm.

>> Làm mượt sóng hình sin bộ biến tần DC

Sử dụng sóng hình sin tối ưu giúp vòng quay động cơ êm hơn, tăng hiệu suất vận hành.

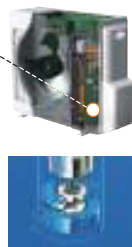
Sóng biến tần DC hình Sin



RXMQ 4, 5, 6AVE

>> Máy nén Swing

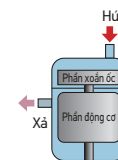
Máy nén swing của Daikin đã tích hợp phần quay với thanh trượt để giải quyết hoàn toàn sự rò rỉ môi chất lạnh và các vấn đề mài mòn do ma sát cơ khí giữa thanh trượt và phần quay, giúp tăng cường hiệu quả nén và giúp máy nén êm và bền hơn.



RXMQ8, 9AY1

>> Cấu trúc xoắn ốc

Hơi hút được nén trong phần xoắn ốc trước khi làm nóng động cơ, do đó máy nén sẽ nén khí chưa giãn nở để làm tăng hiệu suất máy.



2 Miệng gió vào dạng chuông mượt và quạt dạng xoắn ốc

Hai tính năng này nhằm mục đích giảm âm, gió được hướng tới đầu vào miệng gió để giảm sự nhiễu loạn trong luồng không khí do quạt hút tạo ra. Các quạt dạng xoắn ốc có cánh quạt với cạnh lưỡi cong giảm tiếp sự nhiễu loạn của gió.



Với cạnh lưỡi cong



Không có cạnh lưỡi cong



Gió thổi được hút vào bởi cạnh lưỡi cong làm giảm sự nhiễu loạn gió.

3 Động cơ quạt DC

Hiệu suất được cải thiện ở tất cả các phạm vi so với động cơ AC thông thường, đặc biệt là ở tốc độ thấp.

Động cơ quạt DC



Các tính năng chính

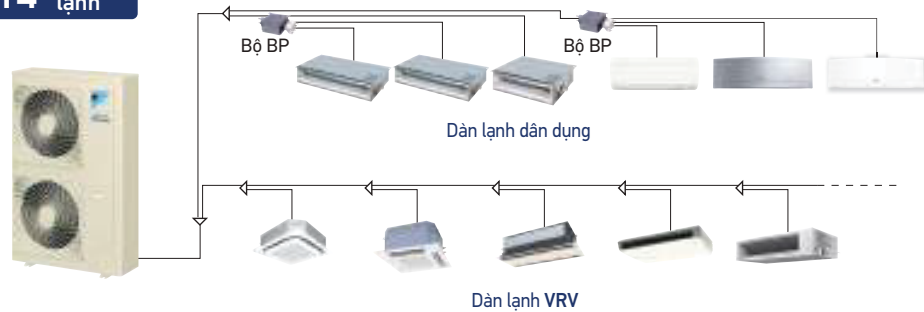
Thiết kế linh hoạt và lắp đặt đơn giản

Có thể kết nối với tối đa 14 dàn lạnh

VRV IV S là một hệ thống linh hoạt với một dàn nóng có thể kết nối với tối đa 14 dàn lạnh.

Ghi chú: Tổng công suất danh nghĩa của các dàn lạnh được kết nối phải trong khoảng 50-130% công suất danh nghĩa của dàn nóng.
Vui lòng tham khảo trang 46 để biết số dàn lạnh tối đa có thể kết nối.

Tối đa
14
dàn
lạnh



Chạy kiểm tra tự động

Đơn giản chỉ cần nhấn nút chạy kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện kiểm tra một cách tự động bao gồm kiểm tra dây khiên van chặn, đường ống và lượng môi chất lạnh. Kết quả được tự động trả về sau khi kết thúc kiểm tra.

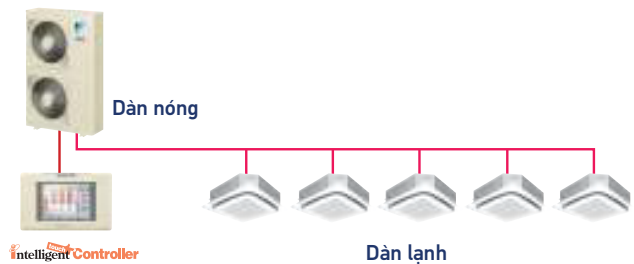
Kết nối ống và dây khiển đơn giản

Hệ thống đường ống và dây khiển độc đáo giúp cho việc lắp đặt hệ thống VRV IV S được thực hiện nhanh chóng và dễ dàng.

>> Hệ thống dây khiển đặc biệt

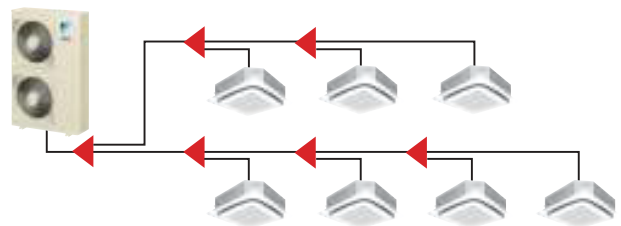
Một hệ thống dây khiển độc đáo được sử dụng cho phép dùng chung dây giữa dàn lạnh, dàn nóng và dây điều khiển trung tâm với cách thức đi dây tương đối đơn giản.

Hệ thống đường truyền DIII-NET được sử dụng cho phép việc sử dụng các hệ thống điều khiển tiên tiến.



>> Hệ thống ống sử dụng REFNET

Hệ thống đường ống sử dụng REFNET cao cấp của Daikin của giúp cho việc lắp đặt dễ dàng hơn. Chỉ cần duy nhất hai hệ thống đường ống môi chất lạnh chính trong hệ thống, REFNET làm giảm đáng kể sự mất cân bằng của dòng môi chất lạnh giữa các máy trong khi sử dụng đường ống có kính thước nhỏ hơn.



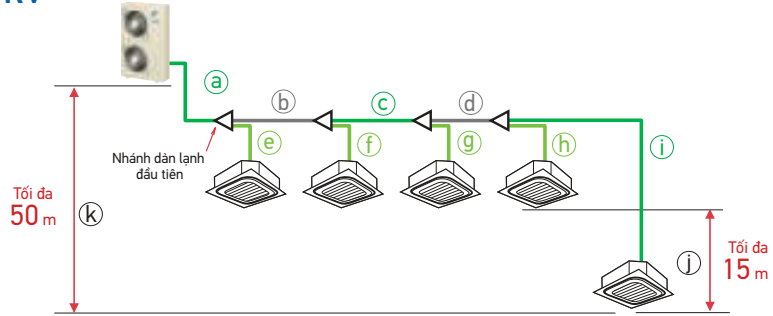
Đường ống dài

Đường ống dài tạo ra sự linh hoạt trong việc lựa chọn vị trí lắp đặt và đơn giản hóa việc sắp xếp hệ thống.

Khi kết nối với dàn lạnh VRV

Chiều dài ống thực tế
Tối đa 120 m

Tổng chiều dài ống
Tối đa 300 m

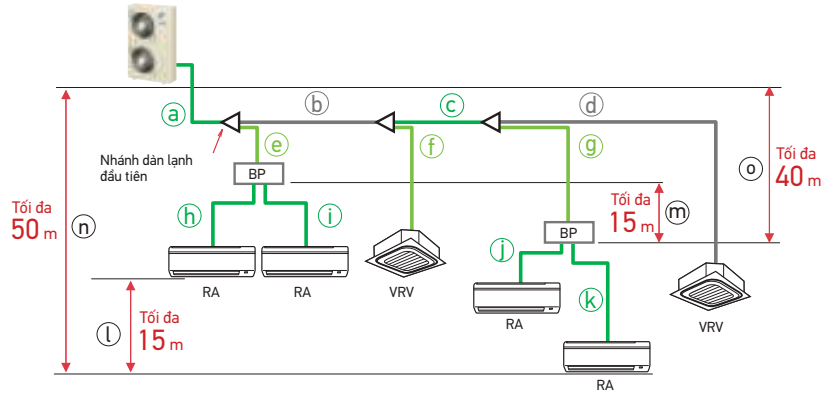


			4 HP	5 HP	6 HP	8,9 HP
Chiều dài ống cho phép tối đa	Chiều dài đường ống môi chất lạnh	a+b+c+d+i	50 m	70 m	120 m	100 m
	Tổng chiều dài ống	a+b+c+d+e+f+g+h+i	250 m	300 m	300 m	300 m
	Giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và dàn lạnh xa nhất	b+c+d+i	40 m	40 m	40 m	40 m
Chênh lệch độ cao cho phép tối đa	Giữa các dàn lạnh	j	10 m	15 m	15 m	15 m
	Giữa dàn nóng và dàn lạnh	Nếu dàn nóng cao hơn Nếu dàn nóng thấp hơn	k k	30 m 30 m	50 m 40 m	50 m 40 m

Khi kết nối chung dàn lạnh của VRV và dàn lạnh dân dụng hoặc khi chỉ kết nối dàn lạnh dân dụng

Chiều dài ống thực tế
Tối đa 100 m

Tổng chiều dài ống
Tối đa 250 m



























			4 HP	5 HP	6-9 HP
Chiều dài ống cho phép tối đa	Chiều dài đường ống môi chất lạnh	a+b+c+g+k, a+b+c+d	50 m	70 m	100 m
	Tổng chiều dài ống	a+b+c+d+e+f+g+h+i+j+k	250 m	250 m	250 m
	Giữa nhánh dàn lạnh đầu tiên và bộ BP xa nhất hoặc dàn lạnh VRV xa nhất	b+c+g, b+c+d	40 m	40 m	40 m
Chiều dài ống cho phép tối đa và tối thiểu	Giữa bộ BP - dàn lạnh	Nếu công suất danh nghĩa dàn lạnh < 60	2 m-15 m	2 m-15 m	2 m-15 m
		Nếu công suất danh nghĩa dàn lạnh 60	2 m-12 m	2 m-12 m	2 m-12 m
		Nếu công suất danh nghĩa dàn lạnh 71	2 m-8 m	2 m-8 m	2 m-8 m
Chiều dài ống cho phép tối thiểu	Dàn nóng - bộ chia nhánh dàn lạnh đầu tiên	a	5 m	5 m	5 m
Chênh lệch độ cao cho phép tối đa	Giữa các dàn lạnh	l	10 m	15 m	15 m
	Giữa các bộ BP	m	10 m	15 m	15 m
	Dàn nóng - dàn lạnh	Nếu dàn nóng cao hơn Nếu dàn nóng thấp hơn	n n	30 m 30 m	50 m 40 m
	Dàn nóng - Bộ BP	o	30 m	30 m	40 m




Các kiểu dàn lạnh đa dạng

Một tổ hợp dàn lạnh VRV và dàn lạnh dân dụng được kết hợp trong cùng một hệ thống, mở ra một thời kỳ mới cho các thế hệ dàn lạnh hoạt động êm ái và hợp thời trang.

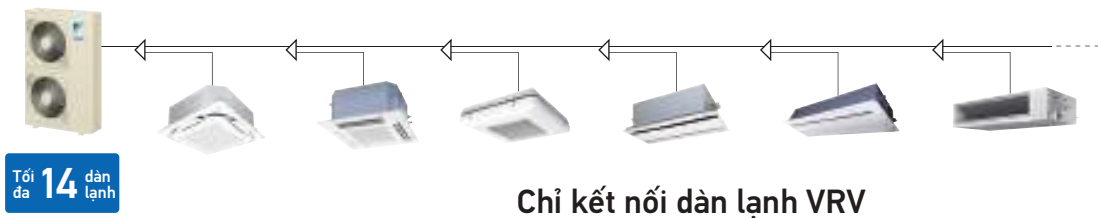
Dàn lạnh VRV

Loại dàn lạnh	Tên Model	Capacity Range	20	25	32	40	50	63	71	80	100	125	140	200	250	400	500		
			0.8 HP	1 HP	1.25 HP	1.6 HP	2 HP	2.5 HP	3 HP	3.2 HP	4 HP	5 HP	6 HP	8 HP	10 HP	16 HP	20 HP		
			Capacity Index	20	25	31.25	40	50	62.5	71	80	100	125	140	200	250	400	500	
Cassette âm trần (Đa hướng thổi có cảm biến)	Mới FXFSQ-AVM			●	●	●	●	●		●	●	●	●						
Cassette âm trần (Đa hướng thổi)	Mới FXFQ-AVM			●	●	●	●	●		●	●	●	●						
Cassette âm trần (4 hướng thổi nhỏ gọn)	FXZQ-MVE		●	●	●	●	●			●									
Cassette âm trần (2 hướng thổi)	FXCQ-AVM		●	●	●	●	●	●		●		●							
Cassette âm trần (1 hướng thổi)	Mới FXEQ-AV36		●	●	●	●	●	●											
Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng (Loại tiêu chuẩn)	Mới FXDQ-PDVE (Có bơm nước xả)		●	●	●														
	Mới FXDQ-PDVET (Không có bơm nước xả) (Chiều rộng 700mm)		●	●	●														
	Mới FXDQ-NDVE (Có bơm nước xả)					●	●	●											
	Mới FXDQ-NDVET (Không có bơm nước xả) (Chiều rộng 900/1,100mm)					●	●	●											
Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng (Loại nhỏ gọn)	FXDQ-SPV1		●	●	●	●	●	●											
Giấu trần nổi ống gió áp suất tĩnh trung bình	Mới FXSQ-PAVE		●	●	●	●	●	●		●	●	●	●						
Giấu trần nổi ống gió hồi sau	Mới FXMQ-PAVE		●	●	●	●	●	●		●	●	●	●						
	FXMQ-MVE9													●	●				
Bộ xử lý không khí	FXMQ-MFV1											●		●	●				
Áp trần 4 hướng thổi	FXUQ-AVEB								●		●								
Áp trần	FXHQ-MAVE				●			●		●									
Treo tường	FXAQ-PVE		●	●	●	●	●	●											
Đặt sàn	FXLQ-MAVE		●	●	●	●	●	●											
Giấu sàn	FXNQ-MAVE		●	●	●	●	●	●											
Tủ đứng đặt sàn nổi ống gió	FXVQ-NY1											●		●	●	●	●		
	FXVQ-NY16 (Loại áp suất tĩnh cao)																	●	
Điều hòa không khí cho phòng sạch	FXBQ-PVE					●	●	●										●	
	FXBPQ-PVE								●										
Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt	VAM-GJVE		Lưu lượng gió 150-2000 m3/h																

Dàn lạnh dân dụng kết nối với bộ BP

Loại dàn lạnh	Tên Model	Dây công suất (kW) Công suất định mức	25	35	50	60	71
			2.5	3.5	5.0	6.0	7.1
			25	35	50	60	71
Giấu trần nối ống gió dạng mỏng	FDKS-EAVMB  (Chiều rộng 700mm)		●	●			
	FDKS-C(A)VMB  Chiều rộng 900/1,100mm)			●		●	
Treo tường	FTKJ-NVMVW 			●			
	FTKJ-NVMVS 			●			
	FTKS-DVM 	●	●				
	FTKS-BVMA 			●			
	FTKS-FVM 				●	●	●

Dàn lạnh VRV kết nối với dàn lạnh dân dụng trong cùng một hệ thống



* Vui lòng tham khảo trang 58 để biết số dàn lạnh tối đa có thể kết nối.

Các kiểu dàn lạnh

Daikin cung cấp nhiều loại dàn lạnh bao gồm cả các model **VRV** và dân dụng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng về các giải pháp điều hòa không khí.

Các dàn lạnh VRV

Cassette âm trần
(Đa hướng thổi có cảm biến)

Mới FXFSQ-AVM



Sự hiện diện của người và nhiệt độ sàn nhà có thể được phát hiện nhằm tạo ra sự thoải mái tối ưu và tiết kiệm năng lượng.



Cassette âm trần
(Đa hướng thổi)

Mới FXFQ-AVM



Luồng gió 360° giúp phân bố nhiệt độ đồng đều khắp phòng mang đến một môi trường sống tiện nghi.



Cassette âm trần
(4 hướng thổi nhỏ gọn)

FXZQ-MVE



Thiết kế nhỏ gọn & hoạt động êm ái mang đến sự tiện nghi cho người sử dụng.



Cassette âm trần
(2 hướng thổi)

FXCQ-AVM



Mỏng, nhẹ và dễ dàng lắp tại những khu vực có diện tích trần hẹp.



Cassette âm trần
(1 hướng thổi)

Mới FXEQ-AV36

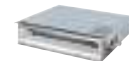


Thiết kế mỏng giúp linh hoạt trong việc lắp đặt.



Giấu trần nối ống gió dạng mỏng
(Loại tiêu chuẩn)

Mới FXDQ-PDVE(T)



Mới FXDQ-NDVE(T)



Thiết kế mỏng, yên tĩnh và khả năng thay đổi áp lực tĩnh.



Giấu trần nối ống gió dạng mỏng
(Loại nhỏ gọn)

FXDQ-SPV1



Thiết kế mỏng và nhỏ gọn giúp linh hoạt trong việc lắp đặt.

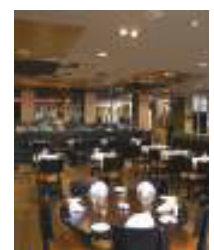


Giấu trần nối ống gió áp suất
tĩnh trung bình

Mới FXSQ-PAVE



Áp suất tĩnh trung bình và thiết kế mỏng cho phép việc lắp đặt một cách linh hoạt.



Giấu trần nối ống gió hồi sau

Mới FXMQ-PAVE



FXMQ-MVE9



Áp suất tĩnh cao cho phép việc lắp đặt một cách linh hoạt



Bộ xử lý không khí

FXMQ-MFV1



Kết hợp xử lý gió tươi và điều hòa không khí được tích hợp trong một hệ thống.



Dàn lạnh VRV

Áp trần 4 hướng thổi

FXUQ-AVEB



Dàn lạnh kiểu dáng mỏng giúp phân bố luồng gió tối ưu và có thể lắp đặt khi không có hốc trần.

Áp trần

FXHQ-MAVE



Kiểu dáng mỏng với luồng gió rộng và hoạt động êm ái

Treo tường

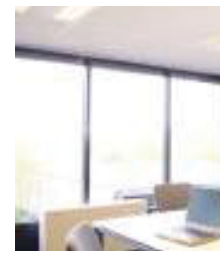
FXAQ-PVE



Mặt nạ phẳng, thời trang tạo sự hài hòa với không gian nội thất.

Đặt sàn

FXLQ-MAVE



Giấu sàn

FXNQ-MAVE



Thích hợp cho điều hòa không khí khu vực bao quanh

Đặt sàn nổi ống gió

FXVQ-NY1

FXVQ-NY16

(Áp suất tĩnh cao)



Luồng gió phân bố rộng thích hợp cho không gian lớn. Thiết kế nội thất linh hoạt cho mọi ứng dụng.

Điều hòa không khí cho phòng sạch

FXBQ-PVE

FXBPQ-PVE



Thích hợp cho các bệnh viện và các không gian sạch khác

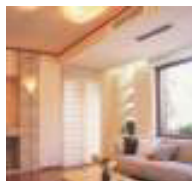
Các dàn lạnh dân dụng với kết nối đến bộ BP

Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng

FDKS-EAVMB



FDKS-C(A)VMB



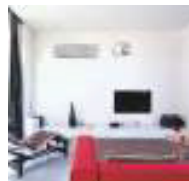
Thiết kế phẳng và mỏng thích hợp với trần mỏng

Treo tường

FTKJ-NVMVW



FTKJ-NVMVS



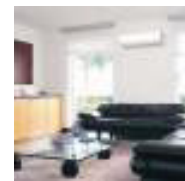
Mẫu mã thanh lịch với kiểu dáng Châu Âu

Treo tường

FTKS-DVM

FTKS-BVMA

FTKS-FVM



Mặt nạ phẳng, thời trang tạo sự hài hòa với không gian nội thất.

Thiết bị xử lý không khí

Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt

VAM-GJ

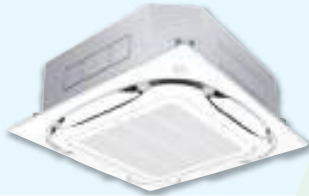


Các kiểu dàn lạnh

Cassette âm trần đa hướng thổi có cảm biến

Mới FXFSQ-A

Round flow
with sensing



Cassette âm trần đa hướng thổi

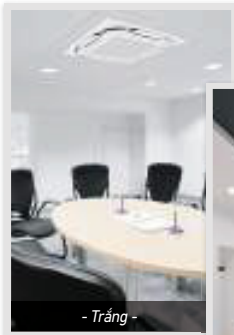
Mới FXFQ-A

ROUND FLOW

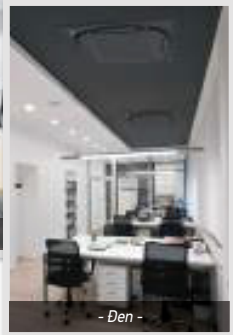


Mới Mặt nạ trang trí đa dạng (Tùy chọn)

Người thiết kế có nhiều sự lựa chọn hơn với các loại mặt nạ đa dạng.



- Trắng -



- Đen -



- Trắng -

Mặt nạ thiết kế



- Trắng -



- Đen -

Mặt nạ tiêu chuẩn

Chỉ dòng FXFSQ
Mặt nạ tiêu chuẩn
với cảm biến

Mới Mặt nạ thiết kế (Tùy chọn)

Tiến đến phong cách hoàn hảo
Mặt nạ thiết kế mới

PHẪNG	SẠCH	ĐẸP
<p>Phong cách nổi bật: Lưới hồi kết cấu bằng phẳng.</p>	<p>Mặt cắt thanh lịch: Vết bẩn khó nhìn thấy trên mặt nạ thông minh.</p>	<p>Sự khác biệt tinh tế: Xung quanh miệng hồi bạc là một đường bo tròn trang nhã.</p>

Dãy sản phẩm mặt nạ (Tùy chọn)



Chỉ có ở model FXFSQ

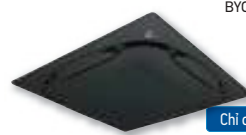
Mặt nạ tiêu chuẩn với cảm biến*¹
BYCQ125EEF (Trắng)



Mặt nạ tiêu chuẩn*²
BYCQ125EAF (Trắng)



Mặt nạ thiết kế*²
BYCQ125EAPF (Trắng)



Chỉ có ở model FXFSQ

Mặt nạ tiêu chuẩn có cảm biến*¹
BYCQ125EEK (Đen)



Mặt nạ tiêu chuẩn*²
BYCQ125EAK (Đen)



Mặt nạ lưới tự động*²
BYCQ125EASF (Trắng)

*1. Tính năng cảm biến sẽ kích hoạt khi mặt nạ có cảm biến được lắp đặt.
*2. Những mặt nạ này không có tính năng cảm biến.

Cassette âm trần

Thông số kỹ thuật

Cassette Âm Trần (Đa Hướng Thổi Có Cảm Biến)

MODEL	FXFSQ25AVM	FXFSQ32AVM	FXFSQ40AVM	FXFSQ50AVM	FXFSQ63AVM	FXFSQ80AVM	FXFSQ100AVM	FXFSQ125AVM	FXFSQ140AVM	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz									
Công suất làm lạnh	Btu/h	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
	kW	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.028		0.035	0.038	0.061	0.092	0.144	0.170	0.194
Vỏ máy	Thép mạ kẽm									
Lưu lượng gió (5 cấp)	m ³ /phút	13/12.5/11.5/11/10		17/13.5/12.5/12/11	23/20.5/19/14.5/11	23.5/21/20/16/13.5	24.5/22/20.5/20/15	33.5/30.5/27/23.5/21	34.5/31.5/28.5/25.5/23	35.5/32.5/29.5/26.5/23
	cfm	459/441/406/388/353		600/477/441/424/388	812/724/671/512/388	830/741/706/565/477	865/777/724/706/530	1,183/1,077/953/830/741	1,218/1,121/1,006/900/812	1,253/1,147/1,041/935/812
Độ ồn (5 cấp)	dB(A)	30/29.5/28.5/28/27		35/29.5/29/28/27	38/35/34.5/29.5/27	38/36/35.5/31.5/28	39/37/36/35.5/31	44/41/38/35/33	45/42.5/39.5/37/35	46/43.5/40.5/38/35
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	256x840x840							298x840x840	
Trọng lượng máy	kg	19			24	22		25	26	
Ống kết nối	Lồng (Loe)	φ 6.4				φ 9.5				
	Hơi (Loe)	φ 12.7				φ 15.9				
	Nước xả	VP25 (Đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)								

Cassette Âm Trần (Đa Hướng Thổi)

MODEL	FXFQ25AVM	FXFQ32AVM	FXFQ40AVM	FXFQ50AVM	FXFQ63AVM	FXFQ80AVM	FXFQ100AVM	FXFQ125AVM	FXFQ140AVM	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz									
Công suất làm lạnh	Btu/h	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
	kW	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.029		0.036	0.040	0.063	0.096	0.158	0.178	0.203
Vỏ máy	Thép mạ kẽm									
Lưu lượng gió (5 cấp)	m ³ /phút	13/12.5/11.5/11/10		17/13.5/13/12/11	18/17/13.5/12.5/11	21/20/16/15/13.5	22.5/21.5/21/20/15	32/29/26/23/21	33/30.5/28/25.5/21	35.5/32.5/29.5/26.5/23
	cfm	459/441/406/388/353		600/477/459/424/388	635/600/477/441/388	741/706/565/530/477	794/759/741/706/530	1,130/1,024/918/812/741	1,145/1,077/988/900/741	1,253/1,147/1,041/935/812
Độ ồn (5 cấp)	dB(A)	30/29.5/28.5/28/27		35/29.5/29/28/27	35/33.5/29.5/28/27	36/35.5/31.5/31/28	37/36.5/36/35.5/29.5	43/40.5/37.5/35/33	44/41.5/39/36.5/33	46/43.5/40.5/38/35
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	256x840x840							298x840x840	
Trọng lượng máy	kg	19			22		25	26		
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 6.4				φ 9.5				
	Hơi (loe)	φ 12.7				φ 15.9				
	Nước xả	VP25 (Đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)								

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0m
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được dựa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh

Mặt nạ trang trí (Tùy chọn)

			Đa hướng thổi có cảm biến		Đa hướng thổi	
			FXFSQ-A		FXFQ-A	
Mặt nạ tiêu chuẩn có cảm biến	Model		BYCQ125EEF (Trắng) / BYCQ125EEK (Đen)		—	
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	50x950x950		—	
	Trọng lượng	kg	5.5		—	
Mặt nạ tiêu chuẩn	Model		BYCQ125EAF (Trắng) / BYCQ125EAK (Đen)		—	
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	50x950x950		—	
	Trọng lượng	kg	5.5		—	
Mặt nạ thiết kế	Model		BYCQ125EAPF (Trắng)		—	
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	97x950x950		—	
	Trọng lượng	kg	6.5		—	
Mặt nạ lưới tự động	Model		BYCQ125EASF (Trắng)		—	
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	105x950x950		—	
	Trọng lượng	kg	8		—	

Các tính năng

		Đa hướng thổi có cảm biến		Đa hướng thổi	
		FXFSQ-A		FXFQ-A	
Điều khiển từ xa	Có dây	BRC1E63	—	BRC1E63	—
	Không dây	—	BRC7M635F	—	BRC7M635F
Cảm biến kép *1		○			
Luồng gió trực tiếp *1		○			
Chế độ dò cảm biến thấp *1		○			
Chế độ tắt cảm biến *1		○			
Luồng gió tuần hoàn		○		○	
Điều khiển hướng gió độc lập		○		○	
5 cấp tốc độ quạt		○	○	○	○
Luồng gió tự động		○	○	○	○
Đào gió tự động		○	○	○	○
Lựa chọn kiểu đảo gió		○	○	○	○
Ứng dụng cho trần cao		○		○	

*1. Áp dụng khi mặt nạ cảm biến được lắp đặt.

Các kiểu dàn lạnh

Công nghệ cảm biến Daikin *1,2

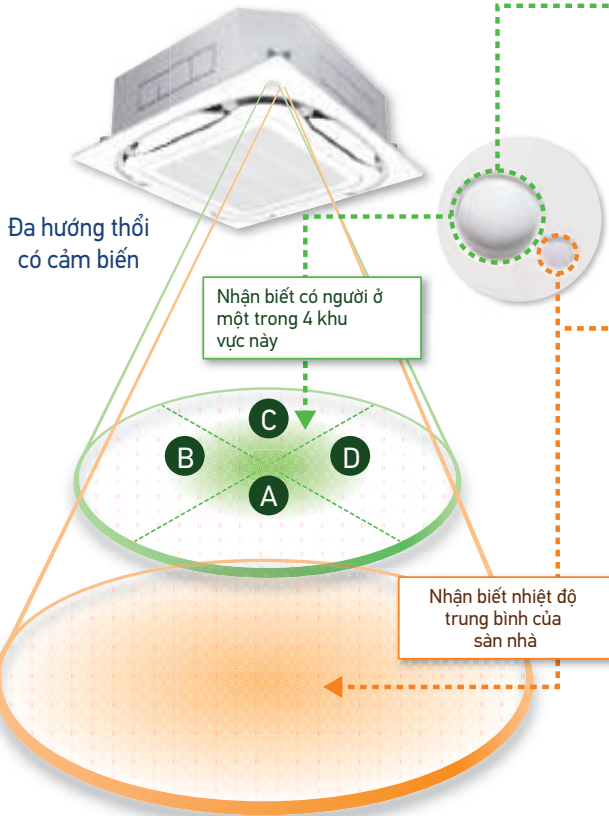
Chỉ có ở model FXFSQ

Cảm Biến Kép*1

Cảm biến kép và điều khiển luồng gió độc lập giúp cho việc kiểm soát luồng gió tối ưu một cách tự động.

*1. Áp dụng khi mặt nạ cảm biến (BYCQ125EEF/EEK) được lắp đặt.

*2. Áp dụng khi điều khiển từ xa có dây BRC1E63 được sử dụng.



Cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết có người ở một trong 4 khu vực.

Chiều cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính)*3	Khoảng 8.5m	Khoảng 11.5m	Khoảng 13.5m

*3. Cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại có thể nhận biết ở khoảng cách 80cm so với sàn nhà.

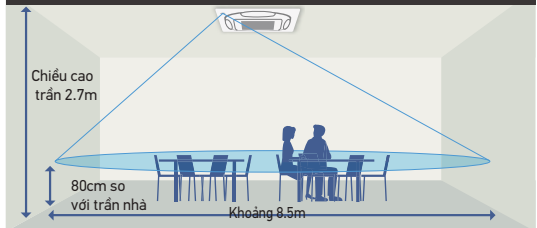
Cảm biến nhiệt sàn bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết nhiệt độ sàn nhà và tự động điều chỉnh hoạt động dàn lạnh để giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa trần nhà và sàn nhà.

Chiều cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính)*4	Khoảng 11m	Khoảng 14m	Khoảng 16m

*4. Cảm biến hồng ngoại phát hiện ở bề mặt sàn.

Phạm vi tiêu chuẩn cho cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại *



*[Liên quan đến cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại]

- Nhận biết người bằng các chuyển động mạnh như bước đi khi cách cảm biến ở một khoảng nhất định.

- Cảm biến không thể nhận biết có người khi nằm trong các khu vực điểm mù.

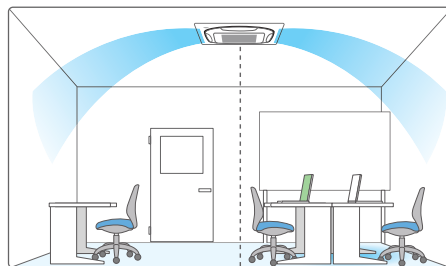
[Lưu ý khi sử dụng cảm biến sàn nhà bằng tia hồng ngoại]

- Nhiệt độ nhận biết có thể bị ảnh hưởng bởi các nguồn nhiệt khác, cửa sổ hoặc các thiết bị phát nhiệt trong phạm vi nhận biết.

Chức năng luồng gió tự động*5

*5. Hướng gió nên được cài đặt ở chế độ "Tự động".

Mới Luồng gió trực tiếp (mặc định: TẮT) Khi không phát hiện người

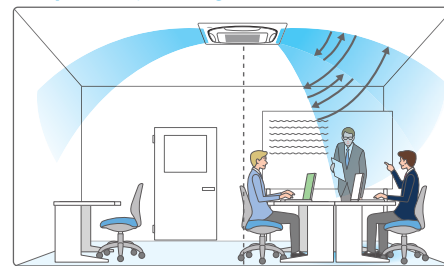


Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động"

- Với chế độ hướng gió "Tự động", các miệng gió được điều khiển mang lại luồng gió tối ưu khi phòng không có người.

Làm lạnh Khử ẩm

Khi phát hiện có người



Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động" Đảo gió (hẹp)

- Khi nhận biết có người, hướng gió chuyển sang cài đặt "Đảo gió (hẹp)" để làm mát người dùng.

Mới

Cassette âm trần FXFSQ-A

(Đa hướng thổi có Cảm Biến)

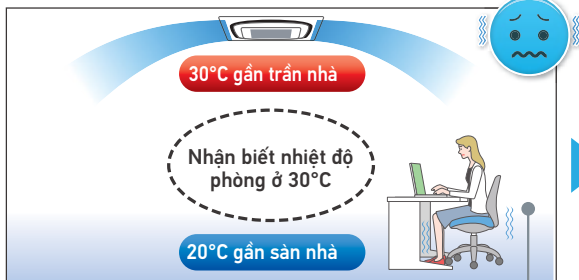
Thoải mái và tiết kiệm năng lượng ngăn ngừa tình trạng quá lạnh/quá nóng*6

*6. Hướng gió và tốc độ gió
nên được chỉnh ở chế độ "Tự động"

Nhận biết nhiệt độ sàn và ngăn ngừa tình trạng quá lạnh

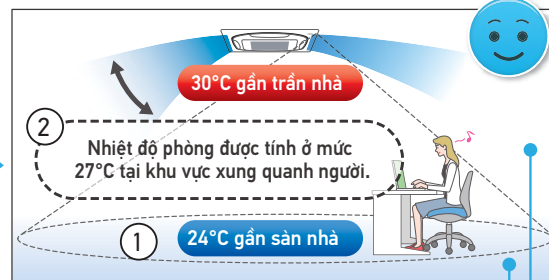
Làm lạnh

Không có chức năng cảm biến



Khu vực xung quanh bàn chân trở nên quá lạnh bởi vì máy điều hòa tiếp tục vận hành cho đến khi trần nhà đạt nhiệt độ cài đặt.

Có chức năng cảm biến



Nhiệt độ sàn nhà thấp hơn nhiệt độ gần trần nhà được cảm biến nhận biết.

Điều khiển nhiệt độ tự động sử dụng nhiệt độ gần người như là nhiệt độ phòng.

Tiết kiệm
năng lượng

Nhiệt độ gần người được tự động tính toán bằng cách nhận biết nhiệt độ sàn. Năng lượng sẽ được tiết kiệm do khu vực xung quanh chân không bị quá lạnh.

Chức năng cảm biến nhiệt độ *7,8,9

*7. Áp dụng khi mặt nạ cảm biến (BYCQ125EEF/EEK) được sử dụng.

*8. Không có chức năng này khi sử dụng điều khiển nhòm.

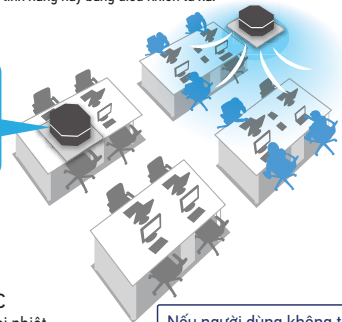
*9. Người dùng có thể cài đặt những tính năng này bằng điều khiển từ xa.

Chế độ cảm biến giảm nhiệt độ (mặc định: TẮT)

Khi không có người trong phòng, nhiệt độ cài đặt được tự động điều chỉnh.

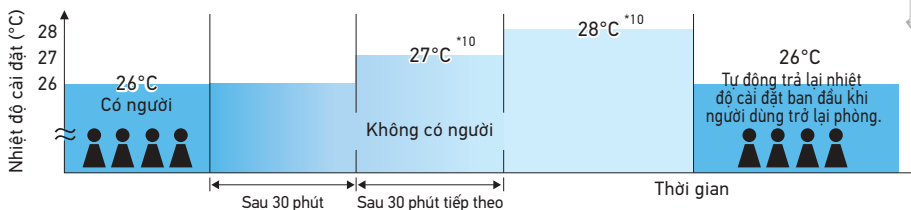
- Hệ thống tự động tiết kiệm năng lượng bằng việc nhận biết phòng có người hay không. Nhiệt độ cài đặt được tự động điều chỉnh khi phòng không có người.

Giảm hoạt động ở những nơi không có người.



Ví dụ

- Nhiệt độ cài đặt làm lạnh: 26°C
- Thời gian điều chỉnh: 30 phút
- Biên độ nhiệt điều chỉnh: 1.0°C
- Giới hạn nhiệt độ cài đặt làm lạnh: 30°C



Nếu người dùng không trở lại phòng, máy điều hòa sẽ tăng nhiệt độ thêm 1°C cứ mỗi 30 phút và sau đó sẽ hoạt động ở nhiệt độ 30°C

Biên độ nhiệt và thời gian có thể được lựa chọn từ 0.5 đến 4°C với mức tăng 0.5°C và thời gian tương ứng 15, 30, 45, 60, 90 hoặc 120 phút tương ứng bằng điều khiển từ xa.

*10. Trên màn hình tùy chỉnh của điều khiển từ xa, nhiệt độ cài đặt không thay đổi.

Chế độ cảm biến ngưng hoạt động (mặc định: TẮT)

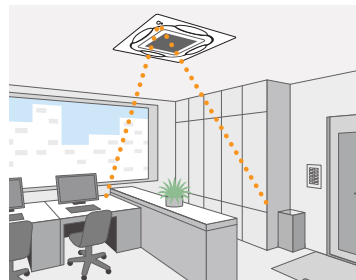
Khi không có người trong phòng, hệ thống tự động ngưng hoạt động.*11,12

- Hệ thống tự động tiết kiệm năng lượng bằng cách nhận biết phòng có người hay không.
- Dựa trên điều kiện sử dụng được cài đặt sẵn, hệ thống tự động ngưng hoạt động nếu phòng không có người.

Thời gian ngưng hoạt động khi không có người có thể tùy chọn từ 1 đến 24 giờ với mức lũy tiến 1 giờ bằng điều khiển từ xa

*11. Lưu ý rằng khi người dùng trở lại phòng, máy điều hòa sẽ không tự động bật lại.

*12. Để bảo vệ máy, hệ thống có thể tạm thời hoạt động ở chế độ dừng chờ.



Các kiểu dàn lạnh

Mới Luồng gió tuần hoàn*1

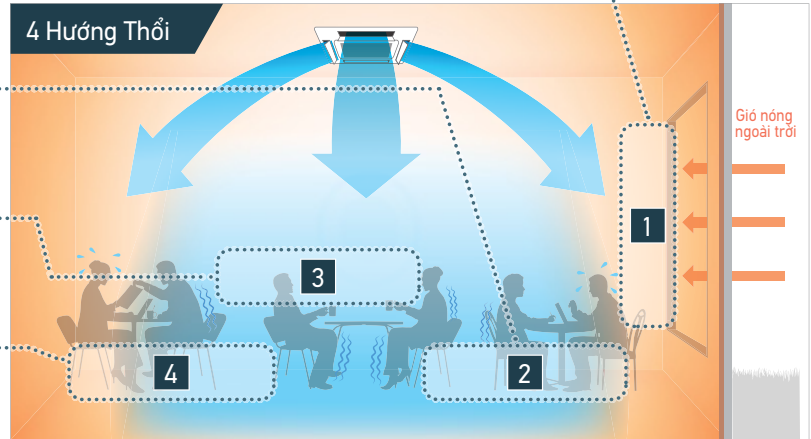
*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63.

Luồng gió hiện tại

Tạo ra các khu vực quá lạnh hoặc không đủ mát



- Vấn đề 1**
Gió nóng bên ngoài đi vào phòng theo các cửa sổ và tường làm cho khu vực này nóng lên.
- Vấn đề 2**
Luồng gió lạnh chỉ tập trung ở bên dưới tạo ra những khu vực lạnh trên mặt sàn.
- Vấn đề 3**
Luồng gió thổi trực tiếp vào người tạo cảm giác không thoải mái cho người ở trong phòng.
- Vấn đề 4**
Luồng gió lạnh giảm nhanh gây ra hiện tượng không đủ lạnh ở các góc phòng.



Luồng gió tuần hoàn làm mát toàn bộ căn phòng, mang lại cảm giác sảng khoái mà không cảm thấy lạnh.



Trong lúc thổi gió ngang theo 2 hướng

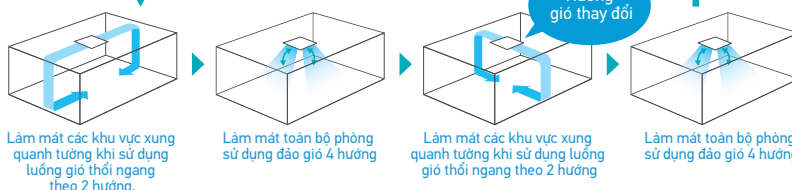


Cách hoạt động của luồng gió tuần hoàn

Làm mát toàn bộ căn phòng mang lại cảm giác sảng khoái mà không cảm thấy lạnh.

Vận hành (lúc khởi động)

Hoạt động lặp lại



Khi đạt đến nhiệt độ cài đặt, chế độ vận hành bình thường (thổi đa hướng) bắt đầu.

Ghi chú:
Các kết quả có thể khác nhau tùy theo điều kiện thiết bị, kích thước phòng và khoảng cách từ dàn lạnh đến tường.

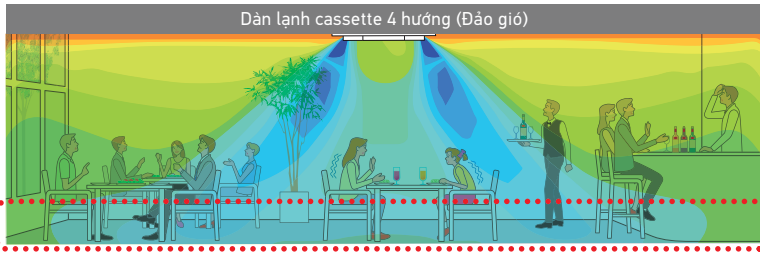
Cassette âm trần FXFSQ-A (Đa hướng thổi có Cảm Biến)

Mới

FXFQ-A (Đa hướng thổi)

Mới

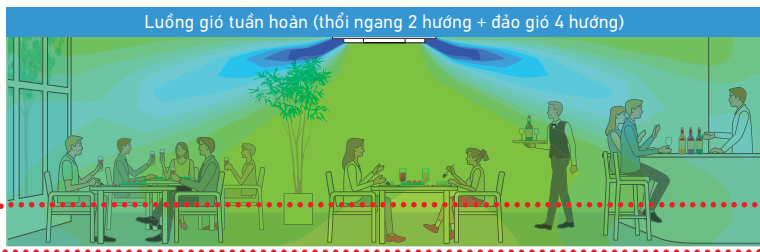
Mang lại sự thoải mái phòng với nhiệt độ ổn định và không có khu vực quá lạnh ở mặt sàn



Các điều kiện so sánh:

- Kích thước phòng: Rộng 7.5m x Dài 7.5m x Cao 2.6m
- Công suất dàn lạnh: 8.0kW
- Nhiệt độ ngoài trời: 35°C
- Lưu lượng gió và hướng gió: cao/ đảo gió

Những khu vực ở mặt sàn thì lạnh trong khi những khu vực xung quanh tường thì nóng.



Tiết kiệm năng lượng khoảng 5% bằng cách ổn định nhiệt độ *2

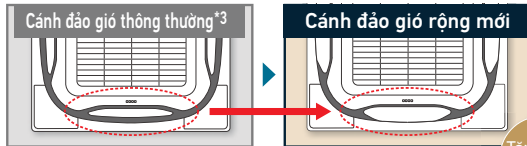
*2. Tính toán theo những điều kiện sau: Khi nhiệt độ trung bình ở độ cao 0.6m so với mặt sàn thì sẽ đạt đến nhiệt độ cài đặt (26°C)

Sự thoải mái tối đa và không bị lạnh ở bàn chân.

Ba công nghệ tạo ra luồng gió tuần hoàn

1 Sử dụng cánh đảo gió rộng mới (Thẳng)

Với cánh đảo gió loại mới lớn hơn, quỹ đạo gió thổi thẳng hơn, độ bao phủ gần gấp đôi.



*3. Model FXFQ-S

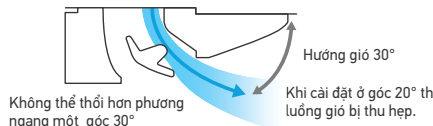
Cấu trúc cánh đảo gió rộng ngăn bụi bẩn và bụi trần.

Bằng cách thu hẹp hai đầu cánh đảo gió, luồng gió gây ra bụi trần được hướng xuống dưới.

2 Tối ưu góc thổi gió (Phương ngang)

Góc thổi gió theo phương ngang nhiều hơn.

Cánh đảo gió thông thường *3 *3. Model FXFQ-S



Cánh đảo gió rộng mới



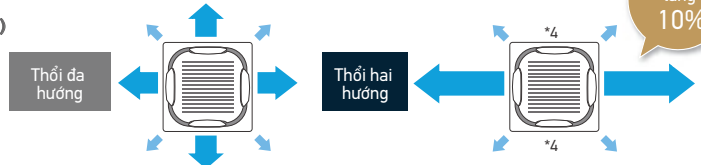
Ngay cả khi ở góc 20°, luồng gió vẫn được duy trì.

Vận tốc tăng 10%

3 Tăng vận tốc thổi 2 hướng (Mạnh mẽ)

Vận tốc tăng lên nhờ thổi 2 hướng. Luồng gió thổi mạnh được tạo ra.

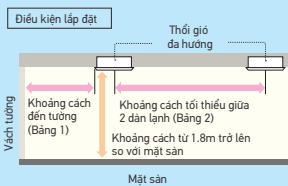
*4. 2 cửa gió còn lại được điều khiển bằng cách thay đổi hướng (góc) cánh đảo gió để chặn lưu lượng gió thổi ra 2 cửa gió này.



Những điều cần nhớ khi sử dụng luồng gió tuần hoàn

Các điểm chỉnh khi sử dụng

- Hiệu quả có thể khác nhau tùy theo điều kiện phòng, kích thước phòng và khoảng cách đến tường.
- Sự thổi gió có thể khác khi sử dụng mặt nạ thổi (Sự thổi gió thay đổi lập đi lập lại từ thổi ngang 3 hướng thành thổi 4 hướng từ trên xuống (đào gió) đến thổi 2 hướng theo phương ngang và thổi 4 hướng từ trên xuống (đào gió)).
- Luồng gió tuần hoàn hoạt động khi kết nối với điều khiển từ xa có dây (BRC1E63). Tuy nhiên, không thể sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Khi sử dụng tấm chắn miệng gió và ống gió nhánh;
 - Khi lựa chọn cài đặt luồng gió đơn;
 - Khi sử dụng điều khiển nhóm ngoài trừ luồng gió thổi đa hướng.



[Bảng 1]
Khoảng cách từ dàn lạnh đến tường.

Công suất dàn lạnh	FXF(S)Q 25-50	FXF(S)Q 63/80	FXF(S)Q 100-140
Khoảng cách tối đa	1.5m-4m	1.5m-5m	1.5m-7m

[Bảng 2]
Khoảng cách tối thiểu giữa các dàn lạnh

Công suất dàn lạnh	FXF(S)Q 25-50	FXF(S)Q 63/80	FXF(S)Q 100-140
Khoảng cách tối đa	tối thiểu 4m	tối thiểu 5m	tối thiểu 7m

Các kiểu dàn lạnh

Mới Điều khiển hướng gió độc lập *1

*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63

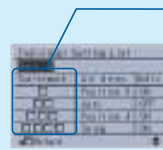
Điều hòa không khí thoải mái cho tất cả các cách bố trí phòng và điều kiện khác nhau.

Hướng gió có thể được điều chỉnh riêng cho mỗi miệng gió để đạt sự phân phối gió tối ưu nhất.

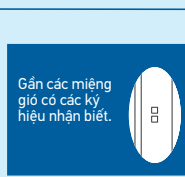
Cài đặt dễ dàng với điều khiển từ xa có dây.



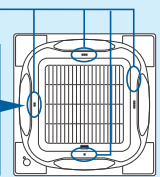
Mới BRC1E63



Màn hình điều khiển từ xa



Gắn các miệng gió có các ký hiệu nhận biết.



Vị trí 0 (Luồng gió cố định ở vị trí cao nhất)

Không cài đặt độc lập (Luồng gió tự động)

Đào gió (Lên/xuống)

Vị trí 4 (Luồng gió cố định tại vị trí thấp nhất)

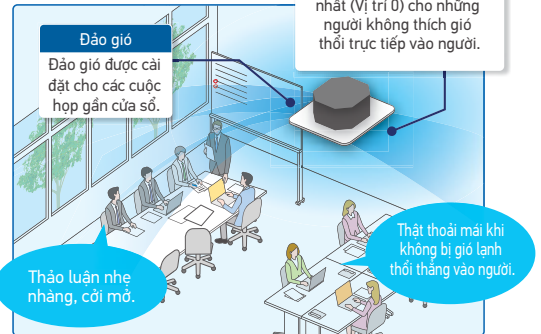
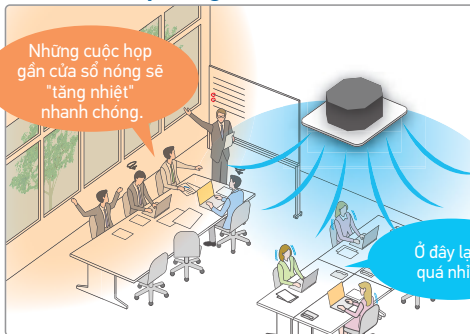
Các cài đặt độc lập cho luồng gió

- Không cài đặt đơn (Luồng gió tự động)
- Vị trí 0 (Điểm cao nhất)
- Vị trí 1
- Vị trí 2
- Vị trí 3
- Vị trí 4 (Điểm thấp nhất)
- Đào gió

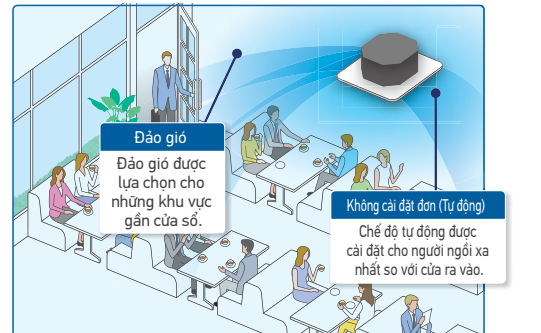
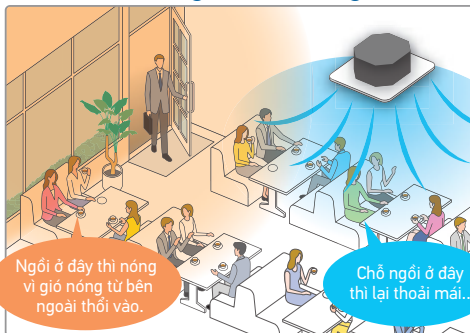
Các cài đặt độc lập có thể thiết lập như nêu trên.

Khi luồng gió độc lập được lựa chọn, hướng gió có thể được điều chỉnh theo cách bố trí phòng

Đối với văn phòng



Đối với cửa hàng và nhà hàng



Cassette âm trần FXFSQ-A

(Đa hướng thổi có Cảm Biến)

Mới

FXFQ-A

(Đa hướng thổi)

Mới

Những tính năng khác

Tiện nghi

Luồng gió 360° & Những loại luồng gió có thể lựa chọn

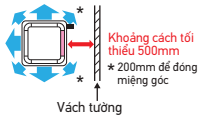
Dàn lạnh cung cấp luồng gió 360° cho mọi hướng với sự phân bố đồng đều hơn. Luồng gió thoát ra ở các góc của mặt nạ mang đến sự thoải mái hơn.

Những kiểu luồng gió

tổng cộng
18
kiểu

Thổi đa hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng hình chữ L	Thổi 2 hướng đối diện
(Ví dụ: Máy được lắp đặt ở giữa trần) Cũng có thể thổi 4 hướng.	(Ví dụ: Máy được lắp đặt gần tường)	(Ví dụ: Máy được lắp đặt ở trong góc)	(Ví dụ: Máy được lắp đặt trong phòng dài)

Khoảng cách đến tường được khuyến cáo đóng miệng gió



Chú ý:

- Kiểu mặt nạ được sử dụng dành cho tất cả các kiểu thổi. Nếu lắp đặt các kiểu khác ngoài kiểu thổi đa hướng, cần sử dụng tấm chắn miệng gió (phụ kiện tùy chọn) để che các miệng gió không sử dụng.
- Độ ồn tăng khi sử dụng thổi 2 hướng hoặc 3 hướng.
- Mặt nạ thổi trang không thể thổi 2 hướng và 3 hướng.

Tiện lợi và thoải mái tối ưu từ 3 chế độ đảo gió

Hướng gió	Cài đặt tiêu chuẩn ¹	Cài đặt ngăn gió lùa (cài đặt tại chỗ)	Cài đặt chống bắn trần ² (cài đặt tại chỗ)
Hướng gió theo ý muốn	Sử dụng khi cần gió nhẹ.	Khi không thích gió lùa.	Khuyến khích sử dụng cho các cửa hàng có trần nhà màu sáng cần giữ sạch.
Đảo gió tự động			
Cài đặt hướng thổi 5 mức độ			
Điều khiển hướng thổi tự động		Hướng gió được cài đặt tự động đến vị trí đã được ghi nhớ của vị trí trước đó.	

Chú ý:

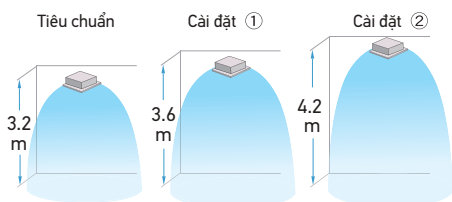
- Hướng thổi được cài đặt ở vị trí chuẩn khi dàn lạnh được giao từ nhà máy. Vị trí này có thể thay đổi bằng điều khiển từ xa.
- Nên đóng các miệng gió ở góc dàn lạnh.

Tốc độ quạt có thể thay đổi: 5 bước và tự động

Việc điều khiển lưu lượng gió đã được tăng từ 3 bước đến 5 bước. Chức năng lưu lượng gió tự động là chức năng mới ở loại dàn lạnh này.

Thích hợp với các trần nhà cao

Ngay cả khi trong những không gian trần nhà cao, luồng gió vẫn được điều chỉnh thổi xuống mặt sàn.



Khi chế độ thổi đa hướng được chọn, gió vẫn có thể thổi được đến các trần nhà ở độ cao 4.2m (FXF(S)Q100-140A)

■ Chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và số lượng miệng gió (Chiều cao trần chỉ là các giá trị tham khảo)

		Số lượng miệng gió được sử dụng								
		FXF(S)Q25-80A				FXF(S)Q100-140A				
Chiều cao trần nhà	Tiêu chuẩn	Thổi đa hướng	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng	Thổi đa hướng	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng	
	Trần cao ①	3.0 m	3.4 m	3.3 m	3.8 m	3.6 m	3.9 m	4.0 m	4.2 m	—
	Trần cao ②	3.5 m	4.0 m	3.5 m	—	4.2 m	4.5 m	4.2 m	—	—

Chú ý:

- Những giá trị nêu trên dành cho các mặt nạ tiêu chuẩn. Vui lòng xem hướng dẫn cài đặt cho các mặt nạ thiết kế thời trang.
- Cài đặt của nhà máy dành cho chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và luồng gió thổi đa hướng.
- Các cài đặt cho trần nhà cao mức (1) và (2) được cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa
- Các bộ lọc hiệu suất cao không có trong các ứng dụng trần nhà cao.

Các kiểu dàn lạnh

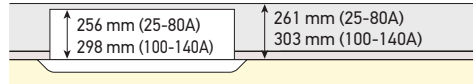
Lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng

Gọn nhẹ

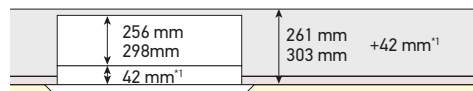
Tất cả các model đều có thể lắp đặt mà không cần sử dụng thiết bị nâng đỡ

Có thể lắp đặt trong không gian trần hẹp

Mặt nạ tiêu chuẩn

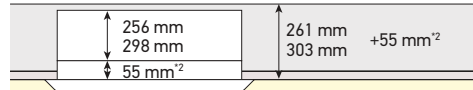


Mặt nạ thiết kế



*1. Chiều cao thân máy (Chiều cao trần yêu cầu) tăng 42mm so với mặt nạ tiêu chuẩn.

Mặt nạ lưới tự động



*2. Chiều cao thân máy (Chiều cao trần yêu cầu) tăng 42mm so với mặt nạ tiêu chuẩn.

* Khi không gian trần nhà hạn chế thì có thể lựa chọn sử dụng đệm mặt nạ (xem trang 87).

Treo dễ dàng

Các tấm cố định vòng đệm giúp giữ cố định vòng đệm và ngăn vòng đệm rơi xuống, giúp việc lắp đặt dễ dàng

Vòng đệm cố định
Vòng đệm



Tháo nắp đậy góc dễ dàng

Có thể dễ dàng tháo nắp đậy góc mà không cần sử dụng vít hoặc công cụ.

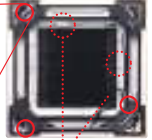


Dễ dàng gắn tạm thời mặt nạ trang trí

Bên cạnh các tấm trang trí gắn tạm thời ở 2 vị trí thường sử dụng, các tấm trang trí gắn ở 4 góc cũng được cung cấp.



Tấm trang trí ở góc (gắn ở vị trí 4 góc)

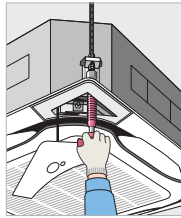


Các tấm trang trí treo tạm thời (ở 2 vị trí)

Điều chỉnh độ cao dễ dàng

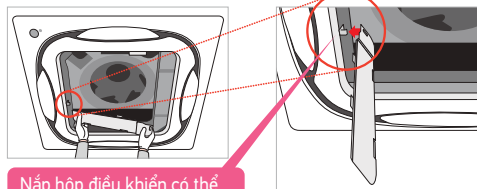
Mỗi góc máy đều có một vít điều chỉnh giúp cho việc điều chỉnh độ cao áp trần của máy trở nên dễ dàng.

Lưu ý:
Nếu có lắp đặt điều khiển từ xa không dây thì một bộ thu tín hiệu sẽ được đặt ở một trong các vít điều chỉnh này.



Gắn tạm thời nắp hộp điều khiển

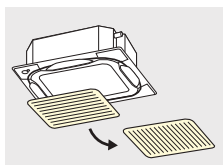
Nắp hộp điều khiển có thể gắn tạm thời trên dàn lạnh, không cần phải leo xuống thang để lấy nắp.



Nắp hộp điều khiển có thể treo vào móc khi tháo ra

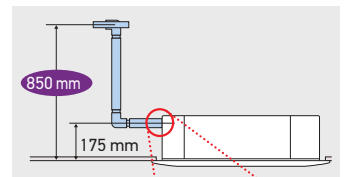
Lắp đặt ở bất kỳ vị trí nào

Vị hướng của lưới hút gió có thể điều chỉnh sau khi lắp đặt nên có thể chỉnh đồng nhất khe của hướng lưới khi lắp đặt nhiều dàn.



Bơm nước xả

Bơm nước xả được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn của máy với độ nâng 850 mm.

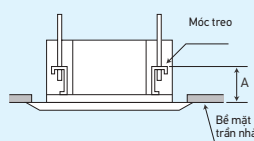


Đầu nối ống nước xả trong suốt



Điều chỉnh độ cao móc treo

Vị cấu trúc dầm treo thay đổi, các kích thước từ trần nhà đến dầm treo cũng thay đổi khi điều chỉnh độ cao từng dàn lạnh.



	Kích thước
Mặt nạ tiêu chuẩn	125-130mm
Mặt nạ thiết kế	167-172mm
Mặt nạ lưới tự động	180-185mm
"Tùy chọn khoảng" + mặt nạ tiêu chuẩn	175-180mm

*Phin lọc hiệu suất cao, phin lọc siêu bền và của lấy gió sạch

Cassette âm trần FXFSQ-A

(Đa hướng thổi có Cảm Biến)

Mới

FXFQ-A

(Đa hướng thổi)

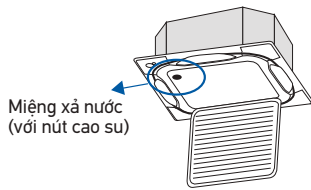
Mới

Dễ dàng bảo dưỡng

Tình trạng máng nước xả và nước xả

Có thể kiểm tra tình trạng của máng nước xả và nước xả bằng cách mở nút nước xả và lưới hút gió.

Chú ý: Đối với các yêu cầu liên quan đến việc lắp đặt mặt nạ lưới tự động, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng địa phương hoặc đại diện Daikin.



Miệng xả nước (với nút cao su)

Chỉ cần mở lưới hút gió!

Miệng thoát nước 24mm

Miệng thoát nước cho phép đưa một ngón tay hoặc một tấm gương nha khoa vào để kiểm tra máng nước xả có sạch không. Tháo lưới hút gió để có thể tiếp xúc miệng xả nước.



Mặt nạ lưới tự động (tùy chọn)

Việc vệ sinh lưới và phin lọc gió có thể được thực hiện mà không cần sử dụng thang leo bằng cách hạ độ cao lưới.

Điều khiển từ xa chuyên dụng cho mặt nạ lưới tự động (BRC16A2) được bao gồm trong máy. Không thể thực hiện được thao tác này với điều khiển BRC1E63.

Mức giảm độ cao tương ứng với độ cao trần nhà và có thể cài đặt với 8 mức độ khác nhau.

Tiêu chuẩn độ cao trần nhà (m)	Mức giảm độ cao
2.4	1.2
2.7	1.6
3.0	2.0
3.5	2.4
3.8	2.8
4.2	3.1
4.5	3.5
5.0*	3.9

*Phạm vi luồng gió là 4.5m. Vui lòng tham khảo "các tiêu chuẩn độ cao trần nhà và số lượng miệng gió" ở trang 20.



Phin lọc siêu bền (tùy chọn)

Xem trang 60

Không cần bảo dưỡng khi sử dụng trong các cửa hàng thông thường hoặc văn phòng trong thời gian lên đến bốn năm.

Sạch sẽ

Máng nước xả ion bạc kháng khuẩn

Phương pháp kháng khuẩn được tích hợp trong dàn lạnh, sử dụng ion bạc trong máng nước xả để ngăn sự phát triển của các chất nhờn, vi khuẩn, nấm mốc gây ra mùi hôi và tắc nghẽn.

(Tuổi thọ của ống ion bạc phụ thuộc vào môi trường sử dụng, nhưng 2 đến 3 năm nên thay một lần.)



Cánh đảo gió không có gờ

Các cánh đảo gió có thể được tháo rời mà không cần dùng công cụ. Tránh hiện tượng ngưng tụ, ngăn cản bụi bẩn bám vào cánh đảo gió. Dễ dàng vệ sinh.



Phin lọc được xử lý kháng khuẩn và chống mốc

Ngăn mốc và các vi sinh phát triển từ bụi và hơi ẩm bám vào bộ lọc

Các kiểu dàn lạnh

Cassette âm trần (4 hướng thổi nhỏ gọn)

FXZQ-M

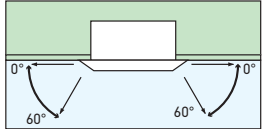


Thiết kế nhỏ gọn và hoạt động êm mang lại tiện nghi cho người sử dụng

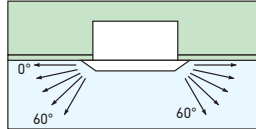
• Luồng gió thoải mái

1 Hướng cánh gió rộng: 0°-60°C

Tự động đảo gió

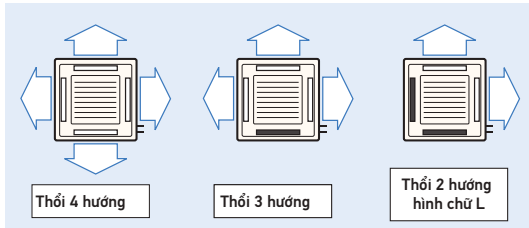


Góc thổi cố định: 5 cấp độ



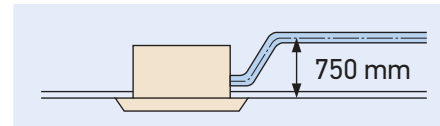
*Các góc điều chỉnh cũng có thể cài đặt ở công trường để tránh hút khí (0°-35°) hay làm bẩn trần (25°-60°), ngoài việc cài đặt tiêu chuẩn (0°-60°).

2-, 3-, 4 hướng thổi sẵn có, có thể được lắp đặt ở góc phòng.



*Đối với kiểu 3 hoặc 2 hướng thổi, phải sử dụng tấm chắn miệng thổi (tùy chọn) để che các cửa thổi không dùng đến.

- Độ ồn thấp
- Kích thước 600 mm x 600 mm phù hợp với đặc tính để thiết kế kiến trúc trần.
- Bơm nước xả được trang bị phụ kiện tiêu chuẩn với độ cao 750mm.



Thông số kỹ thuật

MODEL		FXZQ20MVE	FXZQ25MVE	FXZQ32MVE	FXZQ40MVE	FXZQ50MVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz				
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6
Điện năng tiêu thụ	kW	0.073		0.076	0.089	0.115
Vỏ máy		Thép mạ kẽm				
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /phút	9/7		9.5/7.5	11/8	14/10
	cfm	318/247		335/265	388/282	493/353
Độ ồn (Cao/Thấp)	230 V, 50 Hz 240 V, 50 Hz	30/25-32/26		32/26-34/28	36/28-37/29	41/33-42/35
Kích thước (CaoxRộngxDày)		mm 286x575x575				
Trọng lượng máy		kg 18				
Ống kết nối	Lòng (loe)	φ 6.4				
	Hơi (loe)	φ 12.7				
	Ống xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)				
Mặt nạ (Tùy chọn)	Model	BYFQ60B3W1				
	Màu	Trắng (6.5Y9.5/0.5)				
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm 55x700x700				
	Trọng lượng	kg 2.7				

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°C DB, 19.0°C WB; nhiệt độ ngoài trời 35°C DB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0m
 - Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được dựa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
 - Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.
- Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh

Cassette âm trần

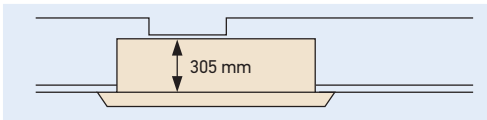
Cassette âm trần (2 hướng thổi)

FXCQ-AVM



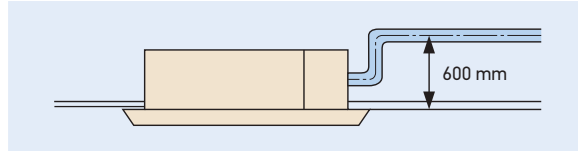
Mỏng, nhẹ và dễ dàng lắp đặt ở không gian trần hẹp

- Máy mỏng (chỉ cao 305 mm) thích hợp lắp đặt cho các không gian trần hẹp khoảng 350 mm. Các loại công suất đều được thiết kế nhỏ gọn với cùng chiều rộng 600 mm.



(Khi kết hợp thêm bộ lọc hiệu suất cao, chiều cao máy là 400 mm.)

- Bơm nước xả được lắp sẵn với độ nâng đường ống lên đến 600mm.



- Công việc bảo trì chủ yếu được thực hiện bằng cách tháo rời mặt nạ xuống. Mặt nạ hút gió phẳng, dạng rời rất dễ lau chùi.
- Máng nước xả được xử lý bằng một lớp ion bạc kháng khuẩn, ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi.

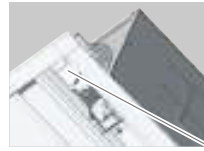
(Tuổi thọ của ống ion bạc tùy thuộc và điều kiện sử dụng, nhưng cần được thay thế mỗi 2 hoặc 3 năm)



- Bộ lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm*) là phụ kiện tiêu chuẩn.
*8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³

- Độ ồn vận hành thấp

- Các nút điều chỉnh gắn ở bốn góc của thiết bị cho phép điều chỉnh thiết bị chính mà không cần tháo bảng điều khiển.



Nút điều chỉnh

Thông số kỹ thuật

Model		FXCQ20AVM	FXCQ25AVM	FXCQ32AVM	FXCQ40AVM	FXCQ50AVM	FXCQ63AVM	FXCQ80AVM	FXCQ125AVM	
Nguồn điện		1-pha, 220-240V/220-230V, 50/60 Hz								
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	30,700	47,800	
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	9.0	14.0	
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	0.031	0.039	0.041	0.059	0.063	0.090	0.149	
Vỏ máy		Thép mạ kẽm								
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	10.5/9/7.5	11.5/9.5/8	12/10.5/8.5	15/13/10.5	16/14/11.5	26/22.5/18.5	32/27.5/22.5		
	cfm	371/318/265	406/335/282	424/371/300	530/459/371	565/494/406	918/794/653	1,130/971/794		
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp)	220V-240V	dB(A)	32/30/28	34/31/29	34/32/30	36/33/31	37/35/31	39/37/32	42/38/33	
Kích thước (Cao×Rộng×Đày)		mm	305x775x620			305x990x620		305x1,445x620		
Trọng lượng máy		kg	19			22	25	33	38	
Ống kết nối	Lông (loe)	mm	φ6.4				φ9.5			
	Hơi (loe)	mm	φ12.7				φ15.9			
	Nước xả	mm	VP25 (đường kính ngoài, 32/đường kính trong, 25)							
Mặt nạ (Tùy chọn)	Model		BYBCQ40CF			BYBCQ63CF		BYBCQ125CF		
	Màu		Trắng sáng (6.5Y 9.5/0.5)							
	Kích thước (CxRxĐ)	mm	55x1,070x700			55x1,285x700		55x1,740x700		
	Trọng lượng máy	kg	10			11		13		

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5m, chênh lệch độ cao: 0m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được dựa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.
Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh.

Các kiểu dàn lạnh

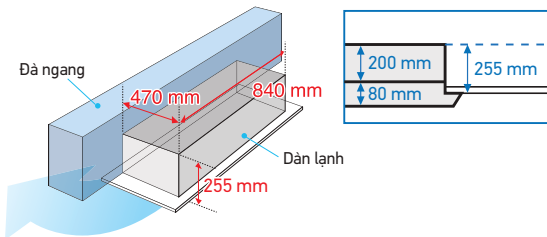
Cassette âm trần (1 hướng thổi)

Mới FXEQ-AV36

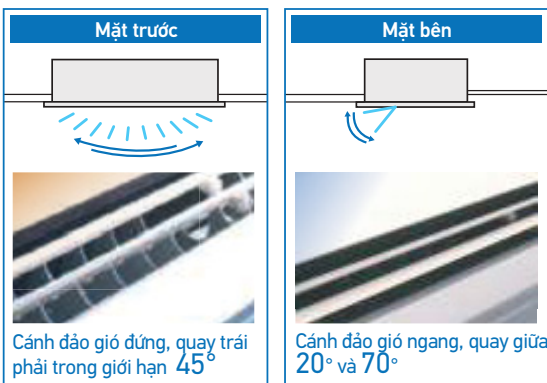
Thiết kế mỏng cho lắp đặt linh hoạt hơn



- Dàn lạnh được thiết kế gọn nhẹ với chiều cao 200mm và chiều sâu 470mm, giúp dễ dàng lắp đặt cho trần hẹp



- Cánh đảo gió ngang và đứng có thể điều chỉnh bằng điều khiển từ xa, mang luồng gió 3 chiều đến mọi góc phòng.

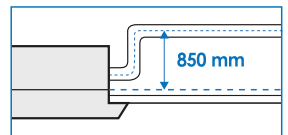


- 5 cấp độ gió cùng chế độ vận hành yên tĩnh giúp mang lại luồng gió dễ chịu.
- Dàn lạnh với quạt và bơm nước xả có động cơ DC không chỉ gia tăng hiệu suất năng lượng mà còn giảm độ ồn và độ rung khi máy hoạt động.
- Không chỉ tạo ra vẻ ấm cúng cho căn phòng, dàn lạnh còn có khả năng chống làm bẩn khu vực trần xung quanh bằng cách điều chỉnh các cánh hướng dòng.

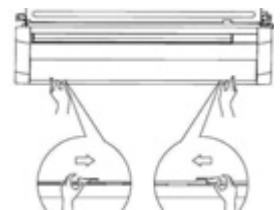
- Thiết kế mặt nạ phẳng và trơn giúp khó bám bụi, do đó làm sạch dễ dàng hơn.



- Bơm nước xả tiêu chuẩn với độ nâng 850 mm.



- Bảo trì các bộ phận phổ biến như hộp điều khiển v.v... được thực hiện dễ dàng với việc tháo mặt nạ phía đường hồi.



Cassette âm trần

Điều khiển từ xa mới (Tùy chọn)

■ Điều khiển từ xa không dây

Thiết kế mới mang lại sự hài lòng cho khách hàng.
Màu trắng sáng
Phím bấm thân thiện với người dùng với các tính năng mới như điều khiển 2 cánh đảo gió, tốc độ gió 5 cấp, luồng gió tự động.
Tính năng đèn nền giúp vận hành dễ dàng trong phòng tối.



BRC4M63

Đèn nền LED



Màn hình điều khiển LCD với đèn nền sáng, dễ dàng sử dụng trong bóng tối.

■ Điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây)

Các tính năng mới như điều khiển 2 cánh đảo gió, tốc độ gió 5 cấp, luồng gió tự động có thể được điều chỉnh bằng điều khiển từ xa có dây mới này.



BRC1F61



Thông số kỹ thuật

MODEL		FXEQ20AV36	FXEQ25AV36	FXEQ32AV36	FXEQ40AV36	FXEQ50AV36	FXEQ63AV36	
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V, 50 Hz						
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	
Công suất định mức		20	25	32	40	50	63	
Điện năng tiêu thụ		kW	0.026	0.027	0.034	0.046	0.048	0.067
Vỏ máy		Thép mạ kẽm						
Lưu lượng gió (5 cấp)	m ³ /Phút	6.0/5.4/4.9/4.4/4.0	6.9/6.4/5.8/5.3/4.8	8.0/7.5/7.0/6.3/5.5	9.8/8.8/7.8/7.0/6.2	12.5/11.4/10.4/9.5/8.7	15.0/13.6/12.2/11.0/9.8	
	cfm	212/191/173/155/141	244/226/205/187/169	282/265/247/222/194	346/311/275/247/219	441/402/367/335/307	530/480/431/388/346	
Độ ồn (5 cấp)		dB(A)	30/29/28/27/26	32/31/30/29/28	35/34/33/32/30	38/37/35/33/31	43/41/39/37/35	
Kích thước (CaoxRộngxDày)		mm	200x840x470			200x1,240x470		
Khối lượng		kg	17		18	23		
Ống kết nối	Lồng (loe)	mm	φ 6.4				φ 9.5	
	Hơi (loe)	mm	φ 12.7				φ 15.9	
	Nước xả	mm	PVC26 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)					
Mặt nạ (Tùy chọn)	Model	BYEP40AW1				BYEP63AW1		
	Màu sắc	Trắng						
	Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	80x950x550				80x1,350x550	
	Khối lượng	kg	8.0				10.0	

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật được đưa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng 27°C DB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, Ống dẫn môi chất làm lạnh chiều dài tương đương 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0m
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh được dựa trên công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1m.

Các kiểu dàn lạnh

Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng
(Loại tiêu chuẩn)

FXDQ-PD / ND **Mới**

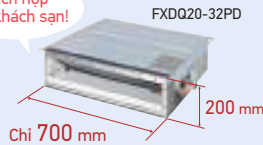


Kiểu dáng mảnh, hoạt động êm và áp suất tĩnh có thể thay đổi được

Thích hợp cho trần giạt cáp!

- Với 700mm chiều rộng, trọng lượng 23kg, đây là kiểu dàn lạnh hoàn hảo cho việc lắp đặt không gian hẹp như trần giạt cáp trong khách sạn.

Thích hợp cho khách sạn!



- Có thể lựa chọn tốc độ gió 3 bước và tự động. Tự động kiểm soát tốc độ gió khi kết nối với bộ điều khiển từ xa có dây BRC1E63.

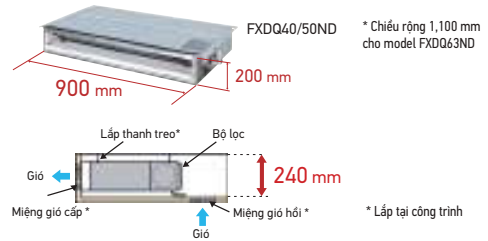
- Độ ồn thấp.

- Dàn lạnh trở nên tiện nghi và linh hoạt khi áp suất tĩnh ngoài có thể điều chỉnh bằng điều khiển từ xa.

10 Pa-30 Pa/cài đặt nhà máy;
10 Pa đối với models FXDQ-PD.
15 Pa-44 Pa/cài đặt nhà máy;
15 Pa đối với models FXDQ-ND.

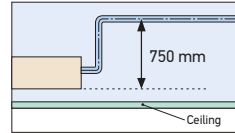


- Chỉ với 200mm chiều dày, kiểu dàn lạnh mới này có thể lắp đặt trong không gian trần chỉ có 240mm.



- Gồm hai loại FXDQ-PD và FXDQ-ND đều có 2 loại, phù hợp với các điều kiện lắp đặt khác nhau.

FXDQ-PD/NDVE: bơm nước xả được lắp sẵn (độ nâng đường ống 750 mm)
FXDQ-PD/NDVET: không có bơm nước xả.



Thông số kỹ thuật

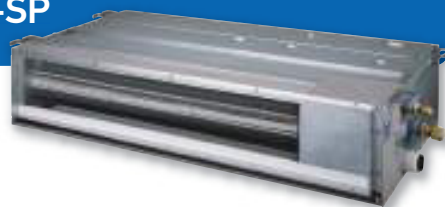
MODEL	Có bơm	FXDQ20PDVE	FXDQ25PDVE	FXDQ32PDVE	FXDQ40NDVE	FXDQ50NDVE	FXDQ63NDVE
	Không có bơm	FXDQ20PDVET	FXDQ25PDVET	FXDQ32PDVET	FXDQ40NDVET	FXDQ50NDVET	FXDQ63NDVET
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Điện năng tiêu thụ (FXDQ-PDVE) *1	kW	0.086	0.086	0.089	0.160	0.165	0.181
Điện năng tiêu thụ (FXDQ-PDVET) *1	kW	0.067	0.067	0.070	0.147	0.152	0.168
Vỏ máy		Thép mạ kẽm					
Lưu lượng gió (Rất/Cao/Cao/Thấp)	m³/phút	8.0/7.2/6.4	8.0/7.2/6.4	8.0/7.2/6.4	10.5/9.5/8.5	12.5/11.0/10.0	16.5/14.5/13.0
	cfm	282/254/226	282/254/226	282/254/226	371/335/300	441/388/353	583/512/459
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-10 *2				44-15 *2	
Độ ồn (Rất/Cao/Cao/Thấp) *1*3	dB(A)	28/26/23		28/26/24	30/28/26	33/30/27	33/31/29
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	200×700×620	200×700×620	200×700×620	200×900×620	200×900×620	200×1,100×620
Trọng lượng máy	kg	23	23	23	27	28	31
Ống kết nối	Lòng (loe)	φ 6.4					
	Hơi (loe)	φ 12.7					
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)					

Ghi chú: Thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (Tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện không đối ẩm, được đo tại điểm cách 1,5 m hướng xuống từ tâm dàn lạnh. Trong quá trình máy hoạt động thực tế, trong quá trình máy hoạt động thực tế, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.
- * 1 : Giá trị dựa trên các điều kiện sau: FXDQ-PD: Áp suất tĩnh ngoài 10 Pa; FXDQ-ND: Áp suất tĩnh ngoài 15 Pa.
- * 2 : Áp suất tĩnh ngoài có thể thay đổi bằng cách cài đặt trên remote, áp suất này nghĩa là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn" (Cài đặt tại nhà máy là 10 Pa đối với model FXDQ-PD và 15 Pa đối với model FXDQ-ND.)
- * 3 : Trị số độ ồn dựa ra trên đây dùng cho trường hợp hơi phía sau. Trong trường hợp hơi dưới đây có thể được tính toán bằng cách cộng thêm 5 dB (A)

Giấu trần nối ống gió

Giấu trần nối ống gió dạng mỏng FXDQ-SP (Loại nhỏ gọn)

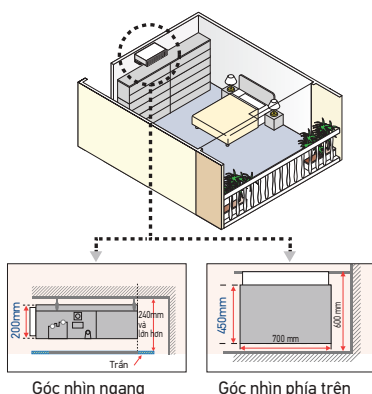


Thiết kế mỏng, nhỏ gọn, dễ dàng và linh hoạt trong việc lắp đặt

- Thiết kế mỏng, nhỏ gọn với chiều cao chỉ 200 mm, kiểu dàn lạnh này thích hợp cho việc lắp đặt ở những không gian trần có khoảng cách nhỏ khoảng 240 mm giữa trần giạt cấp và vách trần trong phòng. Chiều ngang của dàn lạnh chỉ 450 mm rất phù hợp lắp đặt những không gian trên trần bị giới hạn.



*Đối với các model FXDQ20-32SP

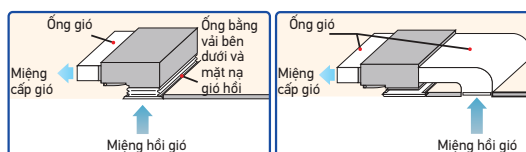


Góc nhìn ngang

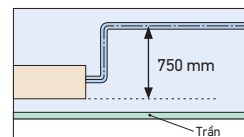
Góc nhìn phía trên



- Có thể sử dụng 2 kiểu gió hồi - Hồi trần hoặc hồi bằng đường ống gió để phù hợp với các điều kiện lắp đặt khác nhau.



- Có sẵn bơm nước xả với độ nâng nước xả lên đến 750 mm.



Thông số kỹ thuật

MODEL		FXDQ20SPV1	FXDQ25SPV1	FXDQ32SPV1	FXDQ40SPV1	FXDQ50SPV1	FXDQ63SPV1	
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V, 50 Hz						
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	
Điện năng tiêu thụ *	kW	0.072	0.075	0.078	0.180	0.180	0.196	
Vỏ máy		Thép mạ kẽm						
Lưu lượng gió (Rất/Cao/Cao/Thấp)	m ³ /phút	8.7/7.6/6.5	9.0/8.0/7.0	10.0/9.0/8.0	15.0/13.0/10.5	20.0/16.0/12.5		
	cfm	307/268/229	318/282/247	353/318/282	530/459/371	706/565/441		
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-10 *2			50-20 *2	40-20 *2		
Độ ồn (HH/H/L) *1*3	dB(A)	33/31/29		34/32/30	35/33/31		37/35/33	
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	200×700×450			200×900×450		200×1,100×450	
Trọng lượng máy	kg	17			20		23	
Ống kết nối	Lông (loe)	φ 6.4					φ 9.5	
	Hơi (loe)	φ 12.7					φ 15.9	
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)						

Ghi chú: Thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng: 27°CDB, 19°CWB / Nhiệt độ ngoài trời: 30°C, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (Tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện không đối ẩm, được đo tại điểm cách 1,5 m hướng xuống từ tâm dàn lạnh. Trong quá trình máy hoạt động thực tế, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.
- * 1: Giá trị dựa trên các điều kiện sau: FXDQ20-32SP: Áp suất tĩnh ngoài 10 Pa; FXDQ40-63SP: Áp suất tĩnh ngoài 20 Pa.
- * 2: Áp suất tĩnh ngoài có thể thay đổi bằng cách cài đặt trên remote, áp suất này nghĩa là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn" (Cài đặt tại nhà máy là 10 Pa đối với model FXDQ20-32SP và 20 Pa đối với model FXDQ40-63SP.)
- * 3: Trị số độ ồn dựa ra trên đây dùng cho trường hợp hồi phía sau. Trong trường hợp hồi dưới đây có thể được tính toán bằng cách cộng thêm 5 dB(A).

Các kiểu dàn lạnh

Giấu trần nối ống gió áp suất tĩnh trung bình

FXSQ-PA **Mới**

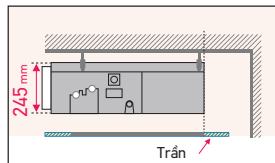


Áp suất tĩnh ngoài trung bình và thiết kế mỏng cho phép lắp đặt hơn trong lắp đặt

Lắp đặt linh hoạt

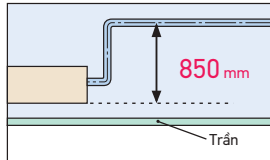
Thiết kế mỏng

- Với chiều cao chỉ 245 mm, kiểu dàn lạnh có thể lắp đặt ở những tòa nhà có không gian trần hẹp.



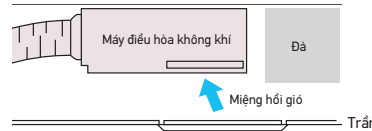
Bơm nước xả tiêu chuẩn DC

- Có sẵn bơm nước xả với độ nâng nước xả 850 mm.



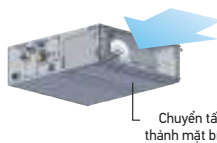
Gió có thể hồi dưới đáy

- Gió hồi đáy tạo điều kiện thuận lợi cho công việc lắp đặt và bảo trì. Dây điện kết nối và công việc sửa chữa các hộp điện điều khiển có thể được thực hiện từ bên dưới máy với một miếng chắn tùy chọn cho mặt cạnh*, do đó có thể mở rộng thêm không gian trống cho lắp đặt trên trần.



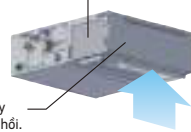
- Hướng gió hồi có thể thay đổi từ phía sau xuống phía dưới đáy.

•Hồi phía sau



•Hồi phía dưới đáy

Miếng chắn cho mặt cạnh* (phụ kiện tùy chọn)



Chuyển tấm dây thành mặt bit gió hồi.

*Yêu cầu thêm một phụ kiện miếng chắn cho mặt cạnh nếu cần thiết t thực hiện kết nối dây điện và sửa chữa hộp điện điều khiển từ bên dưới dàn lạnh. Phụ kiện tùy chọn này chỉ có sẵn cho các mode FXSQ20-125P.

Thiết kế linh hoạt

Có thể điều chỉnh áp suất tĩnh ngoài

- Sử dụng một động cơ quạt DC, áp suất tĩnh ngoài có thể được điều khiển trong giới hạn 30 Pa* đến 150 Pa.

Có thể điều chỉnh áp suất tĩnh ngoài

30 Pa*

150 Pa

Cài đặt áp suất tĩnh thấp khi ống gió ngắn

Cài đặt áp suất tĩnh cao khi cần thiết ưu tiên cho sử dụng ống gió dài và bộ giảm âm.

Đạt được lượng gió theo yêu cầu, đáp ứng với các điều kiện chiều dài ống gió.

- *30 Pa-150 Pa đối với FXSQ20-40PAVE
- 50 Pa-150 Pa đối với FXSQ50-125PAVE
- 50 Pa-140 Pa đối với FXSQ140PAVE

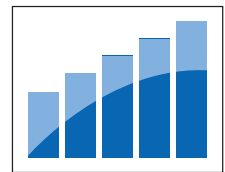
Tiện nghi

Có thể thay đổi lượng lưu lượng gió

- Có thể điều khiển lưu lượng gió ở 3 mức.

Lưu lượng gió tự động

- 3 mức lưu lượng gió được điều khiển tự động dựa trên sự chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt. Điều khiển lưu lượng gió tự động có thể được cài đặt bằng điều khiển từ xa có dây BRC1E63.



Độ ồn thấp

(dB(A))

FXSQ-PAVE	20/25	32	40	50	63
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	33/30/28	34/32/30	36/33/30	34/32/29	36/32/29

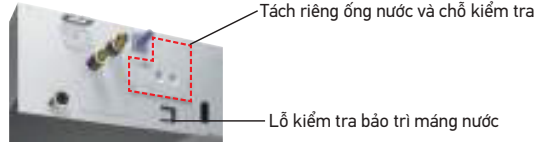
FXSQ-PAVE	80	100	125	140
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	37.5/34/30	39/35/32	42/38.5/35	43/40/36

Giấu trần nổi ống gió



Dễ dàng bảo trì

- Việc kiểm tra và làm sạch được thuận lợi hơn nhờ vào việc tách riêng ống nước và chỗ kiểm tra, lỗ kiểm tra bảo trì máng nước.



Tách riêng ống nước và chỗ kiểm tra

Lỗ kiểm tra bảo trì máng nước

- Máng nước xả được xử lý bằng một lớp ion bạc kháng khuẩn, ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi.

(Tuổi thọ của ống ion bạc tùy thuộc và điều kiện sử dụng, nhưng cần được thay thế hai hoặc ba năm 1 lần)



Dễ dàng lắp đặt

Tính năng tự động điều chỉnh lưu lượng gió

- Trong khi lắp đặt hoặc ngay cả khi áp suất tĩnh ngoài thay đổi do sự thay đổi đường đi của ống gió, lưu lượng gió có thể được tự động điều chỉnh trong giới hạn áp suất tĩnh bên ngoài của dàn lạnh.
- Lưu lượng gió có thể được điều chỉnh bằng điều khiển từ xa trong quá trình chạy kiểm tra. Lưu lượng này có thể được điều chỉnh tự động trong giới hạn khoảng +/- 10% của mức gió cao.

Thông số kỹ thuật

MODEL		FXSQ20PAVE	FXSQ25PAVE	FXSQ32PAVE	FXSQ40PAVE	FXSQ50PAVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz				
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6
Điện năng tiêu thụ	kW	0.058 *1	0.058 *1	0.066 *1	0.101 *1	0.075 *1
Vỏ máy		Thép mạ kẽm				
Lưu lượng gió (Cao/Trung Bình/Thấp)	m ³ /phút	9/7.5/6.5	9/7.5/6.5	9.5/8/7	15/12.5/10.5	17/14.5/11.5
	cfm	318/265/230	318/265/230	335/282/247	530/441/371	600/512/406
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-150 (50) *2				
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	dB(A)	33/30/28		34/32/30	36/33/30	34/32/29
Kích thước (Cao/RộngxDây)	mm	245x550x800			245x700x800	245x1,000x800
Trọng lượng máy	kg	25		27	35	
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 6.4				
	Hơi (loe)	φ 12.7				
	Nước xả	VP25 (đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)				

MODEL		FXSQ63PAVE	FXSQ80PAVE	FXSQ100PAVE	FXSQ125PAVE	FXSQ140PAVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz				
Công suất làm lạnh	Btu/h	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
	kW	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.106 *1	0.126 *1	0.151 *1	0.206 *1	0.222 *1
Vỏ máy		Thép mạ kẽm				
Lưu lượng gió (Cao/Trung Bình/Thấp)	m ³ /phút	21/17.5/14.5	23/19.5/16	32/27/22.5	37/31.5/26	39/33.5/28
	cfm	741/618/512	812/688/565	1,130/953/794	1,306/1,112/918	1,377/1,183/988
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	50-150 (50) *2				
Độ ồn (Cao/Trung Bình/Thấp)	dB(A)	36/32/29	37.5/34/30	39/35/32	42/38.5/35	43/40/36
Kích thước (Cao/RộngxDây)	mm	245x1,000x800		245x1,400x800		245x1,550x800
Trọng lượng máy	kg	35	37	46	47	52
Ống kết nối	Nồng (loe)	VP25 (đường kính ngoài, 32 đường kính trong, 25)				
	Hơi (loe)	φ 9.5				
		φ 15.9				

Điều kiện đo:

• Làm lạnh : Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB /Nhiệt độ ngoài trời :30°C, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.

• Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).

• Độ ồn: Giá trị được đo trong phòng cách âm tại vị trí dưới tâm máy 1.5m. Khi hoạt động những giá trị này sẽ cao hơn do các điều kiện môi trường xung quanh.

* 1: Giá trị điện năng tiêu thụ là giá trị khi lưu lượng gió là tối đa tại vị trí áp suất tĩnh ngoài tối đa.

* 2: Ngoại áp suất tĩnh có thể bị thay đổi bằng cách sử dụng điều khiển từ xa ở mức điều khiển mười ba (FXSQ20-40PA), mười một (FXSQ50-125PA) hoặc mười (FXSQ140P) mức điều khiển. Các giá trị này cho thấy mức áp suất tĩnh cao nhất và thấp nhất. Áp suất tĩnh chuẩn là 50 Pa.

Các kiểu dàn lạnh

Giấu trần nổi ống gió hồi sau

FXMQ-PA/M

Mới

Áp suất tĩnh cao và trung bình cho phép thiết kế ống gió linh hoạt



- Động cơ quạt một chiều mở rộng dải áp suất tĩnh ngoài của dàn lạnh từ mức trung bình đến cao, tăng tính linh hoạt trong thiết kế.

Có thể điều chỉnh áp suất tĩnh ngoài

30 Pa*

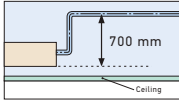
200 Pa*

Cài đặt áp suất tĩnh thấp khi ống gió ngắn

Cài đặt áp suất tĩnh cao khi cần thiết ưu tiên cho sử dụng ống gió dài và bộ giảm âm.

Đạt được luồng gió thoải mái theo yêu cầu, đáp ứng với các điều kiện chiều dài ống gió.

- *30 Pa-100 đối với FXMQ20P-32PA
- *30 Pa-160 đối với FXMQ40PA
- *50 Pa-200 đối với FXMQ50PA-125PA
- *50 Pa-140 đối với FXMQ140PA

- Tất cả các model có độ dày chỉ 300 mm và trọng lượng của các model FXMQ40-140PA đều giảm.
- Bơm nước xả được lắp sẵn với độ nâng đường ống là 700 mm.
 
- Có thể lựa chọn tốc độ gió theo 3 cấp độ hoặc tự động. Điều khiển lưu lượng gió tự động có thể được cài đặt bằng điều khiển từ xa có dây BRC1E63.
- Độ ồn thấp
- Hiệu suất năng lượng
 - Động cơ quạt DC giúp vận hành tiết kiệm năng lượng
- Dễ dàng lắp đặt
 - Lưu lượng gió có thể được điều chỉnh bằng điều khiển từ xa trong khi vận hành thử, lưu lượng gió được điều chỉnh tự động trong khoảng $\pm 10\%$ của mức gió cao đối với FXMQ20P-125P.



• Dễ dàng bảo trì

- Máng nước xả dễ dàng được tháo lắp để vệ sinh. Máng nước sử dụng một lớp kháng khuẩn bằng ion bạc, có tác dụng chống lại sự phát triển của rêu mốc, nguyên nhân gây tắc và han rỉ máng nước.

Tách riêng ống nước và chỗ kiểm tra



Lỗ kiểm tra bảo trì máng nước

- Máng nước xả được xử lý bằng một lớp ion bạc kháng khuẩn, ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi. (Tuổi thọ của ống ion bạc tùy thuộc và điều kiện sử dụng, nhưng cần được thay thế ba năm một lần).



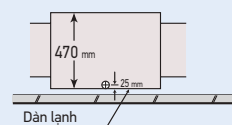
FXMQ200/250MA

• Đơn giản hóa trong điều khiển áp suất tĩnh

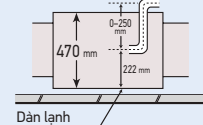
Áp suất tĩnh của máy dễ dàng được điều chỉnh nhờ vào bộ chuyển đổi bên trong hộp điện khi vấp phải vấn đề trở lực trong hệ thống ống dẫn gió.

- Bơm nước xả lắp trong (Tùy chọn)
Bơm nước xả lắp trong giúp tiết kiệm không gian lắp đặt.

• Không bơm nước xả



• Có bơm nước xả



Giấu trần nổi ống gió

Thông số kỹ thuật

MODEL		FXMQ20PAVE	FXMQ25PAVE	FXMQ32PAVE	FXMQ40PAVE	FXMQ50PAVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz				
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6
Điện năng tiêu thụ	kW	0.056 *1	0.056 *1	0.060 *1	0.151 *1	0.128 *1
Vỏ máy		Thép mạ kẽm				
Lưu lượng gió (Rất cao/Cao/Thấp)	m ³ /phút	9/7.5/6.5	9/7.5/6.5	9.5/8/7	16/13/11	18/16.5/15
	cfm	318/265/230	318/265/230	335/282/247	565/459/388	635/582/530
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30-100 (50) *2	30-100 (50) *2	30-100 (50) *2	30-160 (100) *2	50-200 (100) *2
Độ ồn (Rất cao/Cao/Thấp)	dB(A)	33/31/29	33/31/29	34/32/30	39/37/35	41/39/37
Kích thước (CaorộngxDày)	mm	300x550x700	300x550x700	300x550x700	300x700x700	300x1,000x700
Trọng lượng máy	kg	25	25	25	27	35
Ống kết nối	Lông (loe)	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4
	Hơi (loe)	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7
	Nước xả	VP25 (đường kính trong, 32 đường kính ngoài, 25)				

MODEL		FXMQ63PAVE	FXMQ80PAVE	FXMQ100PAVE	FXMQ125PAVE	FXMQ140PAVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz				
Công suất làm lạnh	Btu/h	24,200	30,700	38,200	47,800	54,600
	kW	7.1	9.0	11.2	14.0	16.0
Điện năng tiêu thụ	kW	0.138 *1	0.185 *1	0.215 *1	0.284 *1	0.405 *1
Vỏ máy		Thép mạ kẽm				
Lưu lượng gió (Rất cao/Cao/Thấp)	m ³ /phút	19.5/17.5/16	25/22.5/20	32/27/23	39/33/28	46/39/32
	cfm	688/618/565	883/794/706	1,130/953/812	1,377/1,165/988	1,624/1,377/1,130
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	50-200 (100) *2	50-200 (100) *2	50-200 (100) *2	50-200 (100) *2	50-140 (100) *2
Độ ồn (Rất cao/Cao/Thấp)	dB(A)	42/40/38	43/41/39	43/41/39	44/42/40	46/45/43
Kích thước (CaorộngxDày)	mm	300x1,000x700	300x1,000x700	300x1,400x700	300x1,400x700	300x1,400x700
Trọng lượng máy	kg	35	35	45	45	46
Ống kết nối	Lông (loe)	φ 9.5	φ 9.5	φ 9.5	φ 9.5	φ 9.5
	Hơi (loe)	φ 15.9	φ 15.9	φ 15.9	φ 15.9	φ 15.9
	Nước xả	VP25 (đường kính trong, 32 đường kính ngoài, 25)				

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dẫn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).
- Độ ồn: Giá trị được đo trong phòng cách âm tại vị trí dưới tầm máy 1.5m. Khi hoạt động những giá trị này sẽ cao hơn do các điều kiện môi trường xung quanh.

* 1: Giá trị tiêu thụ điện năng tùy thuộc vào điều kiện ngoài áp suất tĩnh.

* 2: Ngoài áp suất tĩnh có thể bị thay đổi bằng cách sử dụng điều khiển từ xa ở mức điều khiển bầy (FXMQ20-32P), mười ba (FXMQ40PA), mười bốn (FXMQ50-125PA) hoặc mười (FXMQ140PA) mức điều khiển.

Áp suất tĩnh chuẩn là 50 Pa đối với FXMQ20-32PA và 100 Pa đối với FXMQ40-140PA.

MODEL		FXMQ200MVE9	FXMQ250MVE9
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz	
Công suất làm lạnh	Btu/h	76,400	95,500
	kW	22.4	28.0
Điện năng tiêu thụ	kW	1.294 *1	1.465 *1
Vỏ máy		Thép mạ kẽm	
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /phút	58/50	72/62
	cfm	2,047/1,765	2,542/2,189
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	132-221 *2	191-270 *2
Độ ồn (Cao/Thấp)	220 V	48/45	48/45
	240 V	49/46	49/46
Kích thước (CaorộngxDày)	mm	470x1,380x1,100	470x1,380x1,100
Trọng lượng máy	kg	137	137
Ống kết nối	Lông (loe)	φ 9.5	φ 9.5
	Hơi (hàn)	φ 19.1	φ 22.2
	Nước xả	PS1B	

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m
- Công suất dẫn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất. (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).
- Độ ồn: (FXMQ-MA) giá trị qui đổi trong điều kiện không đối ẩm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh.

Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

* 1: Giá trị tiêu thụ điện năng tùy thuộc vào điều kiện ngoài áp suất tĩnh.

* 2: Ngoài áp suất tĩnh có thể bị thay đổi qua bộ nối bên trong hộp điện, áp suất này là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn"

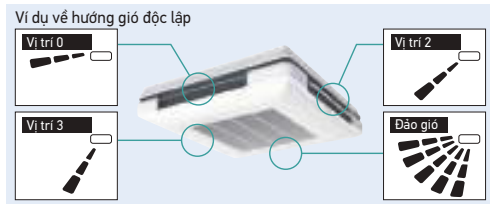
Các kiểu dàn lạnh

Áp trần 4 hướng thổi

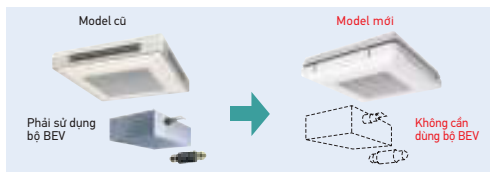
FXUQ-A

Dàn lạnh mỏng và thời trang, phân phối khí tối ưu, lắp đặt không cần mở trần

- Phần thân máy và bảng hút hình dạng tròn thiết kế bên ngoài mỏng, đẹp. Thiết bị có thể được sử dụng cho nhiều vị trí như trần nhà không có khoang và trần thõ.
- Nắp miệng gió tự động đóng lại khi thiết bị dừng hoạt động, tạo vẻ bên ngoài đơn giản.
- Chiều cao tổng nhất 198mm cho tất cả các model tạo ấn tượng đồng nhất ngay cả khi các model công suất khác nhau được lắp đặt trong cùng khu vực.
- Với việc áp dụng điều khiển cánh đảo gió riêng, quá trình điều chỉnh hướng gió có thể được cài đặt riêng cho mỗi miệng gió. Dòng khí 5 hướng và đảo gió tự động có thể được lựa chọn bằng điều khiển có dây BRC1E63 cho việc phân phối gió tối ưu.



- Van tiết lưu điện tử tích hợp giúp loại bỏ nhu cầu sử dụng thiết bị BEV cải thiện tính linh hoạt khi lắp đặt.



- Việc kiểm soát lưu lượng gió đã được cải thiện nhờ bộ điều khiển 2 bước đến 3 bước. Kiểm soát lưu lượng gió tự động có thể được lựa chọn trên điều khiển có dây BRC1E63.
- Hiệu suất năng lượng được cải thiện nhờ vào việc sử dụng bộ trao đổi nhiệt mới với ống nhỏ hơn, động cơ quạt DC và động cơ bơm xả DC.
- Bơm xả được trang bị như một phụ kiện tiêu chuẩn, và chiều cao mức nâng gia tăng từ 500 mm đến 600 mm.
- Tùy theo yêu cầu lắp đặt hoặc điều kiện phòng có thể lựa chọn các kiểu miệng gió 2 hướng thổi, 3 hướng thổi và 4 hướng thổi.



- Máng nước xả được xử lý bằng một lớp ion bạc kháng khuẩn, ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi. (Tuổi thọ của ống ion bạc tùy thuộc và điều kiện sử dụng, nhưng cần được thay thế hai hoặc ba năm 1 lần).



Thông số kỹ thuật

MODEL		FXUQ71AVEB	FXUQ100AVEB
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz	
Công suất làm lạnh	Btu/h	27,300	38,200
	kW	8.0	11.2
Điện năng tiêu thụ	kW	0.090	0.200
Vỏ máy		Trắng	
Lưu lượng gió (Cao/Trung/Bình/Thấp)	m ³ /phút	22.5/19.5/16	31/26/21
	cfm	794/688/565	1,094/918/741
Độ ồn (Cao/Trung/Bình/Thấp)	dB(A)	40/38/36	47/44/40
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	198x950x950	
Trọng lượng máy	kg	26	27
Ống kết nối	Lông (loe)	φ 9.5	
	Hơi (loe)	φ 15.9	
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)	

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).
- Độ ồn: (FXUQ-A) giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh.

Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

1: Giá trị tiêu thụ điện năng tùy thuộc vào điều kiện ngoại áp suất tĩnh.

2: Ngoại áp suất tĩnh có thể bị thay đổi quá bố nổi bên trong hộp điện, áp suất này là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn"

Áp trần

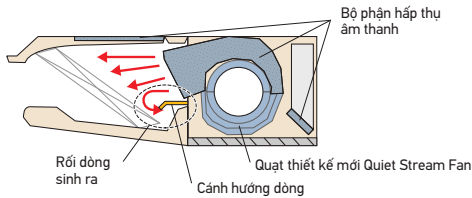
FXHQ-MA

Thân mỏng với luồng gió rộng và hoạt động êm

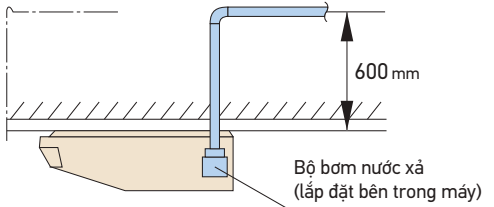


- Quạt thiết kế mới QUIET STREAM FAN tạo ra luồng gió êm hơn.

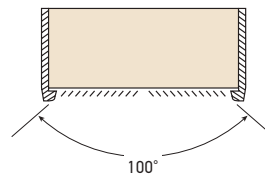
Sử dụng quạt thiết kế mới kết hợp với nhiều công nghệ giảm âm khác.



- Độ ồn thấp
- Lắp đặt dễ dàng
 - Có thể kết hợp sử dụng bộ bơm xả (tùy chọn).



- Vùng thổi gió trải rộng đều đến 100°.



- Dễ dàng bảo trì
 - Cánh đảo gió không động sương mới và không có lớp nilong ni
 - Cánh đảo gió không có lớp nilong ni giảm thiểu sự bám bẩn dễ vệ sinh hơn.



Cánh đảo không đọng sương

- Thiết kế phẳng, dễ lau chùi.
- Bảo trì dễ hơn vì mọi công việc đều thực hiện bên dưới máy.
- Bộ lọc có tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm*) là phụ kiện tiêu chuẩn.
 - * 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³

Thông số kỹ thuật

MODEL		FXHQ32MAVE	FXHQ63MAVE	FXHQ100MAVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz		
Công suất làm lạnh	Btu/h	12,300	24,200	38,200
	kW	3.6	7.1	11.2
Điện năng tiêu thụ	kW	0.111	0.115	0.135
Vỏ máy		Trắng (10Y9/0.5)		
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /phút	12/10	17.5/14	25/19.5
	cfm	424/353	618/494	883/688
Độ ồn (Cao/Thấp)	dB(A)	36/31	39/34	45/37
Kích thước (CaoxRộngxDày)	mm	195x960x680	195x1,160x680	195x1,400x680
Trọng lượng máy	kg	24.0	28.0	33.0
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 6.4	φ 9.5	φ 9.5
	Hơi (loe)	φ 12.7	φ 15.9	φ 15.9
	Nước xả	VP20 (đường kính ngoài, 26 đường kính trong, 20)		

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
 - Công suất dẫn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dẫn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).
 - Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh.
- Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

Các kiểu dàn lạnh

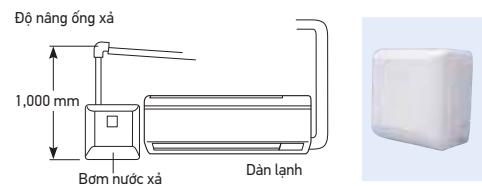
Treo Tường

FXAQ-P

Mặt nạ phẳng thời trang, hài hòa với mọi không gian nội thất



- Thiết kế mặt nạ phẳng phong cách tạo ra một sự hài hòa duyên dáng cho bất kỳ không gian nội thất nào.
- Mặt nạ phẳng dễ dàng được làm sạch bằng mảnh vải lướt nhẹ trên bề mặt. Mặt nạ phẳng cũng có thể dễ dàng tháo rời và chùi rửa để được làm sạch triệt để hơn.
- Độ ồn thấp.
- Máng nước xả và bộ lọc duy trì độ sạch lâu hơn nhờ vật liệu polystyrene chống mốc.
- Đảo gió tự động đảm bảo hiệu quả phân phối gió. Cách đảo gió tự động đóng kín khi máy ngừng.
- 5 góc thổi có thể được cài đặt bằng bộ điều khiển từ xa.
- Khi máy hoạt động lại, góc thổi tự động điều chỉnh như trước khi máy ngừng. (Cài đặt ban đầu: 10° khi làm lạnh và 70° khi sưởi ấm).
- Lắp đặt linh hoạt.
 - Ống nước xả có thể được đấu nối bên trái hoặc bên phải.
- Bơm nước xả là phụ kiện tùy chọn, độ nâng ống xả là 1000 mm tính từ đáy máy.



Thông số kỹ thuật

MODEL		FXAQ20PVE	FXAQ25PVE	FXAQ32PVE	FXAQ40PVE	FXAQ50PVE	FXAQ63PVE
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz					
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Điện năng tiêu thụ	kW	0.019	0.028	0.030	0.020	0.033	0.050
Vỏ máy		Trắng (3.0Y8.5/0.5)					
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /phút	7.5/4.5	8/5	8.5/5.5	12/9	15/12	19/14
	cfm	265/159	282/177	300/194	424/318	530/424	671/494
Độ ồn (Cao/Thấp)	dB(A)	35/31	36/31	38/31	39/34	42/37	47/41
Kích thước (Cao/Rộng x Dày)	mm	290×795×238	290×795×238	290×795×238	290×1,050×238	290×1,050×238	290×1,050×238
Trọng lượng máy	kg	11.0	11.0	11.0	14.0	14.0	14.0
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 9.5
	Hơi (loe)	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 15.9
	Nước xả	VP13 (đường kính ngoài, 18 đường kính trong, 13)					

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).
- Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không đối âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh. Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

Dàn lạnh VRV

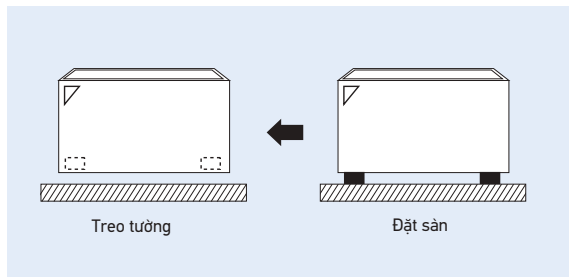
Đặt Sàn

FXLQ-MA

Phù hợp cho điều hòa không khí xung quanh phòng



- Loại đặt sàn có thể được treo trên tường để thuận tiện cho việc lau chùi. Do ống đi vào sau lưng máy nên có thể treo máy lên tường. Việc lau chùi bên dưới máy nơi dễ bám bụi được thực hiện dễ dàng hơn.
- Bề mặt miệng thổi gió ít xơ sợi là nét đặc trưng của thiết kế ban đầu, giúp chống lại hiện tượng đọng sương cũng như tránh được sự loang màu và dễ lau chùi hơn.
- Bộ lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm*) là phụ kiện tiêu chuẩn.
* 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³



Thông số kỹ thuật

MODEL		FXLQ20MAVE	FXLQ25MAVE	FXLQ32MAVE	FXLQ40MAVE	FXLQ50MAVE	FXLQ63MAVE	
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz						
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	
Điện năng tiêu thụ		kW	0.049	0.049	0.090	0.090	0.110	0.110
Vỏ máy		Trắng ngà (5V7.5/1)						
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /phút	7/6	7/6	8/6	11/8.5	14/11	16/12	
	cfm	247/212	247/212	282/212	388/300	494/388	565/424	
Độ ồn (Cao/Thấp)	220 V	35/32	35/32	35/32	38/33	39/34	40/35	
	240 V	37/34	37/34	37/34	40/35	41/36	42/37	
Kích thước (Cao/Thấp)		mm	600×1,000×222	600×1,000×222	600×1,140×222	600×1,140×222	600×1,420×222	600×1,420×222
Trọng lượng		kg	25.0	25.0	30.0	30.0	36.0	36.0
Ống kết nối	Lông (loe)	mm	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 9.5
	Hơi (loe)	mm	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 15.9
	Nước xả	210.D.						

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

• Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.

• Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).

• Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không đối âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh.

Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

Các kiểu dàn lạnh

Giấu sàn

FXNQ-MA

Được thiết kế để ẩn giấu vào các vách tường



- Máy được ẩn giấu hoàn toàn theo hộp vách ván chân tường, mang lại không gian nội thất cao cấp.
- Bộ lọc tuổi thọ cao (bảo trì sau 1 năm*) là phụ kiện tiêu chuẩn. * 8 giờ/ngày, 25 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³

- Các đầu ống nối hướng xuống thuận tiện rất nhiều cho việc thi công.



* Áp dụng cho cả loại đặt sàn (FXLQ-MA)

Thông số kỹ thuật

MODEL		FXNQ20MAVE	FXNQ25MAVE	FXNQ32MAVE	FXNQ40MAVE	FXNQ50MAVE	FXNQ63MAVE	
Nguồn điện		1-pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz						
Công suất làm lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200	
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1	
Điện năng tiêu thụ	kW	0.049	0.049	0.090	0.090	0.110	0.110	
Vỏ máy		Thép mạ kẽm						
Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /phút	7/6	7/6	8/6	11/8.5	14/11	16/12	
	cfm	247/212	247/212	282/212	388/300	494/388	565/424	
Độ ồn (Cao/Thấp)	220 V	35/32	35/32	35/32	38/33	39/34	40/35	
	240 V	37/34	37/34	37/34	40/35	41/36	42/37	
Kích thước (CaoxRộngxDày)		mm	610x930x220	610x930x220	610x1,070x220	610x1,070x220	610x1,350x220	610x1,350x220
Trọng lượng máy		kg	19.0	19.0	23.0	23.0	27.0	27.0
Ống kết nối	Lông (loe)	mm	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 6.4	φ 9.5
	Hơi (loe)	mm	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 12.7	φ 15.9
	Nước xả		210.D.					

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết).
- Độ ồn: Giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1.5m hướng xuống từ trung tâm dàn lạnh. Trong suốt quá trình hoạt động, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

Dàn lạnh VRV

Tủ đứng đặt sàn nối ống gió

FXVQ-N

Loại có lưu lượng khí rộng dành cho các không gian lớn Thiết kế nội thất linh hoạt cho mọi ứng dụng



- Loại luồng khí rộng phù hợp cho các khu vực rộng rãi như các nhà máy và các cửa hàng lớn.
- Có thể hỗ trợ các kiểu lắp đặt khác nhau từ nối ống gió đến thổi trực tiếp cho phép lắp đặt dễ dàng.

- Luồng khí nối ống gió cho phép điều hòa không khí đồng đều ở các khu vực rộng rãi

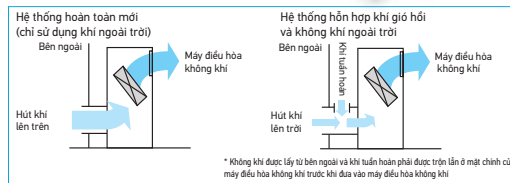
Loại nối ống gió

- Việc bổ sung buồng thông gió (tùy chọn) cho phép hoạt động đơn giản với luồng khí trực tiếp.

* Lưu ý rằng độ ồn tăng khoảng 5 dB(A).

Loại thổi trực tiếp

- Loại áp suất tĩnh cao điều khiển bằng hệ thống đai truyền động cho phép sử dụng ống xả khí ở các hình dạng khác nhau cũng như các ống dẫn dài. Có thể lắp đặt rất linh hoạt.
- Thiết kế với khả năng bảo trì cao cho phép thực hiện các dịch vụ chính và dịch vụ bảo trì ở phía trước.
- Phin lọc bên (bảo trì miễn phí lên đến một năm*) được trang bị như một phụ kiện tiêu chuẩn. * 8 giờ/ngày, 26 ngày/tháng. Cho nồng độ bụi là 0.15 mg/m³
- Phụ kiện đa dạng như phin lọc hiệu suất cao.
- Chế độ hút khí ngoài trời có thể được sử dụng như máy điều hòa không khí xử lý không khí ngoài trời.
*Tồn tại một vài hạn chế khi sử dụng thiết bị như một thiết bị xử lý không khí ngoài trời. Hãy tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong sách dữ liệu kỹ thuật.



Thông số kỹ thuật

MODEL		FXVQ125NY1	FXVQ200NY1	FXVQ250NY1	FXVQ400NY1	FXVQ500NY1	FXVQ500NY16	
Nguồn điện		Hệ thống 3 pha 4 dây, 380-415 V, 50 Hz						
Công suất làm lạnh	Btu/h	47,800	76,400	95,500	154,000	191,000		
	kW	14.0	22.4	28.0	45.0	56.0		
Điện năng tiêu thụ	kW	0.53	1.33	1.61	3.97	2.62	4.70	
Màu vỏ máy		Trắng ngà (5Y7.5/1)						
Kích thước (CaoxRộngxDày)		mm	1,670×750×510	1,670×950×510	1,670×1,170×510	1,900×1,170×720	1,900×1,470×720	
Trọng lượng máy		kg	118	144	169	236	306	
Độ ồn *1		dB(A)	52	56	60	65	62	
Ống kết nối	Lồng	mm	φ 9.5 (Hàn)			φ 12.7 (Hàn)	φ 15.9 (Hàn)	
	Hơi	mm	φ 15.9 (Hàn)	φ 19.1 (Hàn)	φ 22.2 (Hàn)	φ 28.6 (Hàn)		
	Nước xả	mm	Rp1 (PS 1B ren trong)					
Bộ lọc khí	Loại	Bộ lọc tuổi thọ cao (bộ chuyển lọc chống mục)						
	Đầu ra động cơ	kW	0.75	1.5		3.7		
Quạt	Lưu lượng gió	m ³ /phút	43	69	86	134	165	172
		cfm	1,518	2,436	3,036	4,730	5,825	6,072
	Áp suất tĩnh ngoài *2	Pa	152	217	281	420	142	390
Hệ thống truyền động		Hệ thống đai truyền động						

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

*Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chiều lệch độ cao: 0 m.

*Sưởi: Nhiệt độ trong nhà: 20°CDB, Nhiệt độ ngoài trời: 7°CDB, 6°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chiều lệch độ cao: 0 m.

*Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết)

*1: Độ ồn: Được đo khi ống gió (2 m) được kết nối (giá trị qui đổi trong điều kiện không đối ẩm). Độ ồn tăng xấp xỉ 5 dB(A) khi thông gió được lắp đặt để xả khí trực tiếp.

*2: Giá trị này là ngoại áp suất tĩnh với rờng rọc tiêu chuẩn

Các kiểu dàn lạnh

Điều hòa không khí cho phòng sạch

FXB(P)Q-P



Phù hợp với bệnh viện và các không gian sạch khác

Đáp ứng nhu cầu về không gian sạch một cách dễ dàng của các ngành nghề khác nhau

Máy điều hòa không khí dành cho phòng sạch của Daikin được thiết kế để đạt được độ sạch của không khí ở mức 10,000. Máy điều hòa không khí loại này dễ dàng mang đến không gian sạch cao cấp và giúp tạo ra một môi trường phù hợp cho bệnh viện, các nhà máy thực phẩm và nước giải khát, các nhà máy sản xuất thiết bị điện tử, và những không gian khác cần không khí sạch.

Lựa chọn hệ thống thổi gió và phương pháp lắp đặt phù hợp với cách bố trí và mục đích của căn phòng

Có 2 loại điều hòa không khí cho phòng sạch: loại dàn lạnh tích hợp và dàn lạnh tách rời. Có thể lựa chọn hệ thống hút gió từ trần hoặc từ sàn tùy theo loại mặt nạ. Thiết kế linh hoạt này cho phép máy điều hòa dễ dàng phù hợp với bất kỳ kiểu bố trí hoặc mục đích sử dụng của phòng.

Ví dụ về lắp đặt theo loại dàn lạnh (dành cho bệnh viện)

Loại	Loại hút gió từ trần (Model tốc độ gió cao / trần cao)	Loại hút gió từ sàn (Model phân phối gió nhẹ/độ sạch cao)
Tính năng	Thiết kế đơn giản và có thể lắp đặt trên trần. Phin lọc bụi và điều hòa không khí có thể khởi động ngay lập tức.	Dễ dàng gia tăng độ sạch và hiệu ứng điều hòa không khí. Tốc độ gió thấp ngăn chặn việc làm khô những bộ phận bị tác động và gió lùa.
Cấp độ sạch*	100,000 đến 10,000	10,000
Tốc độ gió	1.0m/s hoặc cao hơn	Xấp xỉ 0.5m/s
Phương pháp thổi	<p>Loại dàn lạnh tích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> Điều hòa không khí tập trung tại khu vực trung tâm bên dưới máy. Đễ lắp đặt <p>Ứng dụng: Phòng tiến phẫu thuật, phòng hồi sức, phòng điều dưỡng, v.v...</p>	<p>Loại dàn lạnh tích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> Điều hòa không khí toàn phần tập trung vào độ sạch <p>Ứng dụng: Phòng phẫu thuật, phòng sinh, v.v...</p>
	<p>Loại dàn lạnh tách rời</p> <ul style="list-style-type: none"> Điều hòa không khí bán tập trung tại khu vực trung tâm bên dưới miếng gió cấp. Có thể cấp gió cho phòng có hình dáng đặc biệt. <p>Ứng dụng: CCU*2, phòng vô trùng, v.v...</p>	<p>Loại dàn lạnh tách rời</p> <ul style="list-style-type: none"> Điều hòa không khí toàn phần tập trung vào độ sạch Có thể bảo dưỡng từ phòng khác <p>Ứng dụng: phòng chăm sóc trẻ sinh non, phòng chăm sóc trẻ sơ sinh, ICU, v.v...</p>

*1. Cấp độ sạch: Thang về độ sạch được thiết lập bởi NASA (Cơ vũ trụ và hàng không quốc gia Mỹ). Mức 10,000 thể hiện trạng thái có ít hơn 10,000 hạt bụi đường kính dưới 0.5um trên mỗi foot khối.

So sánh, độ sạch của văn phòng bình thường khoảng 1,000,000

*2. CCU (Cardiac Care Unit): Khu vực dành riêng cho tiếp nhận những bệnh nhân bị nhồi máu cơ tim và các bệnh tim mạch khác.

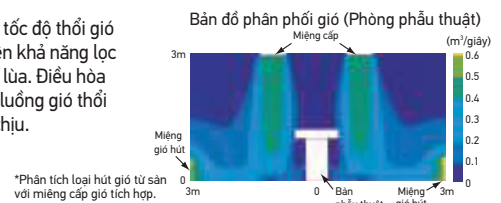
*3. ICU (Intensive Care Unit): Khu vực điều trị và chăm sóc bệnh nhân bệnh nặng, chấn thương hoặc đang trong quá trình hồi phục sau phẫu thuật

Đễ dàng lắp đặt tại các tòa nhà có sẵn

Cấu trúc đơn giản giúp dễ dàng hiện thực hóa không gian có độ sạch cao với công việc lắp đặt như máy điều hòa thông thường. Có thể dễ dàng lắp đặt tại các tòa nhà mới, những kiến trúc cũ và những tòa nhà dựng lại.

Ngăn gió lùa khó chịu với tốc độ thổi thấp xấp xỉ 0.5m/s

Hệ thống hút gió từ sàn có tốc độ thổi gió thấp xấp xỉ 0.5m/s, cải thiện khả năng lọc bụi và loại bỏ cảm giác gió lùa. Điều hòa không khí khắp phòng với luồng gió thổi nhẹ tạo ra môi trường dễ chịu.



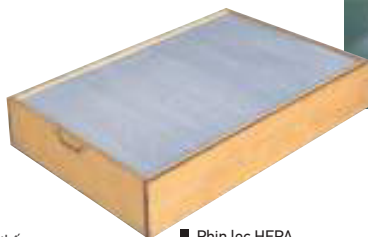
Điều hòa không khí cho phòng sạch

Phương pháp lọc

Phòng sạch ở mức 10,000 có thể đạt được với phin lọc HEPA (bán rời).

Phin lọc HEPA tổn thất áp suất thấp (Bán rời) mang lại khả năng lọc bụi vượt trội và dễ dàng đạt được độ sạch không khí ở mức 10,000.

Phin lọc HEPA có cấu trúc tích hợp phương pháp lọc sợi thủy tinh xếp lớp, mang lại hiệu suất lọc rất cao và phù hợp với các loại phòng sạch, v.v...



■ Phin lọc HEPA



Ví dụ về lắp đặt (trong một cơ sở y tế)

* Việc duy trì độ sạch có thể không thực hiện được trong phòng có độ kín thấp.

Kháng khuẩn

Ngăn chặn sự lan truyền của vi khuẩn trong ống gió nhờ vào lớp tráng phủ kháng khuẩn đặc biệt.

Phin lọc áp dụng phương pháp xử lý kháng khuẩn với một lớp phủ mới kết hợp với vật liệu kháng khuẩn vô cơ gốc kim loại bạc (một vật liệu kháng khuẩn hữu cơ rất hiệu quả trong việc chống lại vi khuẩn) giúp ngăn nấm mốc.

Phương pháp này gia tăng tính kháng khuẩn của ống gió.

Phương pháp xử lý kháng khuẩn sử dụng chất hữu cơ gốc kim loại bạc làm giảm nấm mốc.

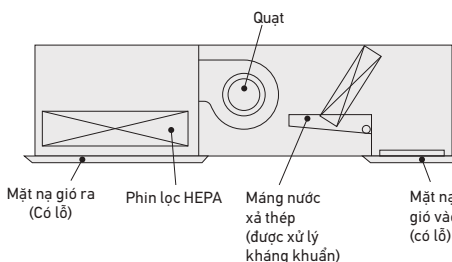
Sợi kháng khuẩn được sử dụng trong phin lọc gió vào.

Với phin lọc tuổi thọ cao sử dụng sợi kháng khuẩn chống nấm mốc gần miệng gió vào, hiệu suất lọc sạch tiếp tục được nâng cao.

* Lưu ý rằng các sản phẩm kháng khuẩn ngăn chặn sự lan truyền của vi khuẩn nhưng không có tác dụng khử trùng. Ngoài ra, nấm mốc có thể phát triển ở những nơi bụi bẩn hoặc bề mặt tích tụ.

* Vật liệu có độ an toàn đã đăng ký được chứng nhận bởi Luật quy định về các chất nguy hiểm và hóa chất Nhật Bản (Đạo luật về các chất hóa học và quy định về sản xuất, v.v...) được sử dụng làm vật liệu kháng khuẩn

* Cần bảo dưỡng định kỳ (làm sạch phin lọc gió và rửa bên trong máy).



Tiết kiệm nhân công

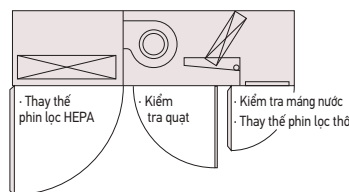
Không cần bảo dưỡng phin lọc trong 5 năm.

Đễ tiếp cận từ mặt dưới máy cho phép bảo dưỡng dễ dàng.

Phin lọc HEPA có độ bền rất cao và không cần bảo dưỡng trong vòng 5 năm.

Daikin hướng đến việc giảm thiểu các công việc bảo dưỡng từ nhiều khía cạnh khác nhau, bao gồm cả khả năng tiếp cận hệ thống trong quá trình bảo dưỡng đã loại bỏ sự cần thiết của mặt nạ dịch vụ.

* Thời gian bảo dưỡng khác nhau tùy thuộc vào độ sạch của phòng và thời gian làm việc của máy điều hòa.



Yên tĩnh

Tất cả các model được thiết kế với sự vận hành yên tĩnh nhất, hoạt động dưới 41dB.

Độ ồn được giảm đáng kể bằng cách sử dụng một buồng lọc tại miệng gió có cấu trúc tinh tế, cách âm và một bộ lọc HEPA có sự tổn thất áp suất thấp. Độ ồn của tất cả các model dưới 41dB (38dB trong vận hành tốc độ quạt thấp).

* Độ ồn có thể lớn hơn các giá trị này ở các vị trí đặt âm cao.

Các kiểu dàn lạnh

Điều hòa không khí cho phòng sạch

FXB(P)Q-P

Thông số kỹ thuật

Loại		Loại dàn lạnh tích hợp			Loại dàn lạnh tách rời
MODEL	Dàn lạnh	FXBQ40PVE	FXBQ50PVE	FXBQ63PVE	FXBPQ63PVE
	Miệng thổi	Tích hợp với dàn lạnh			BAFH82A63
Nguồn điện		1 -pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz			
Công suất làm lạnh	Btu/h	15,400	19,100	24,200	24,200
	kW	4.5	5.6	7.1	7.1
Điện năng tiêu thụ	kW	0.31	0.31	0.45	0.45
Hiệu suất phin lọc hút gió *1		70% bằng phương pháp trọng lực			
Hiệu suất phin lọc HEPA đầu ra *2		99.97% bằng phương pháp DOP *5			
Khối lượng dàn lạnh	kg	140 *3		185 *3	120 *6
Vỏ máy		Thép mạ kẽm			
Lưu lượng gió(Cao/Thấp)	m ³ /phút	19.5/17.5		26/22.5	
	cfm	688/618		918/794	
Độ ồn (Cao/thấp) *4	dB(A)	44/42		44/42	
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	mm	492×1,788×1,000		492×1,788×1,300	492×1,078×1,300
Trọng lượng máy	kg	-		65 *3	
Ống kết nối	Lòng (loe)	φ 6.4		φ 9.5	
	Hơi (loe)	φ 12.7		φ 15.9	
	Nước xả	PT1B			
Phin lọc	Phin lọc HEPA	BAFH82A50		BAFH82A63	
Mặt nạ (Tùy chọn)	Loại hút gió ở trần	BYB82A50C		BYB82A63C	BYB82A63CP
	Loại hút gió ở sàn	BYB82A50W		BYB82A63W	BYB82A63WP

Lưu ý: Các đặc tính kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau đây:

- Làm lạnh : Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực của dàn lạnh dựa vào tổng chỉ số công suất (tham khảo tài liệu kỹ thuật để biết thêm chi tiết)
- *1: Phin lọc hút gió chỉ đi kèm với loại hút gió từ trần
- *2: Phin lọc HEPA bán riêng. Hiệu suất thu hồi bụi của phin lọc HEPA là 99.97%. Tuy nhiên, không khí có thể bị rò rỉ xung quanh phin lọc trong khi lắp đặt.
- *3: Khối lượng đã bao gồm phin lọc HEPA và mặt nạ.
- *4: Điều kiện thử nghiệm: quy đổi trong phòng không đội âm theo tiêu chuẩn JIS B 8616. Giá trị có thể gia tăng trong thực tế do điều kiện xung quanh.
- *5: Điều hòa không khí cho phòng sạch không hỗ trợ thử nghiệm DOP (thử rò rỉ) dựa theo tiêu chuẩn GMP (Tiêu chuẩn Quản lý Sản xuất và Quản lý Chất lượng đối với các thiết bị y tế) do có xảy ra rò rỉ tại một vài thời điểm khi lắp đặt sản phẩm.
- *6: Khối lượng bao gồm mặt nạ

*Trong trường hợp lắp đặt ở phòng phẫu thuật, v.v....., nơi sự cố của máy điều hòa có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, vui lòng kết nối thêm với tối thiểu 2 dàn lạnh.



Cảnh báo

- Do loại hút gió từ trần cấp gió tập trung thổi ra trực tiếp từ bên dưới miệng thổi, vì vậy vui lòng lưu ý những trường hợp sau:
 - Những khu vực gần sàn nhà hoặc những vị trí xa miệng thổi sẽ không được sưởi đủ ấm.
 - Trường hợp sử dụng cho bệnh viện, một số bệnh nhân có thể nhạy cảm với gió lùa lạnh, vì thế vui lòng đảm bảo những bệnh nhân này không trực tiếp đứng dưới miệng thổi.
 - Lắp đặt nhiều máy sử dụng hệ thống hai hoặc nhiều dàn nóng cho các phòng như phòng phẫu thuật nơi việc cấp gió bị gián đoạn có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng.
 - Để duy trì áp suất tĩnh trong phòng, quạt dàn lạnh vẫn tiếp tục vận hành ngay cả khi có sự cố bất thường xảy ra do cảm biến nhiệt tắt, vận hành xả đá, vận hành thiết bị bảo vệ hoặc những vấn đề tương tự.
 - Khi kết hợp với không khí ngoài trời từ bộ lấy gió tươi, cần lắp đặt van điều tiết hoặc thiết bị tương tự cho ống gió và kết hợp với quạt dàn lạnh để gió tươi sẽ ngắt khi quạt dừng.
 - Không khí kết hợp với phin lọc hút gió có thể sẽ thổi ngược lại và để bụi bẩn trên phin lọc thổi ngược vào phòng.
 - Khi sử dụng khí ga để khử trùng các phòng phẫu thuật trong bệnh viện nơi có lắp đặt thiết bị này, ngưng vận hành và che miệng gió vào và gió ra bằng tấm nhựa để ngăn khí ga thổi vào và làm hư hại máy điều hòa.

- Sử dụng loại hút gió từ sàn ở những vị trí sau
 - Những vị trí ở đó việc sưởi ấm khu vực sàn hoặc cả phòng quan trọng hơn.
 - Những vị trí đặc biệt cần độ sạch cao và có nhiều người.

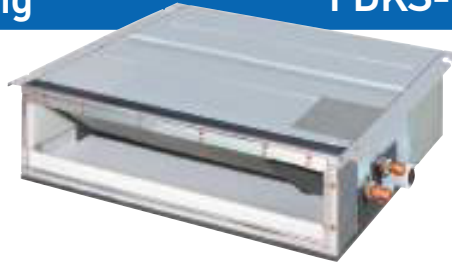
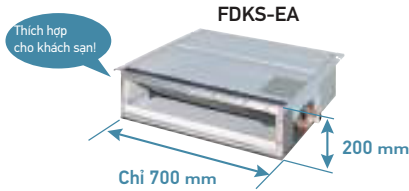
Dàn lạnh VRV

Giấu trần nổi ống gió dạng mỏng

FDKS-EA/C

Thiết kế nhỏ gọn thích hợp với trần nổi

- Các models trong FDKS-EA series chỉ rộng 700 mm và nặng 21 kg, vì vậy có thể dễ dàng lắp đặt trong không gian giới hạn. Chỉ cao 200mm tất cả các model có thể đặt trong các phòng có chiều sâu 240mm giữa trần treo và tấm trần, lý tưởng cho các tấm trần thấp.



Phụ kiện tiêu chuẩn
Lưu ý: Không thể sử dụng các bộ điều khiển từ xa ngoài bộ điều khiển từ xa không dây tiêu chuẩn.

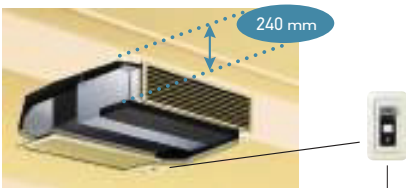


Độ ồn thấp

(Cao/Thấp/Rất thấp)

FDKS25	FDKS35	FDKS50	FDKS60
35/31/29 dB(A)	35/31/29 dB(A)	37/33/31 dB(A)	38/34/32 dB(A)

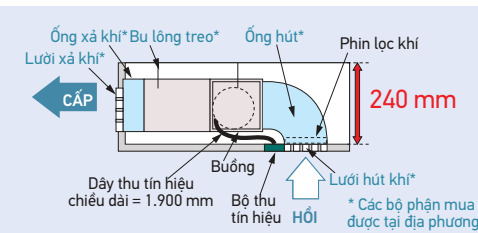
	FDKS25EA	FDKS35EA	FDKS25CA	FDKS35CA
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	200 x 700 x 620 mm		200 x 900 x 620 mm	
Trọng lượng máy	21 kg		25 kg	
Lưu lượng khí (cao)	8.7 m ³ /phút		9.5 m ³ /phút	10 m ³ /phút
Áp suất tĩnh bên ngoài	30 Pa		40 Pa	



Tín hiệu từ bộ điều khiển từ xa không dây được truyền tới bộ thu tín hiệu.

- Chế độ hoạt động khi vắng nhà sẽ ngăn sự tăng hoặc giảm nhiệt độ trong nhà bằng cách tiếp tục hoạt động* trong khi bạn đang ngủ hoặc ra khỏi nhà. Máy điều hòa không khí luôn ở trong trạng thái đợi bạn thức giấc hoặc trở về. Khi đó nhiệt độ trong phòng nhanh chóng trở lại chế độ cài đặt bạn yêu thích.

* Chế độ hoạt động khi vắng nhà có thể được chọn ở bất kỳ nhiệt độ nào từ 18 đến 32 °C khi vận hành chế độ làm lạnh 10 - 30 °C ở chế độ sưởi.
* Chế độ hoạt động khi vắng nhà phải được thiết lập bằng cách sử dụng bộ điều khiển từ xa khi đi ngủ hoặc rời khỏi nhà và sau khi thức dậy hoặc trở về nhà.



Lưu ý:

- Để ngăn sự gia tăng độ ồn, tránh lắp đặt lưới hút khí trực tiếp bên dưới buồng hút.
- Lưới, đầu mối đường ống, ống dẫn, và các bộ phận lắp đặt có thể mua tại địa phương. Các model loại giấu trần nổi ống gió dạng mỏng không có bơm nước xả.
- Thiết bị thu tín hiệu phải được đặt gần cửa hút khí vì thiết bị có bộ cảm biến phát hiện nhiệt độ phòng.

Thông số kỹ thuật

MODEL	FDKS25EAVMB	FDKS35EAVMB	FDKS25CAVMB	FDKS35CAVMB	FDKS50CVMB	FDKS60CVMB	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz						
Lưu lượng gió (Cao)	m ³ /phút (cfm)	8.7 (307)	9.5 (335)	10.0 (353)	12.0 (424)	16.0 (565)	
Độ ồn (Cao/Thấp/Rất thấp)*	dB (A)	35/31/29			37/33/31	38/34/32	
Tốc độ quạt	5 bước, yên tĩnh và tự động						
Điều khiển nhiệt độ	Điều khiển bằng máy tính						
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)	mm	200×700×620		200×900×620		200×1,100×620	
Trọng lượng máy	kg	21		25	27	30	
Ống kết nối	Lồng (loe)	φ 9.5				φ 6.4	
	Hơi (loe)					φ 12.7	
	Nước xả					VP20 (đường kính ngoài .26 / đường kính trong .20)	
Cách nhiệt	Cả ống lồng và hơi						
Áp suất tĩnh ngoài	Pa	30			40		

Lưu ý: * Giá trị độ ồn đo ở hoạt động hút sau và ngoài áp suất tĩnh 30 Pa với FDKS-EA và 40 Pa với FDKS-C. Giá trị độ ồn đối với hoạt động hút đây có thể đạt thêm 6 dB (A) for FDKS-EA và 5 dB (A) đối với FDKS-C.

Các kiểu dàn lạnh



Treo tường

Dàn lạnh treo tường

FTKJ-N

Mẫu mã thanh lịch với phong cách Châu Âu



Phụ kiện kèm theo máy

Trắng

Bạc



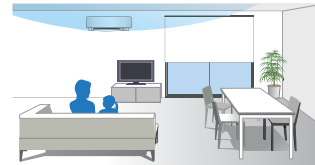
• Kiểu dáng thanh lịch với mặt nạ cong

Kiểu dáng thiết kế dàn lạnh FTK(X)J-N có phong cách độc đáo của châu Âu. Kiểu dáng thanh lịch này là sự kết hợp hoàn hảo của nghệ thuật và công nghệ mang đến hiệu quả vượt trội. Model FTK(X)J-N tạo ra sự lựa chọn sử dụng linh hoạt cho chủ nhà, nhà thiết kế và kiến trúc sư.



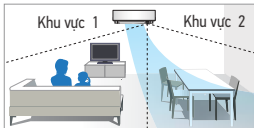
• Chế độ luồng gió tiện nghi

Chế độ luồng gió tiện nghi sẽ ngăn hướng gió thổi trực tiếp vào cơ thể người. Trong chế độ làm lạnh, cánh đảo gió sẽ hướng lên để ngăn luồng gió lạnh. Trong chế độ sưởi, cánh đảo gió sẽ hướng xuống để thổi luồng gió ấm xuống sàn.

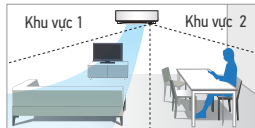


• Mắt thần thông minh hai khu vực

Một sự kết hợp giữa chế độ hướng gió tiện nghi và mắt thần thông minh sẽ hướng luồng không khí lạnh tránh xa cơ thể người. Nếu không có chuyển động trong phòng trong 20 phút, mắt thần thông minh sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ cài đặt khoảng 2°C để tiết kiệm điện năng.



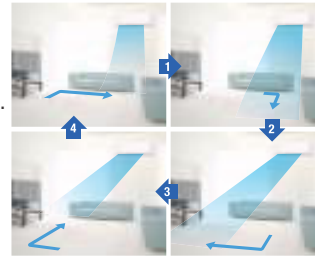
Nếu phát hiện có người trong khu vực 1, luồng gió sẽ được hướng xa khỏi người này



Nếu phát hiện có người trong khu vực 2, luồng gió sẽ được hướng xa khỏi người này

• Luồng gió 3 chiều (3-D)

Luồng gió 3 chiều (3-D) là sự kết hợp của đảo gió tự động theo phương ngang và phương đứng để giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa các vị trí trong phòng. Chức năng này tuần hoàn không khí đến tất cả các vị trí trong phòng ngay cả những không gian lớn. Để kích hoạt chức năng này, nhấn cả hai nút đảo gió tự động theo phương ngang và phương đứng, cánh đảo gió sẽ hoạt động.



Cả hai cánh đảo gió sẽ hoạt động để tăng mức độ tiện nghi trong phòng.

Thông số kỹ thuật

MODEL		FTKJ25NMVW	FTKJ25NMVS	FTKJ35NMVW	FTKJ35NMVS	FTKJ50NMVW	FTKJ50NMVS
Điện nguồn		1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz					
Màu mặt nạ trước		Trắng	Bạc	Trắng	Bạc	Trắng	Bạc
Tốc độ quạt (Cao)	m ³ /phút (cfm)	8.9 (313)		10.9 (385)			
Độ ồn (Cao/Thấp/Rất thấp)	dB (A)	38/25/19		45/26/20		46/35/29	
Lưu lượng gió		5 bước, yên tĩnh và tự động					
Điều khiển nhiệt độ		Điều khiển bằng máy tính					
Kích thước (Cao×Rộng×Dày)		mm 303x998x212					
Trọng lượng máy		kg 12					
Ống kết nối	Lông (loe)	mm 6.4					
	Hơi (loe)	mm 9.5		mm 18.0		mm 12.7	
	Nước xả	mm 18.0					
Cách nhiệt		Cả ống lông và hơi					

Các kiểu dàn lạnh

Loại treo tường

FTKS-D/B/F



FTKS25D / FTKS35D



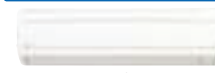
Phụ kiện tiêu chuẩn*

FTKS50B



Phụ kiện tiêu chuẩn*

FTKS50F / FTKS60F / FTKS71F



Phụ kiện tiêu chuẩn*

* Không thể sử dụng các bộ điều khiển từ xa ngoài bộ điều khiển từ xa không dây tiêu chuẩn.

Mặt phẳng thời trang hài hòa với không gian nội thất

Trong khi làm lạnh, độ ồn của dàn lạnh treo tường chỉ ở mức 22 dB(A).

(Cao/Thấp/Rất thấp)

FTKS25D	FTKS35D	FTKS50F	FTKS60F	FTKS71F
37/25/22 dB (A)	39/26/23 dB (A)	43/34/31 dB (A)	45/36/33 dB (A)	46/37/34 dB (A)

- Mắt thần thông minh với bộ cảm biến hồng ngoại sẽ tự động điều khiển hoạt động của máy điều hòa không khí theo sự hiện diện của người trong phòng. Khi không phát hiện chuyển động, máy sẽ điều chỉnh nhiệt độ tăng giảm khoảng 2 °C để tiết kiệm năng lượng.



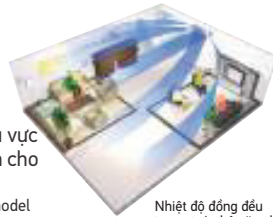
Khi bạn đang ở trong phòng



Khi bạn đi ra ngoài

- Luồng không khí 3-D kết hợp đảo gió phương đứng và phương ngang để lưu thông không khí cho tất cả các khu vực trong phòng làm lạnh cho cả không gian lớn.

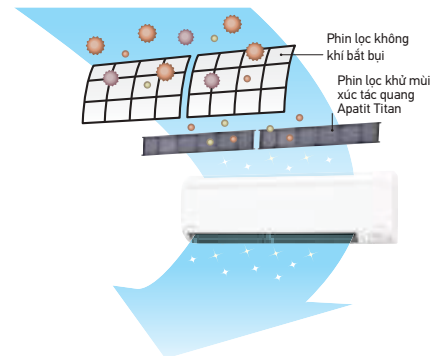
* Chức năng này có sẵn ở model FTKS50/60/71F.



Nhiệt độ đồng đều trong toàn bộ căn phòng.

• Phin lọc khử mùi Apatit Titan

Cùng với màn lọc micron bắt bụi, Apatit Titan còn hấp thụ chất gây dị ứng, cũng như khử mùi hiệu quả.



Các bộ lọc này không phải là thiết bị y tế. Các lợi ích như hấp thụ và phân hủy vi khuẩn chỉ có hiệu quả đối với các chất bám trên bề mặt và tiếp xúc trực tiếp với phin lọc xúc tác quang Titan Apatit.

Thông số kỹ thuật

MODEL	FTKS25DVM	FTKS35DVM	FTKS50BVM	FTKS50FVM	FTKS60FVM	FTKS71FVM	
Nguồn điện	1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz						
Màu mặt nạ	Trắng						
Tốc độ quạt (Cao)	m ³ /phút (cfm)	8.7 (307)	8.9 (314)	11.4 (402)	14.7 (519)	16.2 (572)	17.4 (614)
Độ ồn (Cao/thấp/Rất thấp)	dB (A)	37/25/22	39/26/23	44/35/32	43/34/31	45/36/33	46/37/34
Tốc độ quạt	5 bước, yên tĩnh và tự động						
Kiểm soát nhiệt độ	Điều khiển bằng máy tính						
Kích thước (CxRxĐ)	mm	283x800x195		290x795x238	290x1.050x238		
Trọng lượng	kg	9			12		
Ống kết nối	Lồng (loại)	φ 6.4					
	Hơi (loại)	φ 9.5		φ 12.7		φ 15.9	
	Nước xả	φ 18.0					
Cách nhiệt	Cả ống lồng và hơi						

Treo tường

Bộ BP - Kết nối với dàn lạnh dân dụng

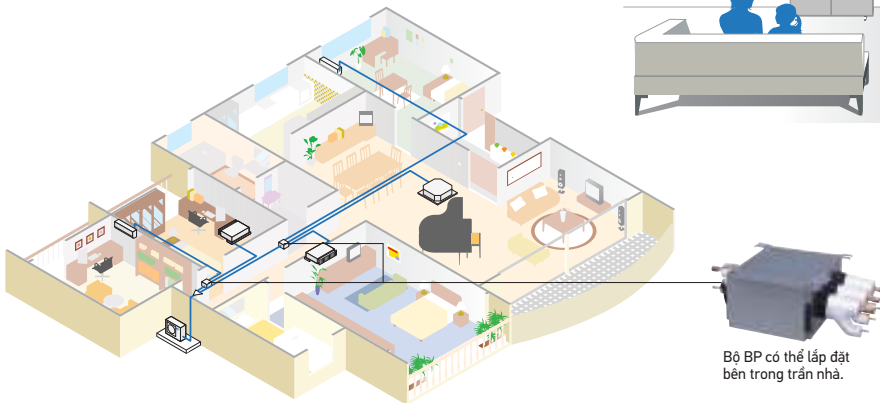
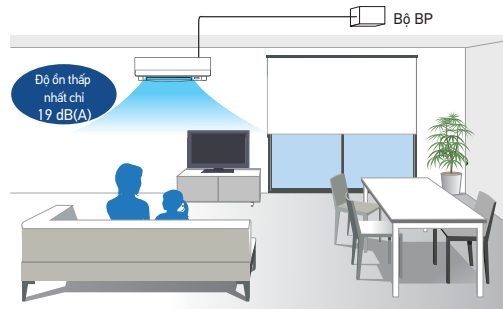
Kết nối dàn lạnh dân dụng

Bộ BP cho phép hệ thống VRV kết nối với các dàn lạnh dân dụng hiện đại và phong cách.



Vận hành êm ái

Van mở rộng có xu hướng tạo ra tiếng ồn khi chất làm lạnh đi qua. Tuy nhiên, tiếng ồn này có thể được giảm bằng cách cài đặt các van trong các đơn vị BP. Bộ BP có thể được lắp bên trong trần hoặc khoảng cách sát mái cách xa dàn lạnh. Một số dàn lạnh dân dụng Daikin chỉ có độ ồn 19 dB (A). Điều này đảm bảo hệ thống điều hòa của bạn hoạt động như êm ái nhất có thể.



Thông số kỹ thuật

MODEL				BPMKS967A3	BPMKS967A2
Nguồn điện				1-pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz	
Số bộ nối				3 (có thể nối với 1-3 dàn lạnh)	2 (có thể nối với 1-2 dàn lạnh)
Điện năng tiêu thụ		W	10		
Dòng hoạt động		A	0.05		
Kích thước (Cao-Rộng-Dài)				180X294 (+356*)X350	
Trọng lượng máy				8	7.5
Số đầu nối dây				3 đối với nguồn điện (gồm dây nối đất), 2 cho dây nối (dàn nóng-BP, BP-BP), 4 cho dây nối (BP-dàn lạnh)	
Piping Ống kết nối (Hàn)	Lồng	Chính	mm	φ 9.5X1	
		Nhánh	mm	φ 6.4X3	
	Hơi	Chính	mm	φ 19.1X1	
		Nhánh	mm	φ 15.9X3	
Cách nhiệt				Cả ống lồng lẫn hơi	
Dàn lạnh có kết nối				Dàn lạnh dân dụng 2.0 kW -7.1kW	
Công suất định mức tối thiểu của dàn lạnh có nối.		kW	2.0		
Công suất định mức tối đa của dàn lạnh có nối.		kW	20.8	14.2	

Lưu ý: * Tổng chiều dài ống dẫn phụ.



BPMKS967A3



BPMKS967A2

Các kiểu dàn lạnh

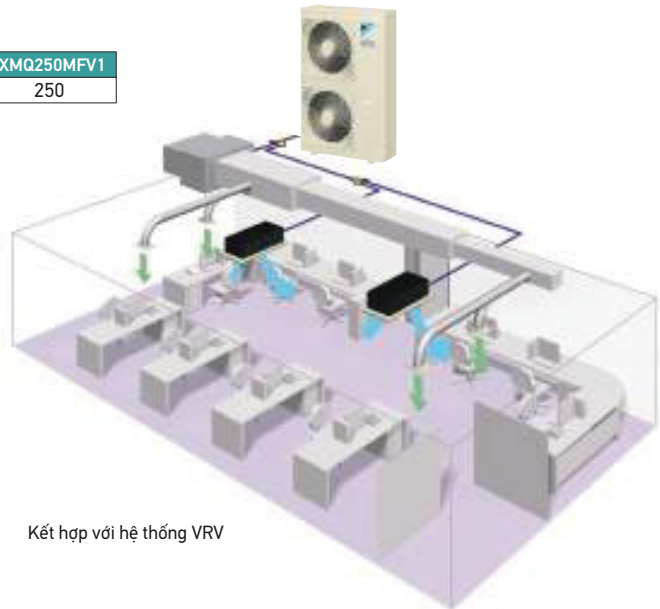
Kết hợp xử lý và điều hòa không khí từ hệ thống đơn

Sản phẩm

Model	FXMQ125MFV1	FXMQ200MFV1	FXMQ250MFV1
Công suất	125	200	250

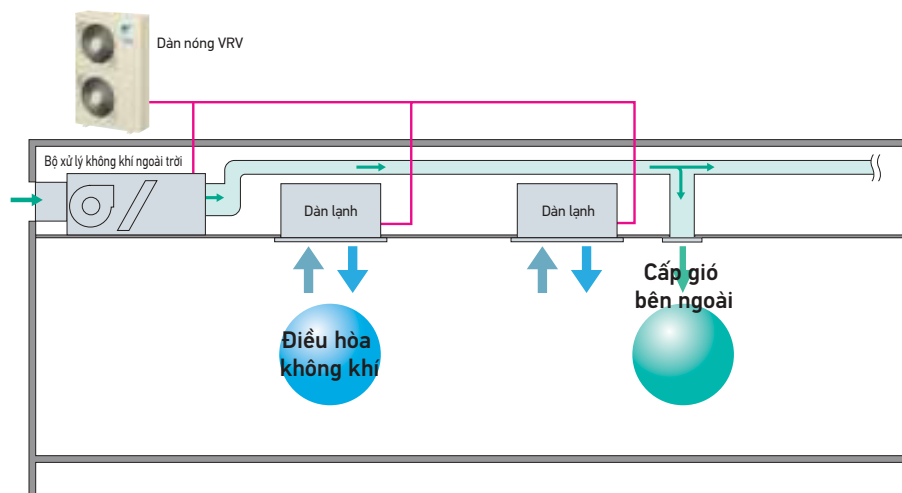


Xử lý khí tươi và điều hòa không khí có thể thực hiện với một hệ thống đơn bằng việc sử dụng kỹ thuật bơm nhiệt mà không có những ảnh hưởng thường gặp đến thiết kế cân bằng của gió cấp và gió thổi ra. Dàn lạnh (FCU) dùng cho điều hòa không khí và bộ xử lý không khí ngoài trời có thể được nối cùng một hệ thống. Kết quả làm tăng tính linh hoạt trong thiết kế và giảm đáng kể tổng chi phí cho hệ thống.



Kết hợp với hệ thống VRV

Điều hòa không khí và xử lý không khí ngoài trời có thể được thực hiện bằng một hệ thống đơn lẻ



Điều kiện kết nối

Các quy định sau phải được tuân thủ để duy trì việc kết nối các dàn lạnh trong cùng một hệ thống.

- Khi kết nối bộ xử lý không khí ngoài trời, tổng công suất kết nối phải từ 50% đến 100% tổng công suất dàn nóng.
- Khi kết nối bộ xử lý không khí ngoài trời và dàn lạnh tiêu chuẩn, tổng công suất kết nối của bộ xử lý không khí ngoài trời không được vượt quá 30% công suất dàn nóng.
- Bộ xử lý không khí ngoài trời có thể sử dụng mà không cần sử dụng dàn lạnh.

Bộ xử lý không khí ngoài trời

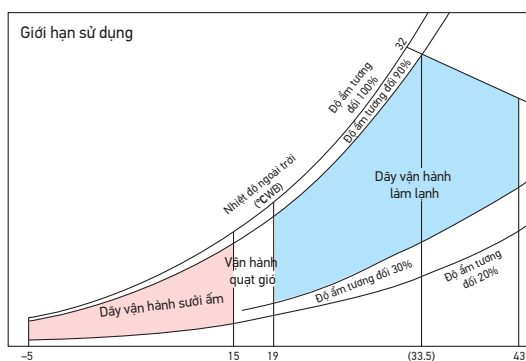
- Bộ xử lý không khí ngoài trời điều chỉnh nhiệt độ không khí bên ngoài bằng việc điều khiển nhiệt độ cấp cố định, vì vậy sẽ giảm tải lạnh.
- * Hệ thống có thể hoạt động với nhiệt độ bên ngoài từ -5 đến 43°C. Hiệu quả sưởi ấm giảm đôi chút khi nhiệt độ bên ngoài là 0°C hoặc thấp hơn.
- * Khi xuất xưởng, nhiệt độ điều khiển được cài đặt là 18°C cho chế độ lạnh và 25°C cho chế độ sưởi. Nhiệt độ có thể cài đặt trong dải 13–25°C ở chế độ lạnh và 18–30°C ở chế độ sưởi bằng bộ điều khiển từ xa có dây tại công trình. Tuy nhiên, nhiệt độ sẽ không hiển thị trên bộ điều khiển từ xa.
- * Trong chế độ bảo vệ máy và tùy theo điều kiện không khí ngoài trời, nhiệt độ gió cấp có thể không đạt được nhiệt độ cài đặt.
- * Quạt sẽ dừng khi vận hành ở chế độ xả băng, hồi dầu và khởi động chế độ sưởi ấm. Quạt cũng có thể dừng do điều khiển bảo vệ máy.

• Máy giấu trần ống gió có 3 loại công suất khác nhau. Những loại này có thể kết nối với những dàn nóng **VRV** để đáp ứng nhiều yêu cầu khác nhau.

Lưu lượng gió

FXMQ125MFV1	1,080 m ³ /h
FXMQ200MFV1	1,680 m ³ /h
FXMQ250MFV1	2,100 m ³ /h

- Thiết bị tùy chọn bao gồm bộ lọc tuổi thọ cao
- Phù hợp với nhiệt độ bên ngoài từ -5°C đến 43°C.



Lưu ý:

1. Những số liệu trên bảng đồ minh họa dài làm việc ở những điều kiện sau:
Dàn lạnh và dàn nóng: Chiều dài ống: 7.5m. Chênh lệch độ cao: 0m.
2. Nhiệt độ khi cấp có thể cài đặt bằng bộ điều khiển từ xa. Tuy nhiên nhiệt độ thực tế có thể không đạt đến nhiệt độ cài đặt trong 1 số trường hợp do tải của bộ xử lý không khí ngoài trời hoặc điều khiển bảo vệ thiết bị.
3. Hệ thống sẽ không hoạt động ở chế độ quạt gió khi nhiệt độ không khí bên ngoài ở 5°C hoặc thấp hơn.

- Có thể tùy chọn bộ lọc hiệu suất cao với hiệu suất hấp thụ bụi (tiêu chuẩn JIS) 90% và 65%.
- Giống như hệ thống VRV nhiều hệ thống điều khiển có thể sử dụng, bao gồm cả điều khiển từ xa với khoảng cách lên đến 500m.

* Không thể điều khiển nhóm giữa máy và các dàn lạnh tiêu chuẩn. Sử dụng bộ điều khiển từ xa cho mỗi máy



BRC1E63
Điều khiển điều hướng từ xa có dây (tùy chọn)

- Chức năng “tự phân tích” biểu thị những bất thường xảy ra trong hệ thống bằng việc hiển thị mã lỗi trên bộ điều khiển từ xa.

- Có thể lắp đặt hệ thống điều khiển trung tâm phù hợp với hệ thống VRV.



DCS302CA61
Điều khiển từ xa trung tâm (tùy chọn)

- * Không thể thay đổi các cài đặt nhiệt độ gió cấp từ hệ thống điều khiển trung tâm.
- * Không kết hợp thiết bị này cho nhóm dàn lạnh mà điều khiển trung tâm không thể điều khiển được.

- Cùng với hệ thống **VRV**, thiết bị này sử dụng “hệ thống siêu kết nối” mà dây nối giữa dàn nóng và dàn lạnh cũng có thể dùng cho điều khiển trung tâm.

Lưu ý:

* Không hỗ trợ điều khiển liên kết giữa sản phẩm khác và HRV.

* Thiết bị này có mục đích chỉ cho việc xử lý không khí ngoài trời. Nó không được sử dụng để duy trì nhiệt độ trong phòng.

Lắp đặt và sử dụng cùng với dàn lạnh tiêu chuẩn.

Phải chắc chắn miếng thổi của nó ở những nơi mà gió không thổi trực tiếp vào người trong phòng. Khi việc xử lý không khí bên ngoài vượt quá mức, máy sẽ cắt chế độ nhiệt, và không khí bên ngoài sẽ được thổi trực tiếp vào phòng. Đối với ống gió bên ngoài, phải sử dụng cách nhiệt để chống đóng sương.

* Không hỗ trợ điều khiển nhóm cho máy với dàn lạnh.

Bộ điều khiển từ xa nên sử dụng riêng biệt cho từng máy

Hệ thống sẽ không hoạt động chế độ quạt khi nhiệt độ bên ngoài ở 5°C hoặc thấp hơn.

* Nếu máy hoạt động 24 giờ trong ngày, chế độ bảo dưỡng (thay thế phụ tùng,v.v...) phải được thực hiện định kỳ.

* Không thể cài đặt nhiệt độ và thực hiện chức năng tính điện năng tiêu thụ tuy ngay cả khi sử dụng hệ thống Intelligent Touch Controller hay Intelligent Manager III.

* Bộ điều khiển từ xa nối với bộ xử lý không khí ngoài trời không được đặt là bộ điều khiển từ xa chính. Khi cài đặt Auto, chế độ hoạt động sẽ bật tùy theo điều kiện không khí ngoài trời, không quan tâm tới nhiệt độ trong phòng.

Các kiểu dàn lạnh

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Dàn lạnh

Loại		Loại giấu trần nổi ống gió hồi sau			
Model		FXMQ125MFV1	FXMQ200MFV1	FXMQ250MFV1	
Điện nguồn		1-pha 220 - 240 V (cùng yêu cầu cho dàn lạnh), 50 Hz			
Công suất làm lạnh *1	Btu/h	47,800	76,400	95,500	
	kW	14.0	22.4	28.0	
Điện năng tiêu thụ	kW	0.359	0.548	0.638	
Vỏ máy		Tấm thép mạ kẽm			
Kích thước (CaoXRộngXDây)		470X744X1,100		470X1,380X1,100	
Quạt	Công suất động cơ	kW			
	Lưu lượng gió	m ³ /phút			
		cfm			
Áp suất tĩnh ngoài	220V/240V	Pa	185/225	225/275	205/255
Bộ lọc không khí		*2			
Ống kết nối	Nước xả	mm			
	Lồng	mm			
	Hơi	mm			
Khối lượng máy		kg		86	123
Độ ồn *3	220V/240V	dB(A)		42/43	47/48
Dàn nóng có thể kết nối *4		6 HP hoặc hơn		8 HP hoặc hơn	10 HP hoặc hơn
Dải hoạt động (từ 15 đến 19°C ở chế độ quạt)		Làm lạnh		19 đến 43°C	
Dải nhiệt độ cấp *5		Làm lạnh		13 đến 25°C	

Lưu ý:

*1. Các thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ bên ngoài là 33°CDB, 28°CWB (68% RH), và nhiệt độ xả là 18°CDB.
- Sưởi: Nhiệt độ bên ngoài 0°CDB, -2.9°CWB (50% RH), và nhiệt độ xả là 25°CDB
- Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m (0m phương ngang)

*2. Không cung cấp bộ lọc khí nạp, đảm bảo lắp đặt bộ lọc có độ bền lớn có nhiều kiểu mẫu để lựa chọn hoặc bộ lọc có hiệu suất lớn. Lắp đặt bộ lọc vào hệ thống ống dẫn, phía các ống hút không khí. Chọn hiệu suất hút bụi (phương pháp hút) là ≥ 50%.

*3. Giá trị chuyển đổi bản tiêu âm đo lường tại một điểm 1,5 m từ trên xuống dưới với mức đo là vị trí trung tâm thiết bị. Các giá trị này thông thường sẽ cao hơn trong quá trình vận hành thực tế tùy theo các điều kiện không khí bên ngoài.

*4. Có thể kết nối với thiết bị bên ngoài nếu tổng công suất của các dàn lạnh đạt 50-100% chỉ số công suất của các dàn nóng.

*5. Phương thức cài đặt cho từng phòng. Không hiển thị trên bộ điều khiển từ xa.

• Không thể kết hợp thiết bị này cùng với bộ điều khiển nhóm từ xa của hệ thống VRV IV.

CÁC THIẾT BỊ TỰ CHỌN

Dàn lạnh

Model		FXMQ125MFV1	FXMQ200MFV1	FXMQ250MFV1	
Hoạt động/điều khiển	Bộ điều khiển từ xa	BRC1E63/BRC1C62			
	Bộ điều khiển từ xa trung tâm	DCS302CA61			
	Bộ điều khiển Tắt/Mở đồng nhất	DCS301BA61			
	Bộ lập trình thời gian	DST301BA61			
	Bộ chuyển mạch kết nối cho các thiết bị điện (1)	KRP2A61			
	Bộ chuyển mạch kết nối cho các thiết bị điện (2)	KRP4AA51			
Bộ lọc	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao	KAFJ371L140	KAFJ371L280		
	Bộ lọc hiệu suất cao	Phương pháp đo màu 65%	KAFJ372L140	KAFJ372L280	
		Phương pháp đo màu 90%	KAFJ373L140	KAFJ373L280	
	Buồng lọc *1	KDJ3705L140	KDJ3705L280		
Bộ bơm nước xả		KDU30L250VE			
Bộ chuyển mạch		KRPIB61			

Lưu ý:

*1. Buồng lọc có bích đường hồi (thiết bị chính không có)

• Kích thước và khối lượng phụ thuộc thiết bị tùy chọn được sử dụng.

• Một số sự lựa chọn có thể không sử dụng do điều kiện lắp đặt, vui lòng xác nhận trước khi đặt hàng.

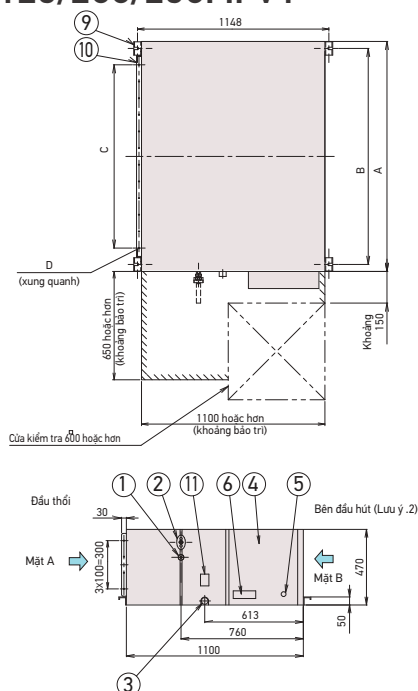
• Một số sự lựa chọn có thể không sử dụng khi liên hợp.

• Độ ồn khi hoạt động có thể hơi tăng tùy thuộc thiết bị tùy chọn được sử dụng.

Thiết bị xử lý không khí

KÍCH THƯỚC

FXMQ125/200/250MFV1



*Sơ đồ này dựa theo FXMQ200MFV1 và FXMQ250MFV1.

Kích cỡ ống nối

Model	Đường kính ống hơi	Đường kính ống lồng
FXMQ125MFV1	φ15.9	φ9.5
FXMQ200MFV1	φ 19.1 đường ống kèm theo	φ9.5
FXMQ250MFV1	φ 22.2 đường ống kèm theo	φ9.5

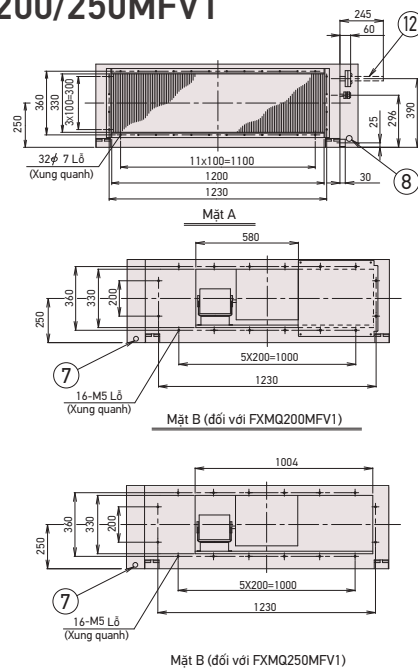
Bảng kích thước

Model	A	B	C	D
FXMQ125MFV1	744	685	5X100=500	Lỗ 20 - φ4.7
FXMQ200MFV1	1380	1296	11X100=1100	Lỗ 32 - φ4.7
FXMQ250MFV1	1380	1296	11X100=1100	Lỗ 32 - φ4.7

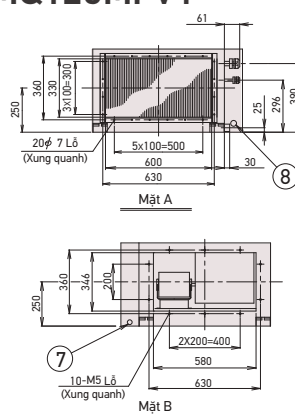
Lưu ý:
 1. Ống vẽ trong sơ đồ chỉ cho FXMQ200MFV1 và FXMQ250MFV1. Đầu ống hơi (trong sơ đồ) khác với FXMQ125MFV1.
 2. Bộ lọc không khí không được cung cấp theo máy. Phải chắc chắn lắp bộ lọc không khí ở đầu hút gió (sử dụng bộ lọc hiệu suất hấp thu bụi tối thiểu 50% (phương pháp trong lọc). Tuy chọn).
 3. Đối với ống gió đàn nóng phải có cách nhiệt để chống đóng sương.

- ① Ống nối lồng
- ② Ống nối hơi
- ③ Ống nước ngưng
- ④ Hộp điện
- ⑤ Thanh nối đất
- ⑥ Bảng tên thiết bị
- ⑦ Dây nguồn
- ⑧ Dây điều khiển
- ⑨ Giá treo
- ⑩ Bích nối đầu thổi
- ⑪ Cổng cấp nước
- ⑫ Ống đính kèm (lưu ý 1)

FXMQ200/250MFV1



FXMQ125MFV1



Các kiểu dàn lạnh

Bộ HRV phối hợp với điều hòa không khí tạo ra môi trường chất lượng cao



Dãy sản phẩm

VAM150GJVE, VAM250GJVE, VAM350GJVE,
VAM500GJVE, VAM650GJVE, VAM800GJVE,
VAM1000GJVE, VAM1500GJVE, VAM2000GJVE

**Cải thiện hiệu suất Enthapy^{e1}
Áp suất tĩnh ngoài cao hơn^{e2}
Nâng cao chức năng tiết kiệm năng lượng**



Thiết bị điều khiển bộ thông gió thu hồi nhiệt*

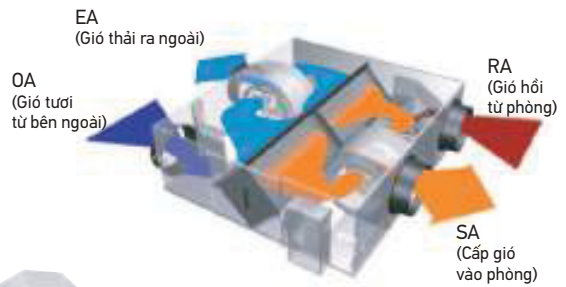
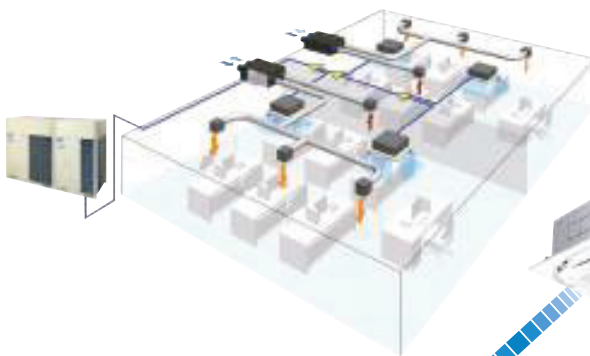
* Thiết bị điều khiển từ xa này được sử dụng trong trường hợp vận hành bộ thông gió thu hồi nhiệt độc lập

BRC301B61 (Tùy chọn)

Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt - loại VAM*¹ mang lại hiệu suất Enthality cao hơn, do nâng cao hiệu quả của màng trao đổi nhiệt mỏng. Hơn nữa, áp suất tĩnh ngoài*² được cải thiện giúp nâng cao tính linh hoạt trong lắp đặt. Bên cạnh ba yếu tố nổi bật này, hoạt động làm lạnh vào ban đêm đóng góp vào việc tiết kiệm năng lượng và mang lại không gian thoải mái hơn.

*1 Cho loại: VAM150/250/350/650/800/1000/2000GJVE

*2 Cho loại: VAM150/350/500GJVE



Điều hòa không khí Daikin
Dàn lạnh

- Tín hiệu Mở/Tắt
- Tín hiệu chế độ Lạnh/Sưởi
- Tín hiệu nhiệt độ cài đặt
- Tín hiệu thông gió

- Tín hiệu chế độ vận hành
- Tín hiệu làm sạch phin lọc
- Tín hiệu báo lỗi

Phối hợp liên động



Điều khiển từ xa
LCD cho dàn lạnh



Thiết bị thu
hồi nhiệt HRV

Thiết bị gọn nhẹ

Với chiều cao 306 mm, thiết bị được lắp đặt dễ dàng trong không gian hạn chế, ví dụ như ở trên trần.



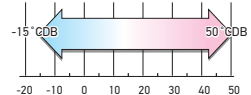
* Dành cho VAM500GJVE

Bảo tồn năng lượng

Tải cho điều hòa không khí giảm xấp xỉ 31%

Phù hợp với khí hậu lạnh

Vận hành tiêu chuẩn ở
nhiệt độ xuống đến -15°C.



HRV hệ thống thông gió thu hồi nhiệt - VAM Series

Tải điều hòa không khí giảm khoảng 31%!

Tổng nhiệt trao đổi thông gió 23%

Thiết bị này thu hồi lại năng lượng nhiệt mất đi do quá trình thông gió và hạn chế sự thay đổi nhiệt độ phòng do quá trình thông gió gây ra, vì vậy bảo tồn năng lượng và giảm tải cho hệ thống điều hòa không khí.

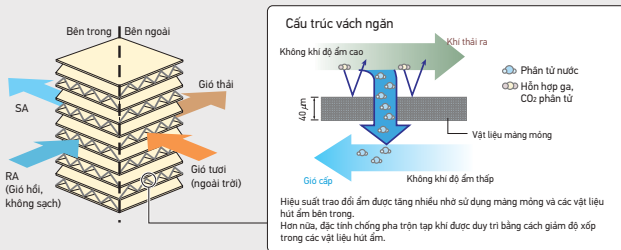
Hiệu suất Enthapy được cải thiện mạnh mẽ bởi ứng dụng công nghệ màng mỏng mới nhất! (Loại VAM-GJ)

Nhờ có màng mỏng hơn...

- Giảm sự hút ẩm của các vách ngăn một cách mạnh mẽ.
- Tạo ra thêm khoảng không cho các lớp nhiều hơn, kết quả là làm tăng diện tích trao đổi giữa khí cấp và khí thải.

Sự hút ẩm tăng xấp xỉ 10%!

Độ dày tấm lọc
40μm



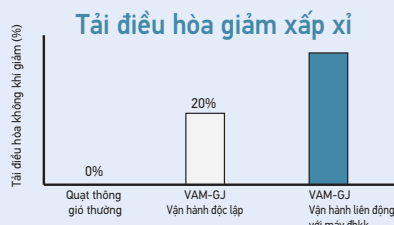
Chuyển đổi chế độ tự động thông gió 6%

Chuyển đổi tự động chế độ thông gió (Chế độ trao đổi nhiệt toàn phần / chế độ thông gió) tùy theo tình trạng vận hành của máy điều hòa không khí.

Điều khiển tự động làm lạnh/ sưởi trước 2%

Giảm tải điều hòa không khí bằng cách không chạy HRV khi không khí vẫn sạch ngay sau khi máy điều hòa không khí được BẬT.

- Tải điều hòa không khí giảm hoặc có thể thay đổi phụ thuộc vào thời tiết và các điều kiện môi trường khác tại nơi lắp thiết bị.
- Tải điều hòa không khí giảm dựa trên những điều kiện sau:
Nơi ứng dụng: Tòa nhà văn phòng TOKYO
Kiểu tòa nhà: 2 tầng hầm, 6 tầng nổi, diện tích 2.100m²
Mật độ người: 0,25 người/m²
Lưu lượng thông gió: 25m³/h
Điều kiện không khí trong nhà: mùa hè: 25°C, độ ẩm 50%; giao mùa: 24°C, độ ẩm 50%; mùa đông: 22°C, độ ẩm 40%
Thời gian vận hành: 2745 giờ (9 giờ/ngày, khoảng 25 ngày/tháng)
Cách tính: mô phỏng dựa vào "MICRO-HASP/1982" của Hiệp hội khoa học Cơ điện tòa nhà Nhật bản.



Vận hành làm lạnh linh hoạt ban đêm*1

Chế độ vận hành vào ban đêm là một chức năng bảo tồn năng lượng, chức năng này làm việc vào ban đêm khi các máy điều hòa không khí đã tắt.

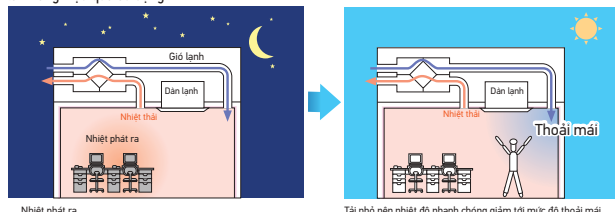
Bằng việc thông gió các phòng, nơi chứa các thiết bị làm tăng nhiệt độ, vận hành vào ban đêm sẽ làm giảm tải lạnh khi các máy điều hòa bật vào buổi sáng.

Nó cũng giúp tránh khỏi cảm giác không thoải mái vào buổi sáng mà nguyên nhân là do nhiệt tích lũy trong suốt cả đêm.

- Chế độ vận hành vào ban đêm chỉ làm việc khi kết nối với hệ thống Multi hoặc VRV của tòa nhà.
- Chế độ vận hành vào ban đêm được cài đặt "tắt" tại nhà máy, nếu muốn sử dụng phải yêu cầu nhà cung cấp bật nó lên.

*1. Chức năng này chỉ hoạt động khi kết nối với các máy điều hòa không khí Multi hoặc VRV của tòa nhà.
*2. Giá trị dựa trên các điều kiện sau:
• Vận hành chế độ từ tháng 4 đến tháng 10.
• Chỉ tính đến tải nhiệt hiện cho điều hòa không khí (không bao gồm nhiệt ẩn).

Nhiệt tích lũy được phát ra ban đêm. Chế độ này làm giảm tải điều hòa không khí vào ngày hôm sau, vì vậy làm tăng hiệu quả sử dụng



Tải nhiệt của điều hòa giảm
Khoảng 5%²!

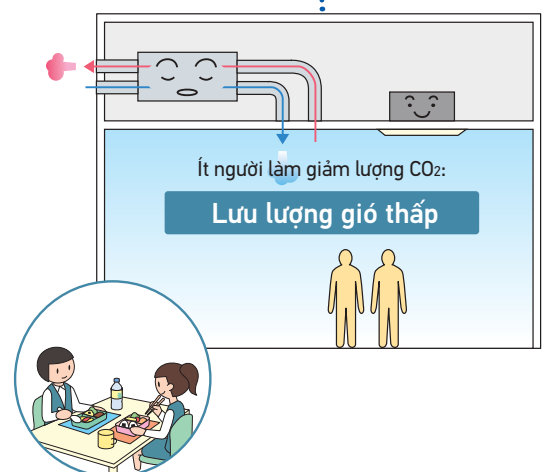
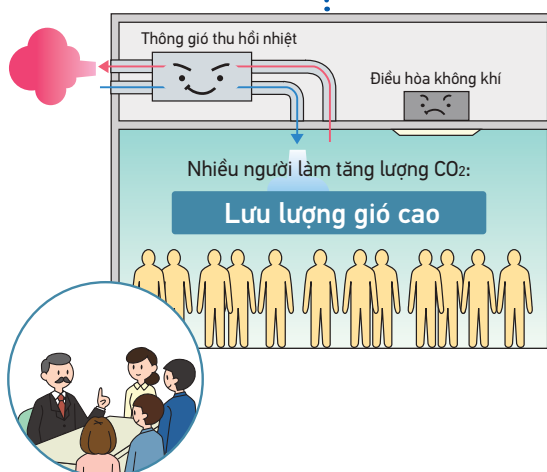
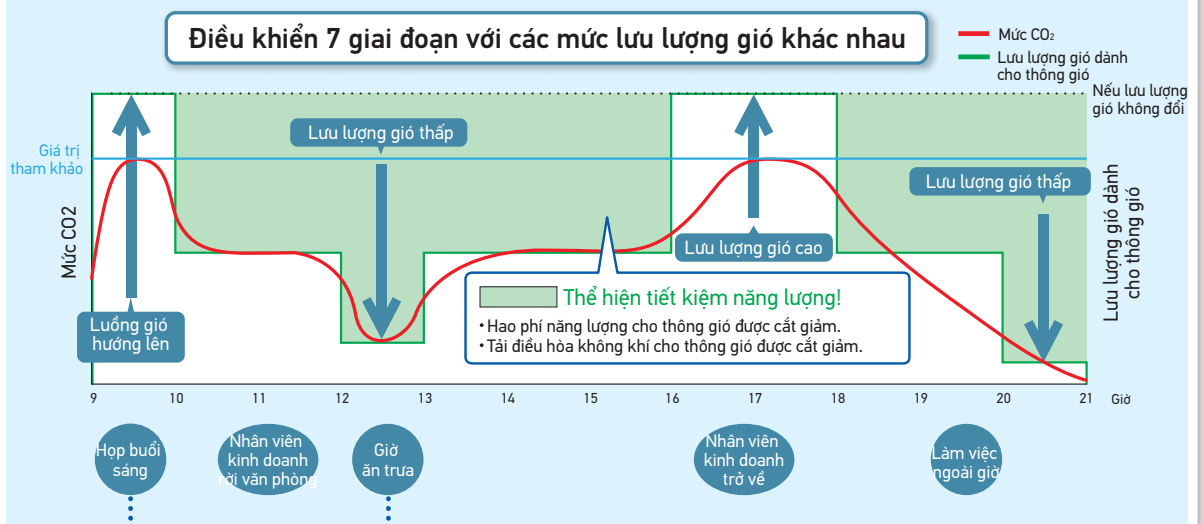
*Vận hành liên kết với điều hòa không khí

Các kiểu dàn lạnh

Kết nối với bộ cảm biến CO₂ (tùy chọn)

Cảm biến CO₂ điều khiển lưu lượng gió để phù hợp nhất với sự thay đổi của mức CO₂. Việc này giúp ngăn chặn tổn thất năng lượng từ việc thông gió quá mức trong khi vẫn duy trì chất lượng không khí trong phòng với cảm biến CO₂ tùy chọn.

• Ví dụ vận hành của cảm biến CO₂ trong phòng làm việc:



HRV hệ thống thông gió thu hồi nhiệt - VAM Series

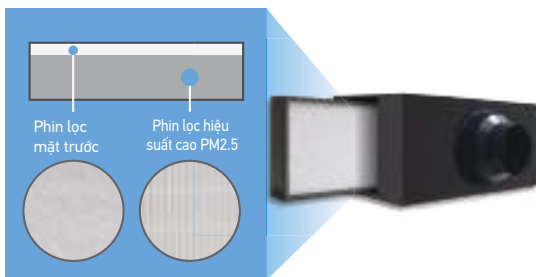
Phin lọc PM2.5 (tùy chọn)

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã làm gia tăng khí thải từ nhà máy xe cộ, dẫn đến việc gia tăng mức độ PM2.5. Điều này đã trở thành một nguyên nhân gây ra các bệnh về hô hấp và mang đến một nguy cơ nghiêm trọng cho các vấn đề về sức khỏe trong dài hạn. Do chất lượng không khí ngày càng xấu đi, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng những tác động tiêu cực của PM2.5 đối với sức khỏe của cộng đồng.

Phương pháp lọc hiệu quả 2 lớp

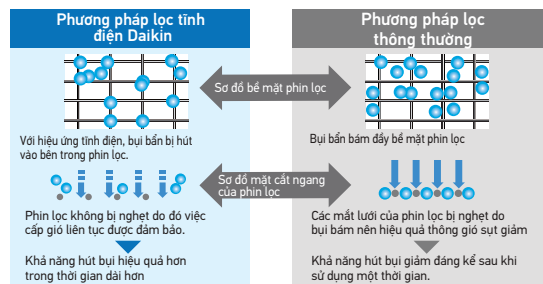
Phin lọc PM2.5 có 2 lớp

1. Phin lọc mặt trước loại bỏ hiệu quả các hạt bụi kích thước lớn
2. Phin lọc PM2.5 chứa một lượng lớn tĩnh điện để hút các hạt nhỏ một cách hiệu quả.



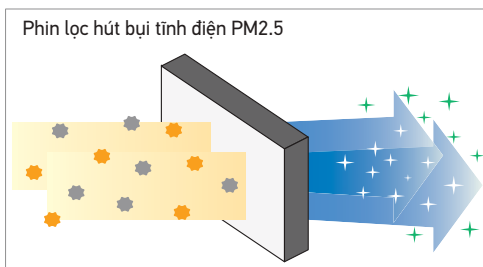
Phin lọc bụi tĩnh điện: hiệu quả hơn và lâu hơn

Phin lọc PM2.5 chứa một lượng lớn tĩnh điện để hút các hạt nhỏ một cách hiệu quả, bao gồm những hạt nhỏ hơn mức lưới điện. Phin lọc này khó bị bụi làm tắc nghẽn và khả năng thông gió tốt đồng thời tuổi thọ cao.

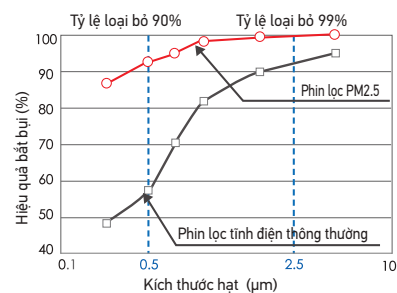


Phin lọc PM2.5 hiệu quả cho một môi trường tiện nghi hơn và trong lành hơn.

Dòng sản phẩm thông gió thu hồi nhiệt với phin lọc PM2.5 được trang bị phin lọc hút bụi tĩnh điện để loại bỏ PM2.5. Phin lọc này không chỉ loại bỏ 99% hoặc hơn các hạt bụi 2.4µm mà còn loại bỏ từ 90% các vật chất có kích thước 0.5µm



*Kết quả thử nghiệm bởi Phòng thí nghiệm Suisi, Thông gió và điều hòa không khí tại Đại học Tongji. Môi trường thử nghiệm: nhiệt độ 25-26°C, độ ẩm 58-60%RH



Phin lọc hiệu suất cực cao đối với Lưu huỳnh Ô xít và Ni tơ Ô xít

Sử dụng hiệu quả chất liệu các bon hoạt tính để gia tăng khu vực hấp thụ

Là một chuyên gia trong nghiên cứu và phát triển các loại phin lọc, Daikin đã đặc biệt lựa chọn vật liệu các bon hoạt tính là thành phần chính để tạo ra phin lọc ô xít lưu huỳnh và ô xít ni tơ. Bề mặt lỗ của vật liệu được tận dụng tối đa, do đó đã gia tăng độ bền của phin lọc.



Ghi chú:
Diện tích bề mặt của các-bon hoạt tính: 700m²/g
Nếu một trang báo rộng 40.6 cm và dài 54.6 cm thì mỗi gam các bon hoạt tính có diện tích bề mặt bằng 3,000 trang báo.

Nhận diện thông minh, bám dính hiệu quả

Một chất đặc biệt được thêm vào các lỗ của các bon hoạt tính có thể đặc biệt nhắm đến mục tiêu là các chất khí ô xít lưu huỳnh và ô xít ni tơ và dính các phân tử này vào phin lọc mà không ngăn cản các khí không xác định khác, Điều này giúp phin lọc bền hơn.



Ghi chú: Số liệu dựa trên thử nghiệm trong nhà trong điều kiện phòng thí nghiệm như sau: Nhiệt độ từ 22 đến 25°C, độ ẩm từ 35 đến 40% RH, tốc độ gió 0.2m/s

Các kiểu dàn lạnh

Thông số kỹ thuật

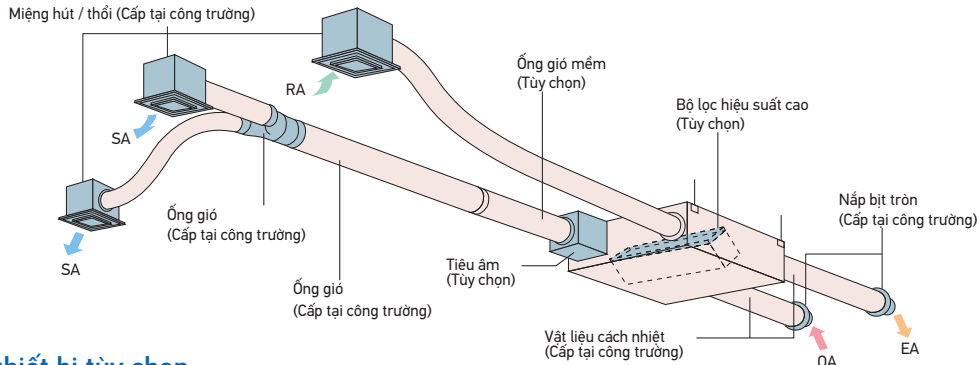
MODEL			VAM150GJVE	VAM250GJVE	VAM350GJVE	VAM500GJVE	VAM650GJVE	VAM800GJVE	VAM1000GJVE	VAM1500GJVE	VAM2000GJVE		
Nguồn cấp			1-pha, 220-240 V/ 220 V, 50/60 Hz										
Hiệu suất trao đổi nhiệt (50/60 Hz)	Rất cao Cao Thấp	%	79/79	75/75	79/79	74/74	75/75	72/72	78/78	72/72	77/77		
			79/79	75/75	79/79	74/74	75/75	72/72	78/78	72/72	77/77		
			84/85	79/79	82/82	80/80.5	77/77.5	74/74.5	80.5/81	75.5/76	79/81		
Hiệu suất trao đổi entanpy (50/60 Hz)	Làm lạnh	Rất cao Cao Thấp	%	66/66	63/63	66/66	55/55	61/61	61/61	64/64	61/61	62/62	
				66/66	63/63	66/66	55/55	61/61	61/61	64/64	61/61	62/62	
				70/70.5	66/66	70/70	59/59.5	64/64.5	64/64.5	68.5/69	64/64.5	66/67	
Điện năng tiêu thụ (50/60 Hz)	Chế độ trao đổi nhiệt	Rất cao	W	125/134	137/141	200/226	248/270	342/398	599/680	635/760	1,145/1,300	1,289/1,542	
		Cao	W	111/117	120/125	182/211	225/217	300/332	517/597	567/648	991/1,144	1,151/1,315	
		Thấp		57/58	60/59	122/120	128/136	196/207	435/483	476/512	835/927	966/1,039	
	Chế độ thông gió	Rất cao	W	125/134	137/141	200/226	248/270	342/398	599/680	635/760	1,145/1,300	1,289/1,542	
		Cao	W	111/117	120/125	182/211	225/217	300/332	517/597	567/648	991/1,144	1,151/1,315	
		Thấp		57/58	60/59	122/120	128/136	196/207	435/483	476/512	835/927	966/1,039	
Độ ồn (50/60 Hz)	Chế độ trao đổi nhiệt	Rất cao	dB(A)	27-28.5/28.5	27-29/29	31.5-33/33	33-35.5/34	34-36/36	39-40.5/39.5	39.5-41.5/39.5	39.5-41.5/41.5	41.5-43.5/42	
		Cao	dB(A)	26-27.5/27.5	26-27.5/28	30-31.5/30	31.5-34/32	33-34.5/34	37-39.5/37.5	37.5-39.5/37.5	37.5-39.5/39.5	39-43/40	
		Thấp	dB(A)	20.5-21.5/21	21-22/21	23-25/23	25-28.5/24	27.5-29.5/28	35-37.5/34.5	35-37.5/34.5	35-37.5/36	36-39/39	
	Chế độ thông gió	Rất cao	dB(A)	28.5-29.5/29.5	28.5-30.5/30.5	33-34.5/34.5	34.5-36/35.5	35-37.5/37.5	40.5-42/41	40.5-42.5/40.5	41-43/42.5	43-45.5/44	
		Cao	dB(A)	27.5-28.5/28.5	27.5-29/29.5	31.5-33/31.5	33-34.5/33.5	33-35.5/35.5	38.5-40/39	38.5-40.5/38.5	39.5-41/41.5	40.5-45/42	
		Thấp	dB(A)	22.5-23.5/22	22.5-23/22.5	24.5-26.5/24.5	25.5-28.5/25.5	27.5-30.5/29.5	36-38.5/35.5	36-38.5/35.5	36.5-38/37.5	37.5-39.5/41	
Vỏ máy			Thép tráng kẽm										
Vật liệu cách nhiệt			Polyurethane không cháy										
Kích thước (CaoXRộngxDày)			mm			278X810X551	306X879X800	338X973X832	387X1,111X832	387X1,111X1,214	785X1,619X832	785X1,619X1,214	
Trọng lượng máy			kg			24	45	55	67	129	157		
Hệ thống trao đổi nhiệt			Trao đổi nhiệt toàn phần (nhiệt ẩn + nhiệt hiện) của hai dòng khí ngược chiều										
Vật liệu trao đổi nhiệt			Giấy không cháy										
Bộ lọc khí			Lớp sợi phủ nhiều hương										
Fan	Loại	Quạt Sirocco											
		Lưu lượng gió (50/60Hz)	Rất cao Cao Thấp	m ³ /h	150/150	250/250	350/350	500/500	650/650	800/800	1,000/1,000	1,500/1,500	2,000/2,000
					150/150	250/250	350/350	500/500	650/650	800/800	1,000/1,000	1,500/1,500	2,000/2,000
	100/95				155/155	230/230	320/295	500/470	700/670	860/840	1,320/1,260	1,720/1,580	
	Áp suất tĩnh ngoài (50/60 Hz)	Rất cao Cao Thấp	Pa	120/154	70/96	169/222	105/150	85/125	133/170	168/192	112/150	116/140	
				106/131	54/65	141/145	66/52	53/67	92/85	110/86	73/72	58/32	
56/60				24/20	67/30	32/18	35/38	72/61	85/60	56/50	45/45		
Công suất động cơ			kW			0.030X2	0.090X2	0.140X2	0.280X2	0.280X4			
Đường kính ống nối			mm			φ100	φ150	φ200	φ250	φ350			
Điều kiện xung quanh máy			-15°C-50°CDB, 80%RH hoạt ít hơn										

- Lưu ý: 1. Độ ồn được đo ở phía dưới tầm máy 1.5m.
 2. Lưu lượng gió có thể bật sang chế độ thấp hoặc cao.
 3. Độ ồn được đo ở trong phòng cách âm.
 4. Độ ồn thông thường lớn hơn giá trị này tùy theo điều kiện vận hành, phản xạ âm và tiếng động bên ngoài.
 5. Độ ồn tại của cấp kỹ thuật cao hơn khoảng 8dB(A) so với độ ồn của thiết bị.
 6. Chỉ tiết kỹ thuật, thiết kế và các thông tin trên đây là yếu tố có thể thay đổi mà không thông báo.
 7. Hiệu suất trao đổi nhiệt là giá trị trung bình giữa làm lạnh và sưởi ấm.
 8. Hiệu suất được đo ở những điều kiện sau:
 Ti lệ của áp suất tĩnh ngoài được duy trì như sau: phía bên ngoài đến phía bên trong = 7 đến 1.
 9. Để phù hợp với tiêu chuẩn JIS (JIS B 8628), độ ồn hoạt động dựa trên giá trị khi chạy máy, giá trị mà được đo tại phòng cách âm, đây là tiếng ồn từ thiết bị chính và không bao gồm tiếng ồn từ miệng gió cấp. Vì thế tiếng ồn thông thường lớn hơn giá trị trong bảng khi thiết bị được lắp đặt thực tế.
 10. Tiếng ồn của miệng gió cấp làm ồn của máy cao hơn 8 dB(A) (loại với lưu lượng gió từ 150-500m/h) đến 11 dB(A). (loại với lưu lượng gió là 650m/h hoặc cao hơn), so với giá trị trong bảng. Hơn nữa, quạt và tiếng ồn từ miệng gió cấp có thể tăng phụ thuộc vào điều kiện trở lực ống gió ở công trường. Hãy cân nhắc tính toán độ ồn khi lắp đặt thiết bị.

10. Đối với loại lớn: (1500 và 2000 m/h), nếu miệng cấp (SA) được lắp gắn thiết bị chính, tiếng ồn của thiết bị chính có thể được nghe từ miệng cấp theo đường ống gió, và nó sẽ làm tăng tiếng ồn. Trong trường hợp này, nếu khu vực xung quanh bị ảnh hưởng (như sự vang vọng của sàn hoặc tường, kết hợp với những thiết bị khác và tiếng ồn xung quanh), độ ồn của thiết bị có thể cao hơn khoảng 15dB(A) so với giá trị trong bảng. Khi lắp đặt các thiết bị lớn, hãy cung cấp các vách ngăn giữa miệng cấp và thiết bị chính càng nhiều càng tốt. Nếu máy và miệng cấp gần nhau, hãy cân nhắc tính toán đến những việc sau:
 • Sử dụng hộp giảm thanh, ống gió mềm và miệng gió cấp/hồi giảm thanh.
 • Chuyển vị trí của miệng cấp.
 11. Khi lắp đặt ở những nơi cần tiếng ồn thấp như phòng học, hãy cân nhắc những yếu tố sau để tránh sự truyền âm từ thiết bị chính:
 • Sử dụng vật liệu làm trần với chức năng cách âm cao (tốt nhất truyền âm cao).
 • Phương pháp ngăn chặn sự truyền âm, ví dụ lắp thêm vật liệu cách âm xung quanh dây của nguồn gây ra tiếng ồn.
 Hãy cân nhắc bổ sung các phương pháp khác như lắp đặt thiết bị ở những nơi khác (hành lang,...)

HRV Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt - VAM series

Thiết bị tùy chọn



Danh mục các thiết bị tùy chọn

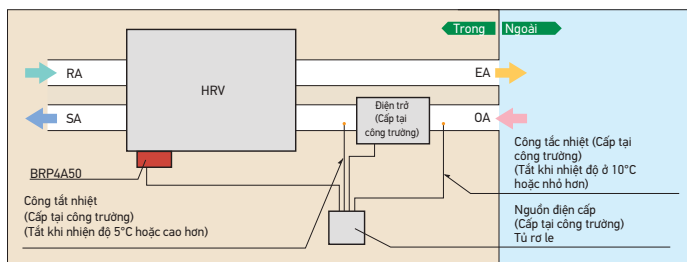
Tên gọi	Loại	VAM150 · 250 · 350 · 500 · 650 · 800 · 1000 · 1500 · 2000GJVE													
Thiết bị điều khiển	Bộ điều khiển từ xa cho HRV	BRC301B61													
	Thiết bị điều khiển trung tâm	Điều khiển trung tâm từ xa cho nhà riêng	DCS303A51 *1												
		Điều khiển trung tâm từ xa	DCS302CA61												
		Bộ điều khiển Tắt/Mở đồng nhất	DCS301BA61												
	Bộ lập trình thời gian	DST301BA61													
Bộ chuyển mạch PCB	Bộ chuyển mạch cho thiết bị điện	KRP2A61													
	Cho bộ tạo ẩm	KRP50-2													
	Hộp lắp đặt cho bộ chuyển mạch PCB	KRP50-2A90 (Thiết bị điện lắp đặt cho HRV)													
	Cho bộ điều khiển sưởi	BRP4A50													
	Cho dây điều khiển (Dàn lạnh của VRV)	Kiểu	FXFSQ-A FXFQ-A	FXZQ-M	FXCQ-M	FXEQ-A	FXDQ-PD FXDQ-ND	FXSQ-PA	FXMQ-PA	FXMQ-MA	FXUQ-A	FXHQ-MA	FXAQ-P	FXLQ-MA FXNQ-MA	FXVQ-N
		KRP1C11A *	KRP1BA57 *	KRP1B61 *	—	KRP1B56 *	KRP1C64 *	KRP1C64 *	KRP1B61	KRP1C67	KRP1BA54	—	KRP1B61	KRP1C67	KRP1B61
Hộp đấu cho bộ chuyển mạch PCB	☆	Lưu ý 2, 3 KRP1H98A	Lưu ý 4, 5 KRP1BA101	Lưu ý 2, 3 KRP1B96	—	Lưu ý 4, 5 KRP1BA101	Lưu ý 2, 3 KRP4A98	Lưu ý 2, 3 KRP4A97	—	—	Lưu ý 3 KRP1CA93	Lưu ý 2, 3 KRP4A93	—	—	—

- Lưu ý:
- Hộp lắp đặt *là cần thiết cho mỗi bộ chuyển mạch*.
 - Mỗi hộp lắp đặt có thể gắn đến 2 bộ chuyển mạch
 - Lắp đặt dàn lạnh chỉ với 1 hộp lắp đặt.
 - Một dàn lạnh có thể lắp đến 2 hộp lắp đặt
 - Hộp lắp đặt *là cần thiết cho bộ chuyển mạch thứ 2.
 - Hộp lắp đặt là cần thiết cho mỗi bộ chuyển mạch.
 - *1 chỉ sử dụng cho nhà riêng. Khi nối với HRV (VAM), chỉ cần bộ nguồn.
 - Không thể sử dụng với các thiết bị điều khiển trung tâm khác.

Phụ kiện	Loại	VAM150GJVE	VAM250GJVE	VAM350GJVE	VAM500GJVE	VAM650GJVE	VAM800GJVE	VAM1000GJVE	VAM1500GJVE	VAM2000GJVE			
Chức năng bổ sung	Tiêu âm	—				KDDM24B50	KDDM24B100				KDDM24B100X2		
	Đường kính ống	mm				φ 200		φ 250					
	Bộ lọc hiệu suất cao	KAF242H25M		KAF242H50M		KAF242H65M	KAF242H80M	KAF242H100M	KAF242H80MX2	KAF242H100MX2			
Bộ lọc thay thế	KAF241H25M		KAF241H50M		KAF241H65M	KAF241H80M	KAF241H100M	KAF241H80MX2	KAF241H100MX2				
Ống gió mềm (1 m)	K-FDS101D	K-FDS151D		K-FDS201D		K-FDS251D							
Ống gió mềm (2 m)	K-FDS102D	K-FDS152D		K-FDS202D		K-FDS252D							
Bộ nối ống gió	Đường kính ống	mm				—				YDFA25A1 φ 250			
Cảm biến CO2	BRYMA65										BRYMA100	BRYMA65	BRYMA100
Bộ lọc PM2.5	BAF249A150	BAF249A300	BAF249A350	BAF249A500	—								
Bộ lọc PM2.5 với carbon	BAF249A150C	BAF249A300C	BAF249A350C	BAF249A500C	—								

Chuyển mạch PCB cho bộ điều khiển điện trở sưởi (BRP4A50)

Khi yêu cầu lắp đặt điện trở sưởi ở khu vực khí hậu lạnh, bộ chuyển mạch với chức năng thời gian bên trong loại trừ việc kết nối thời gian phức tạp cần thiết cho các điện trở thông thường.



Ghi chú khi lắp đặt

- Kiểm tra đầy đủ nơi lắp đặt và đặc điểm kỹ thuật để sử dụng điện trở sưởi điện dựa trên tiêu chuẩn và quy định của từng quốc gia.
- Cung cấp điện trở sưởi và các thiết bị phụ trợ như rơle và công tắc nhiệt ... thỏa mãn quy định của mỗi nước.
- Sử dụng chất không cháy để lắp điện trở và sử dụng ống gió. Cho phép khoảng cách an toàn giữa điện trở sưởi và HRV là 2 m hoặc hơn.
- Sử dụng nguồn điện cung cấp khác cho điện trở sưởi và lắp đặt một bộ ngắt mạch cho mỗi chiếc.

Thông số kỹ thuật

VRV IV S SERIES

Một chiều lạnh

MODEL		RXMQ4AVE	RXMQ5AVE	RXMQ6AVE	RXMQ8AY1	RXMQ9AY1
Nguồn điện		1-pha, 220-230 V/220 V, 50/60 Hz			3-pha, 380-415 V, 50 Hz	
Công suất làm lạnh	kcal/h	9,600	12,000	13,800	19,300	20,600
	Btu/h	38,200	47,800	54,600	76,400	81,900
	kW	11.2	14.0	16.0	22.4	24.0
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh kW	2.88	3.93	4.14	5.94	6.88
Điều khiển công suất	%	24 đến 100	16 đến 100		20 đến 100	
Màu sắc vỏ dàn nóng		Trắng ngà (5Y7.5/1)				
Máy nén	Kiểu máy nén	Máy nén Swing kín			Máy nén xoắn ốc kín	
	Công suất kW	1.92	3.0	3.5	3.8	4.8
Lưu lượng gió	m ³ /min	76		106	140	
Kích thước (CaoxDàixRộng)	mm	990×940×320		1,345×900×320	1,430×940×320	
Khối lượng	kg	71	80	102	131	
Độ ồn (làm lạnh)	dB(A)	52	53	55	57	58
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh °CDB	-5 đến 46				
Môi chất	Loại	R-410A				
	Khối lượng nạp kg	2.9	3.4	3.6	5.8	
Kết nối ống	Lỏng mm	φ 9.5 (Loe)			φ 9.5 (Loe)	
	Hơi mm	φ 15.9 (Loe)		φ 19.1 (Loe)	φ 19.1 (Loe)	φ 22.2 (Loe)

Thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ trong phòng: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0m
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện không dội âm, được đo tại điểm cách 1 m phía trước và 1,5 m phía trên dàn lạnh. Trong quá trình máy hoạt động thực tế, những giá trị trên có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.
- Yêu cầu nạp bổ sung môi chất lạnh

Dàn nóng VRV

Kết nối dàn nóng

MODEL		RXMQ4AVE	RXMQ5AVE	RXMQ6AVE	RXMQ8AY1	RXMQ9AY1	
kW		11.2	14.0	16.0	22.4	24.0	
Công suất		4	5	6	8	9	
Chỉ số công suất		100	125	150	200	215	
Tổng công suất dàn lạnh có thể kết nối	Tỷ lệ kết nối (%)	50%	50	62.5	75	100	107.5
		100%	100	125	150	200	215
		130%	130	162.5	195	260	280
Số dàn lạnh tối đa có thể kết nối		6	8	9	13	14	

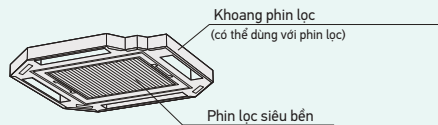
Danh mục phụ kiện

Phụ kiện tùy chọn cho Cassette âm trần (loại Thổi tròn và Thổi tròn có cảm biến)

Phụ kiện cần thiết đối với máy vận hành trong môi trường đặc biệt

Bộ lọc tuổi thọ siêu bền

Ngay cả trong môi trường nhiều bụi mà máy điều hòa phải hoạt động liên tục, phin lọc siêu bền chỉ cần vệ sinh một năm một lần.



Môi trường nhiều bụi: Thay phin lọc hàng năm

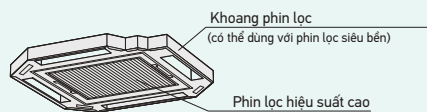
*Đối với mật độ bụi 0,3mg/m³ (Cân bộ lọc không khí riêng biệt)
1 năm (khoảng 5.000 giờ) ≈ 15 giờ/ngày x 28 ngày/tháng x 12 tháng/năm

Cửa hàng hoặc văn phòng thông thường: Thay phin lọc 4 năm một lần

*Đối với mật độ bụi 0,15 mg/m³
4 năm (khoảng 10.000 giờ) ≈ 8 giờ/ngày x 25 ngày/tháng x 12 tháng/năm x 4 năm

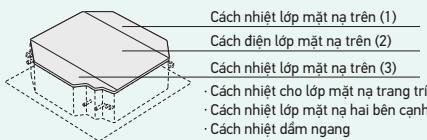
Phin lọc hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%.



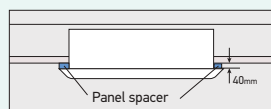
Bộ cách nhiệt độ ẩm cao

Hãy sử dụng bộ cách nhiệt khi bạn cho rằng nhiệt độ và độ ẩm bên trong trần tương ứng vượt quá 30°C và 80%.



Miếng đệm mặt nạ

Chỉ sử dụng khi có không gian tối thiểu giữa trần treo và tấm trần.



Lưu ý: Một số cấu trúc trần nhà có thể gây khó khăn cho việc lắp đặt. Hãy liên hệ với Đại lý bán hàng của Daikin trước khi lắp đặt.

Miếng dán miệng gió

Tấm chắn miệng gió ngăn gió thoát ra ở miệng gió không sử dụng đối với kiểu thổi gió 2 hướng hoặc 3 hướng.

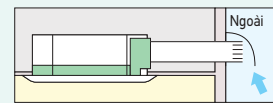
Khoang nối ống gió nhánh

Ống tròn có thể được lắp vào máy không cần khoang. Một cổng mặt bít để kết nối trực tiếp với ống gió tròn được cung cấp. Cũng có thể trang bị đặt buồng ống nhánh sẵn có (lỗ khe vuông).

Bộ lấy gió tươi

Ghi chú: 1.2

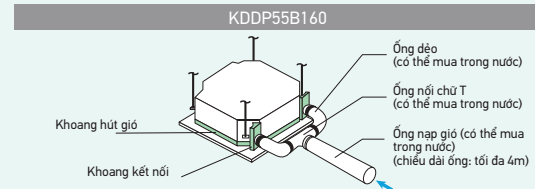
Sử dụng bộ nạp gió tươi này, có thể lắp thêm ống dẫn để tăng khả năng hút không khí từ bên ngoài. Có hai loại khoang có thể nạp gió ở hai bộ phận: ống nối chữ T và không có ống nối chữ T.



Máy có thể được lắp đặt theo các cách sau

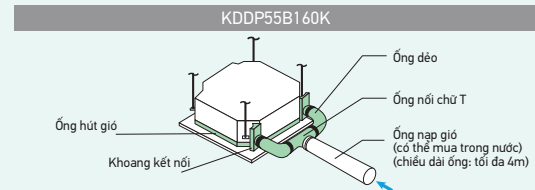
Loại khoang (không có ống nối chữ T)

Ghi chú: 3.4.5



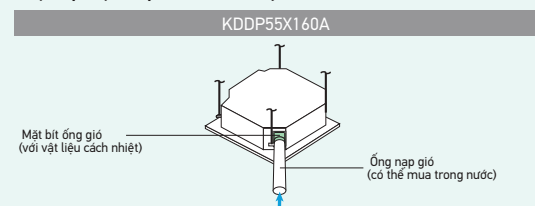
Loại khoang (có ống nối chữ T)

Ghi chú 3.4.5



Loại lắp trực tiếp

Chú ý 6



- Chú ý:
- Sử dụng các phụ kiện máy có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành.
 - Các ống gió nối, quạt, lưới côn trùng, bộ chắn khói, bộ lọc gió và các phụ tùng khác nên mưa trong nước nếu cần thiết.
 - Khi sử dụng quạt gió trong nước, cần có một khóa liên động với máy điều hòa. Phụ kiện tùy chọn PCB (KRP1C11A) cần cho việc khóa liên động.
 - Khi lắp đặt bộ cấp gió tươi (loại khoang), hai hướng ra của ống dẫn khí sẽ bị đóng lại.
 - Nên giới hạn lưu lượng khí trời nạp qua bộ nạp khoảng 10% lưu lượng khí tối đa của dàn lạnh. Việc nạp lượng gió nhiều hơn có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành và ảnh hưởng đến việc điều hòa nhiệt độ.
 - Thể tích gió tươi cho loại lắp đặt trực tiếp khoảng 1% thể tích không khí trong nhà. Loại khoang này được khuyến khích khi cần cung cấp thêm lượng gió tươi.

Dàn lạnh VRV

Cassette âm trần (Đa hướng thổi có cảm biến)

STT	Phụ kiện		Loại	FXFSQ25A	FXFSQ50A	FXFSQ100A
				FXFSQ32A	FXFSQ63A	FXFSQ125A
				FXFSQ40A	FXFSQ80A	FXFSQ140A
1	Mặt nạ trang trí	Mặt nạ chuẩn có cảm biến	Trắng	BYCQ125EEF		
			Đen	BYCQ125EEK		
		Mặt nạ chuẩn	Trắng	BYCQ125EAF *		
			Đen	BYCQ125EAK *		
			Mặt nạ thời trang ¹	Trắng	BYCQ125EAPF *	
Mặt nạ lưới tự động ^{2,3}	Trắng	BYCQ125EASF *				
2	Miếng dán miếng gió ⁴	Dùng cho 3,4 hướng thổi		KDBH551C160		
		Dùng cho 2 hướng thổi		KDBH552C160		
3	Miếng đệm mặt nạ			KDBP55H160FA		
4	Bộ lấy gió tươi	Loại khoang ^{5,6}	Không có ống nối chữ T	KDDP55B160 (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160-2) ⁸		
			Có ống nối chữ T	KDDP55B160K (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160K2) ⁸		
		Loại lắp đặt trực tiếp ⁷	KDDP55X160A			
5	Bộ lọc hiệu suất cao ⁹ (gồm khoang lọc)	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP556C80	KAFP556C160		
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP557C80	KAFP557C160		
6	Bộ lọc thay thế hiệu suất cao ^{9,10}	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP552B80	KAFP552B160		
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP553B80	KAFP553B160		
7	Khoang lọc			KDDFP55C160		
8	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao			KAFP551K160		
9	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao (mặt nạ lưới tự động)			KAFP551H160		
10	Phin lọc tuổi thọ rất cao (Bao gồm khoang lọc) ⁹			KAFP55C160		
11	Bộ lọc thay thế tuổi thọ rất cao ^{9,10}			KAFP55H160H		
12	Khoang nối ống gió nhánh ⁴	KDJP55C80		KDJP55C160		
13	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao ¹¹	KDTP55K80		KDTP55K160		

Cassette âm trần (Đa hướng thổi)

STT	Phụ kiện		Loại	FXFQ25A	FXFQ50A	FXFQ100A
				FXFQ32A	FXFQ63A	FXFQ125A
				FXFQ40A	FXFQ80A	FXFQ140A
1	Mặt nạ trang trí	Mặt nạ chuẩn	Trắng	BYCQ125EAF *		
			Đen	BYCQ125EAK *		
		Mặt nạ thời trang ¹	Trắng	BYCQ125EAPF *		
			Mặt nạ lưới tự động ^{2,3}	Trắng	BYCQ125EASF *	
2	Miếng dán miếng gió ⁴	Dùng cho 3,4 hướng thổi		KDBH551C160		
		Dùng cho 2 hướng thổi		KDBH552C160		
3	Miếng đệm mặt nạ			KDBP55H160FA		
4	Bộ lấy gió tươi	Loại khoang ^{5,6}	Không nối ống chữ T	KDDP55B160 (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160-2) ⁸		
			Nối ống chữ T	KDDP55B160K (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160K2) ⁸		
		Loại lắp đặt trực tiếp ⁷	KDDP55X160A			
5	Bộ lọc hiệu suất cao ⁹ (gồm khoang lọc)	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP556C80	KAFP556C160		
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP557C80	KAFP557C160		
6	Bộ lọc thay thế hiệu suất cao ^{9,10}	(Thiết bị lọc hiệu quả cao 65%)	KAFP552B80	KAFP552B160		
		(Thiết bị lọc hiệu quả cao 90%)	KAFP553B80	KAFP553B160		
7	Khoang lọc			KDDFP55C160		
8	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao			KAFP551K160		
9	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao (mặt nạ lưới tự động)			KAFP551H160		
10	Phin lọc tuổi thọ rất cao (Bao gồm khoang lọc) ⁹			KAFP55C160		
11	Bộ lọc thay thế tuổi thọ rất cao ^{9,10}			KAFP55H160H		
12	Khoang nối ống gió nhánh ⁴	KDJP55C80		KDJP55C160		
13	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao ¹¹	KDTP55K80		KDTP55K160		

Chú thích:

- Khi lắp mặt nạ thời trang, chiều cao thân (chiều cao trần) cao hơn mặt nạ chuẩn 42 mm. Mặt nạ thiết kế không hoạt động với 2 và 3 hướng thổi.
- Dùng điều khiển từ xa không dây chuyên dụng (BRC16A2) để hạ thấp và nâng lưới hút cho mặt nạ lưới tự động.
- Khi lắp mặt nạ lưới tự động, chiều cao thân (kích thước yêu cầu trần) cao hơn mặt nạ chuẩn 55 mm.
- Tính năng Luồng gió tuần hoàn không áp dụng với tùy chọn này.
- Khi lắp đặt bộ lấy gió tươi (khoang lọc), hai góc ra của ống dẫn khí sẽ bị đóng lại.
- Khuyến cáo rằng khối lượng không khí ngoài trời được thông qua bộ được giới hạn ở mức 10% tổng độ không khí đi ra của dàn lạnh.
Việc đưa ra số lượng lớn hơn sẽ làm tăng âm thanh hoạt động và có thể cảm nhận nhiệt độ.

- Khối lượng không khí trong lành cho loại lắp đặt trực tiếp khoảng 1% dòng không khí trong nhà. Loại buồng được khuyến cáo khi cần thêm không khí trong lành.
- Số đặt hàng bằng cách sử dụng tên của cả hai thành phần thay vì đặt tên.
- Tùy chọn này không thể được cài đặt để bằng thiết kế và bằng lưới ô tô tự động.
- Buồng lọc là yêu cầu.
- Hãy sử dụng trong trường hợp nhiệt độ / độ ẩm bên trong trần có thể vượt quá 30°C, 80% RH.
* Các mặt nạ này không có cảm biến.

Danh mục phụ kiện

Loại Cassette (Đa hướng thổi nhỏ gọn)

STT	Phụ kiện	Loại	FXZQ20M	FXZQ25M	FXZQ32M	FXZQ40M	FXZQ50M
1	Mặt nạ				BYFQ60B3W1		
2	Miếng dán miếng gió				KDBH44BA60		
3	Miếng đệm mặt nạ				KDBQ44BA60A		
4	Phin lọc thay thế tuổi thọ cao				KAFQ441BA60		
5	Bộ lấy gió tươi	Loại lắp đặt trực tiếp			KDDQ44XA60		

Loại Cassette 2 hướng thổi

STT	Phụ kiện	Loại	FXCQ20A FXCQ25A FXCQ32A	FXCQ40A	FXCQ50A	FXCQ63A	FXCQ80A	FXCQ125A
1	Mặt nạ		BYBC32G-W1	BYBC50G-W1	BYBC63G-W1		BYBC125G-W1	
2	Phin lọc	Phin lọc hiệu suất cao 65% *1	KAFJ532G36	KAFJ532G56	KAFJ532G80		KAFJ532G160	
		Phin lọc hiệu suất cao 90% *1	KAFJ533G36	KAFJ533G56	KAFJ533G80		KAFJ533G160	
		Khoang lọc	KDDFJ53G36	KDDFJ53G56	KDDFJ53G80		KDDFJ53G160	
		Hồi phía dưới	KAFJ531G36	KAFJ531G56	KAFJ531G80		KAFJ531G160	
	Phin lọc thay thế tuổi thọ cao		KAFJ531G36	KAFJ531G56	KAFJ531G80		KAFJ531G160	

Ghi chú: *1 Phải có thêm khung nếu lắp đặt phin lọc hiệu suất cao.

Loại Cassette 1 hướng thổi

STT	Phụ kiện	Loại	FXEQ20A FXEQ25A	FXEQ32A FXEQ40A	FXEQ50A FXEQ63A
1	Mặt nạ		BYEP40AW1		BYEP63AW1

Loại giầu trần nổi ống gió dạng mỏng (Tiêu chuẩn)

STT	Phụ kiện	Loại	FXDQ20PD	FXDQ25PD	FXDQ32PD	FXDQ40ND	FXDQ50ND	FXDQ63ND
1	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao			KDT25N32		KDT25N50		KDT25N63

Loại giầu trần nổi ống gió áp suất tĩnh trung bình

STT	Phụ kiện	Loại	FXSQ20PA FXSQ25PA FXSQ32PA	FXSQ40PA	FXSQ50PA FXSQ63PA FXSQ80PA	FXSQ100PA FXSQ125PA	FXSQ140PA
1	Phin lọc hiệu suất cao *1	65%	KAFP632B36	KAFP632B56	KAFP632B80	KAFP632B160	KAFP632B160B
		90%	KAFP633B36	KAFP633B56	KAFP633B80	KAFP633B160	KAFP633B160B
2	Khoan phin lọc (hồi phía sau) *1		KDDFP63B36	KDDFP63B56	KDDFP63B80	KDDFP63B160	KDDFP63B160B
3	Phin lọc tuổi thọ cao *1		KAFP631B36	KAFP631B56	KAFP631B80	KAFP631B160	KAFP631B160B
4	Mặt nạ bảo dưỡng	Trắng	KTBJ25K36W	KTBJ25K56W	KTBJ25K80W		KTBJ25K160W
		Trắng sáng	KTBJ25K36F	KTBJ25K56F	KTBJ25K80F		KTBJ25K160F
		Nâu	KTBJ25K36T	KTBJ25K56T	KTBJ25K80T		KTBJ25K160T
5	Kết nối gió thổi		KDAP25A36A	KDAP25A56A	KDAP25A71A	KDAP25A140A	KDAP25A160A ²
6	Miếng che cho mặt bên cạnh dàn lạnh				KDAP25A140A		—

Ghi chú: *1. Phải có thêm khung nếu lắp đặt phin lọc hiệu suất cao và phin lọc tuổi thọ cao.

*2. Phụ kiện này là một bộ KDAP25A140A và KDBHP37A160.

Loại giầu trần nổi ống gió

STT	Phụ kiện	Loại	FXMQ20PA FXMQ25PA FXMQ32PA	FXMQ40PA	FXMQ50PA FXMQ63PA FXMQ80PA	FXMQ100PA FXMQ125PA FXMQ140PA	FXMQ200MA FXMQ250MA
1	Bộ bơm nước xả						KDU30L250VE
2	Bộ lọc hiệu quả cao	65%	KAF372AA36	KAF372AA56	KAF372AA80	KAF372AA160	KAFJ372L280
		90%	KAF373AA36	KAF373AA56	KAF373AA80	KAF373AA160	KAFJ373L280
3	Khoang lọc		KDDF37AA36	KDDF37AA56	KDDF37AA80	KDDF37AA160	KDJ3705L280
4	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAF371AA36	KAF371AA56	KAF371AA80	KAF371AA160	KAFJ371L280
5	Bộ khoang lọc tuổi thọ cao		KAF375AA36	KAF375AA56	KAF375AA80	KAF375AA160	
6	Mặt nạ	Trắng	KTBJ25K36W	KTBJ25K56W	KTBJ25K80W	KTBJ25K160W	
		Trắng sáng	KTBJ25K36F	KTBJ25K56F	KTBJ25K80F	KTBJ25K160F	
		Nâu	KTBJ25K36T	KTBJ25K56T	KTBJ25K80T	KTBJ25K160T	
7	Bộ xả khí		KDAJ25K36A	KDAJ25K56A	KDAJ25K71A	KDAJ25K140A	

Dàn lạnh VRV

Loại áp trần 4 hướng thổi

STT	Tên	Loại	FXUQ71A	FXUQ100A
1	Miếng dán lỗ xả khí			KDBHP49B140
2	Mặt nạ trang trí cho xả khí			KDBTP49B140
3	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao			KAFP551K160

Loại áp trần

STT	Tên	Loại	FXHQ32MA	FXHQ63MA	FXHQ100MA
1	Bộ bơm nước xả		KDU50N60VE		KDU50N125VE
2	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao (lưới nhựa)		KAF501DA56	KAF501DA80	KAF501DA112
3	Bộ ống dẫn chữ L (hướng lên)		KHFP5MA63		KHFP5MA160

Loại treo tường

STT	Tên	Loại	FXAQ20P	FXAQ25P	FXAQ32P	FXAQ40P	FXAQ50P	FXAQ63P
1	Bộ bơm nước xả							K-KDU572EVE

Loại đặt sàn

STT	Tên	Loại	FXLQ20MA	FXLQ25MA	FXLQ32MA	FXLQ40MA	FXLQ50MA	FXLQ63MA
1	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAFJ361K28		KAFJ361K45			KAFJ361K71

Loại giấu sàn

STT	Tên	Loại	FXNQ20MA	FXNQ25MA	FXNQ32MA	FXNQ40MA	FXNQ50MA	FXNQ63MA
1	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAFJ361K28		KAFJ361K45			KAFJ361K71

Loại tủ đứng đặt sàn

STT	Tên	Loại	FXVQ125N	FXVQ200N	FXVQ250N	FXVQ400N	FXVQ500N	
1	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao		KAFJ261L140	KAFJ261L224	KAFJ261L280	KAFJ261M450	KAFJ261M560	
2	Bộ lọc tuổi thọ rất cao					KAFSJ9A400	KAFSJ9A560	
3	Buồng lọc hút mặt trước dành cho phin lọc hiệu suất cao	Mặt bích để hút trước	KD-9A140	KD-9A200	KD-9A280	KD-9A400	KD-9A560	
4		Lưới hút	KDGF-9A140	KDGF-9A200	KDGF-9A280	KDGF-9A400	KDGF-9A560	
5		Khoang lọc của bộ lọc hiệu quả cao *1, 2	Bộ lọc thay thế tuổi thọ cao *1, 2, 3	KAF-91A140	KAF-91A200	KAF-91A280	KAF-91A400	KAF-91A560
6			Bộ lọc thay thế hiệu quả cao 65% *1, 3	KAF-92A140	KAF-92A200	KAF-92A280	KAF-92A400	KAF-92A560
7			Bộ lọc thay thế hiệu quả cao 90% *2, 3	KAF-93A140	KAF-93A200	KAF-93A280	KAF-93A400	KAF-93A560
8			Khoang lọc *1, 2	KDDF-9A140	KDDF-9A200	KDDF-9A280	KDDF-9A400	KDDF-9A560
9		Khoang thông gió *4	KPCJ140A	KPC5J	KPC8J	KPCJ400A	KPC15JA	
10		Ròng rọc cho khoang thông gió *4	KPP8JA	KPP9JA	KPP10JA			
11		Bộ lấy gió tươi		KD106D10			KDFJ906A560	
12		Bộ hút sau	KDFJ905A140	KDFJ905A200	KDFJ905A280	KDFJ905A400	KDFJ905A560	
13	Lưới xả cho bên thông gió		KD101A10			KD101A20		
14	Đế gỗ	KKWJ9A140	KWF1G5P	KWF1G8P	KKWJ9A400	KWF1G15		
15	Khung chống rung	K-ABSG1406A	K-ABSG1407A	K-ABSG1408A	K-ABSG1409A	K-ABSG1410A		

Chú ý: *1. Khi đặt hàng khung phin lọc cho phin lọc hiệu suất cao (65%), vui lòng đặt hàng tất cả các phụ tùng tương ứng.
 *2. Khi đặt hàng khung phin lọc cho phin lọc hiệu suất cao (90%), vui lòng đặt hàng tất cả các phụ tùng tương ứng.
 *3. Khi thay thế một phin lọc mới, vui lòng đặt hàng các phin lọc thay thế với tên model tương ứng phin lọc cũ.
 *4. Sử dụng thùng thông gió và pu-li kết nối với nhau.

Điều hòa không khí cho phòng sạch

STT	Tên	Loại	FXBQ40PVE	FXBQ50PVE	FXBQ63PVE	FXBPQ63PVE
1	Dàn lạnh					BAF82A63
2	Phin lọc	Phin lọc HEPA		BAFH82A50		BAFH82A63
3	Mặt nạ	Loại hút gió ở trần		BYB82A50C	BYB82A63C	BYB82A63CP
4		Loại hút gió ở sàn		BYB82A50W	BYB82A63W	BYB82A63WP
5	Mặt bit ống hút gió ngoài trời					KDFJ82A80

Danh mục phụ kiện

Dàn lạnh dân dụng kết nối với bộ BP

Loại giấu trần nối ống gió dạng mông

STT	Tên	Loại	FDKS25EAVMB	FDKS35EAVMB	FDKS25CAVMB	FDKS35CAVMB	FDKS50CVMB	FDKS60CVMB
1	Bộ cách nhiệt độ ẩm cao		KDT25N32		KDT25N50			KDT25N63

Loại treo tường

STT	Tên	Loại	FTKJ25NVMW FTKJ25NVMS	FTKJ35NVMW FTKJ35NVMS	FTKJ50NVMW FTKJ50NVMS	FTKS25DVM FTKS35DVM	FTKS50BVMA	FTKS50FVM FTKS60FVM FTKS71FVM
1	Phin lọc khử mùi xúc tác quang Apatit Titan		KAF970A46				KAF952A42	KAF952B42

Lưu ý: Phin lọc là một phụ tùng tiêu chuẩn. Nên được thay thế sau khoảng 3 năm

Bộ BP Kết nối với các dàn lạnh dân dụng

STT	Tên	Loại	BPMKS967A2	BPMKS967A3
1	Khớp nối Refnet		KHRP26A22T	

Lưu ý: Một thiết bị BP đơn không cần phải có khớp nối REFNET. 2 BP thiết bị cần 1 REFNET, và 3 BP cần 2 khớp nối REFNET.

Dàn nóng

STT	Danh mục	Loại	RXMQ4AVE	RXMQ5AVE	RXMQ6AVE	RXMQ8AY1	RXMQ9AY1
1	Hộp thiết bị		KJB111A			—	
2	Bộ chia nhiều nhánh (REFNET header)		KHRP26M22H (Tối đa 4 nhánh)				
			KHRP26M33H (Tối đa 8 nhánh)				
3	Bộ chia 2 nhánh (REFNET joint)		KHRP26A22T			KHRP26A22T, KHRP26A33T	
4	Đầu ống nước xả ở tâm dàn nóng		KKPJ5G280		KKPJ5F180	KKPJ5G280	
5	Bộ cố định ngăn đỡ dàn nóng		KKTP5B112		KPT-60B160	KKTP5B112	
6	Bộ cố định ngăn đỡ dàn nóng		—			K-KYZP15C	

Danh mục phụ kiện

Phụ kiện tùy chọn cho Hệ thống điều khiển

Đối với sử dụng dàn lạnh VRV

STT.	Phụ kiện		Loại	FXFSQ-A FXFQ-A	FXZQ-M	FXCQ-A	FXEQ-A	FXDQ-PD FXDQ-ND	FXDQ-SP	FXSQ-PA	FXMQ-PA	
1	Điều khiển từ xa	Không dây		BRC7M635F (Trắng) BRC7M635K (Đen)	BRC7E531W	BRC7C67	BRC4M63	BRC4C66				
		Có dây		—	BRC1C62		—	BRC1C62				
2	Điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây)			BRC1E63 <small>Lưu ý 7</small>	BRC1E63		BRC1F61	BRC1E63 <small>Lưu ý 8</small>	BRC1E63	BRC1E63 <small>Lưu ý 8</small>		
3	Điều khiển từ xa đơn giản (loại gắn nổi)			—							BRC2C51	
4	Điều khiển từ xa đơn giản dùng cho khách sạn (loại gắn chìm)			—							BRC3A61	
5	Bộ tiếp hợp cho dây			★KRP1C11A	★KRP1BA57	★KRP1B61	—	★KRP1B56	—	★KRP1C64		
6-1	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (1)			—	★KRP2A62	★KRP2A61	—	★KRP2A53	—	★KRP2A61		
6-2	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (2)			★KRP4AA53		★KRP4AA51	—	★KRP4A54	—	★KRP4AA51		
7	Cảm biến từ xa (nhiệt độ trong phòng)			KRCS01-5B	KRCS01-1B		KRCS01-4B	KRCS01-1B		KRCS01-4B		
8	Hộp lắp đặt cho phụ kiện tiếp hợp bo mạch		☆	<small>Lưu ý 2, 3</small> KRP1H98A	<small>Lưu ý 4, 6</small> KRP1BA101	<small>Lưu ý 2, 3</small> KRP1B96	—	<small>Lưu ý 4, 6</small> KRP1BA101	—	<small>Lưu ý 2, 3</small> KRP4A98	<small>Lưu ý 2, 3</small> KRP4A97	
9	Bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài dàn nóng			★DTA104A62		★DTA104A61	—	★DTA104A53	—	★DTA104A61		
10	Bộ tiếp hợp cho nhiều người sử dụng			★DTA114A61							★DTA114A61	

STT.	Phụ kiện		Loại	FXMQ-MA	FXUQ-A	FXHQ-MA	FXAQ-P	FXLQ-MA FXNQ-MA	FXVQ-N	FXBQ-P FXBPQ-P	
1	Điều khiển từ xa	Không dây		BRC4C64	BRC7CB59	BRC7EA66	BRC7EA619	BRC4C64	—	BRC4C64	
		Có dây		BRC1C62					BRC1C62	BRC1C62 <small>Lưu ý 9</small>	BRC1C62
2	Điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây)			BRC1E63	BRC1E63 <small>Lưu ý 7, 8</small>	BRC1E63		BRC1E63	BRC1E63 <small>Lưu ý 10</small>	BRC1E63	
3	Điều khiển từ xa đơn giản (loại gắn nổi)			BRC2C51							BRC2C51
4	Điều khiển từ xa đơn giản dùng cho khách sạn (loại gắn chìm)			BRC3A61							BRC3A61
5	Bộ tiếp hợp cho dây			KRP1B61	—	KRP1BA54	—	KRP1B61	KRP1C67	KRP1B61	
6-1	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (1)			KRP2A61	—	★KRP2A62	★KRP2A61	KRP2A61	KRP2A62	KRP2A61	
6-2	Bộ tiếp hợp dây cho phụ kiện điện (2)			KRP4AA51	★KRP4AA53	★KRP4AA52	★KRP4AA51	KRP4AA51	—	KRP4AA51	
7	Cảm biến từ xa (nhiệt độ trong phòng)			KRCS01-1B	KRCS01-4B	KRCS01-1B					
8	Hộp lắp đặt cho phụ kiện tiếp hợp bo mạch		☆	—	KRP1BA97	<small>Lưu ý 3</small> KRP1CA93	<small>Lưu ý 2, 3</small> KRP4AA93	—			
9	Bộ tiếp hợp cho nhiều người sử dụng			DTA104A61	—	★DTA104A62	★DTA104A61	DTA104A61	<small>Lưu ý 11</small> DTA104A62	DTA104A61	
10	Bộ tiếp hợp điều khiển bên ngoài cho làm lạnh/sưởi			—							—
11	External control adaptor for cooling/heating			—							KRP6A1 <small>Lưu ý 11</small>
12	Remote controller with key			—							KRCB37-1

- Ghi chú: 1. Hộp lắp đặt ☆ phải được sử dụng cho mỗi bộ tiếp hợp đánh dấu ★
 2. Mỗi hộp lắp đặt có thể gắn 2 bộ tiếp hợp.
 3. Mỗi dàn lạnh chỉ được lắp duy nhất 1 hộp lắp đặt.
 4. Mỗi dàn lạnh có thể gắn 2 hộp lắp đặt.
 5. Hộp lắp đặt ☆ phải được sử dụng cho bộ tiếp hợp thứ 2
 6. Hộp lắp đặt ☆ phải được sử dụng cho mỗi bộ tiếp hợp
 7. Hướng gió riêng biệt, lưu lượng gió tự động và chế độ cảm biến của bộ cảm biến chỉ có thể cài đặt duy nhất bằng điều khiển từ xa có dây BRC1E62.
 8. Không thể cài đặt thông qua các điều khiển từ xa có dây khác. Các tính năng có sẵn tùy thuộc vào từng kiểu dàn lạnh.
 9. Bởi vì mặt nạ điều khiển là phụ kiện kèm sẵn theo thiết bị, sử dụng phụ kiện tùy chọn cho hệ thống 2 điều khiển từ xa.
 10. Khi sử dụng BRC1E62, đảm bảo phải tháo mặt nạ điều khiển. BRC1E62 không thể lắp đặt bên trong dàn lạnh do đó phải lắp mặt nạ vị trí riêng.
 11. Tháo bộ tiếp hợp điều khiển nhóm (phụ kiện kèm theo máy) trước khi gắn KRP6A1 và DTA104A62.
 KRP6A1 và DTA104A62 không thể gắn trong cùng 1 dàn lạnh tại cùng 1 thời điểm.

Đối với sử dụng dàn lạnh dân dụng

STT.	Phụ kiện		Loại	FDKS-EA, C(A)	FTKJ-N	FTKS-D,B,F
1	Điều khiển từ xa	Loại không dây		— <small>Lưu ý 1</small>		
2	Bộ tiếp hợp dây cho đồng hồ thời gian/điều khiển từ xa <small>Lưu ý 2</small> (Tiếp điểm xung mô bình thường/tiếp điểm mở bình thường)			KRP413AB1S		
3	Dây chống mất điều khiển từ xa			KKF917A4	KKF910A4	KKF917A4
4	Tiếp hợp giao diện cho sử dụng DIII-NET			KRP928BB2S		

- Ghi chú: 1. Điều khiển từ xa không dây là phụ kiện tiêu chuẩn.
 2. Đồng hồ thời gian và các thiết bị khác nên trang bị tại chỗ.

Hệ thống điều khiển

Cấu hình hệ thống

STT	Phụ kiện	Mã SP	Chức năng
1	Điều khiển từ xa trung tâm dân dụng	Lưu ý 2 DCS303A51	• Lên đến 16 nhóm (128 dàn lạnh) có thể dễ dàng điều khiển bằng màn hình LCD lớn. Thực hiện TẮT/MỞ, cài đặt nhiệt độ, lập lịch hoạt động có thể điều khiển riêng lẻ cho từng dàn lạnh
2	Phụ kiện tiếp hợp giao diện cho các dàn lạnh dân dụng	KRP928BB2S	• Phụ kiện tiếp hợp này được yêu cầu khi kết nối dàn lạnh khác ngoài dàn lạnh hệ thống VRV bằng đường truyền tín hiệu DIII-NET tốc độ cao của hệ thống VRV. * Để dùng bất kỳ điều khiển phụ kiện ở trên, bộ tiếp hợp phù hợp phải được sử dụng trên dàn lạnh cần được điều khiển
3	Phụ kiện tiếp hợp giao diện cho các model SkyAir.	Lưu ý 3 ★DTA112BA51	
4	Bộ tiếp hợp điều khiển trung tâm	Đối với UAT(Y)-K(A),FD-K ★DTA107A55	• Điều khiển lên đến 1024 dàn lạnh trong 64 nhóm khác nhau. • Giới hạn chiều dài dây (chiều dài dây tối đa 1.000 m, tổng chiều dài dây 2.000 m, tối đa 16 nhánh) cho mỗi bộ tiếp hợp mở rộng DIII-NET
5	Phụ kiện tiếp hợp có dây cho các máy điều hòa khác	★DTA103A51	
6	Bộ tiếp hợp mở rộng DIII-NET	DTA109A51	• Miếng cố định cho DTA109A51
6-1	Miếng gắn	KRP4A92	

- Ghi chú: 1. Hộp lắp đặt ★ cho bộ tiếp hợp được mua tại địa phương.
2. Chỉ sử dụng duy nhất cho dàn lạnh dân dụng. Không thể dùng với các thiết bị điều khiển trung tâm khác.
3. Một bộ tiếp hợp dây KRP413AB1S phải được sử dụng cho mỗi dàn lạnh.
4. Không cần bộ tiếp hợp cho một số dàn lạnh

Hệ thống điều khiển tòa nhà

STT	Phụ kiện			Mã SP	Chức năng	
1	intelligent Touch Controller	Cơ bản	Phần cứng	intelligent Touch Controller	DCS601C51	• Hệ thống quản lý điều hòa không khí có thể được điều khiển bằng một thiết bị nhỏ gọn
1-1		Tùy chọn	Phần cứng	Bộ mở rộng cho DIII-NET	DCS601A52	• Có thể bổ sung lên đến 64 nhóm (10 dàn nóng).
1-2	Hộp điện với chân nối đất (4 chân)				KJB411A	• Hộp gắn tường
2	intelligent Touch Manager	Cơ bản	Phần cứng	intelligent Touch Manager	DCM601A51	• Hệ thống quản lý điều hòa không khí được điều khiển bằng màn hình cảm ứng
2-1		Tùy chọn	Phần cứng	Bộ mở rộng cho iTM	DCM601A52	• Có thể bổ sung lên đến 64 nhóm (10 dàn nóng). Tối đa 7 bộ mở rộng cho iTM có thể kết nối với iTM.
2-2			Phần bố tỷ lệ điện năng iTM	DCM002A51	• Điện năng tiêu thụ của dàn lạnh được tính dựa trên tình trạng hoạt động của dàn lạnh và điện năng tiêu thụ của dàn nóng và được đo bằng đồng hồ kWh.	
2-3			Phần mềm	Kiểm soát năng lượng iTM	DCM008A51	• Điện năng tiêu thụ của tòa nhà được hình ảnh hóa.
2-4			Kết nối BACnet*	DCM009A51	• Điện năng lãng phí từ một số các dàn lạnh sẽ được phát hiện	
2-5			Giao diện HTTP	DCM007A51	• Thiết bị BACnet* có thể được quản lý bằng intelligent Touch Manager	
2-6			Phần cứng	*1 SVM series	SVMMPR2	• Giao diện cho intelligent Touch Manager bằng HTTP
2-7					SVMPC2	• Hệ thống điều khiển VRV bằng điện thoại thông minh dành cho dân dụng
2-8					SVMPS1	• Hệ thống điều khiển VRV bằng điện thoại thông minh dành cho tòa nhà
2-9			Điều khiển hệ thống VRV bằng điện thoại thông minh			SVMPR1
2-10	Điều khiển hệ thống VRV bằng máy tính bảng			SVMPC1	• Điều khiển hệ thống VRV bằng điện thoại thông minh dành cho dân dụng với DTA116A51	
2-11	Bộ DI			DEC101A51	• 8 tín hiệu đầu vào bất thường và tín hiệu MỞ/TẮT	
2-12	Bộ DIo			DEC102A51	• 4 tín hiệu đầu vào bất thường và tín hiệu MỞ/TẮT	
3	Giao diện đường truyền	*2 Giao diện sử dụng trong BACnet*		DMS502B51	• Bộ giao diện cho phép kết nối thông tin giữa VRV và BMS. Hoạt động và giám sát hệ thống điều hòa thông khí sẽ qua BACnet*.	
3-1		Bo mạch DIII tùy chọn		DAM411B51	• Bộ mở rộng được lắp đặt trên DMS502B51 cung cấp thêm 2 cổng truyền DIII-NET và không được sử dụng độc lập.	
3-2		Bo mạch Di tùy chọn		DAM412B51	• Bộ mở rộng được lắp đặt trên DMS502B51 cung cấp thêm 16 điểm đầu vào tín hiệu xung cho đồng hồ đo điện và không được sử dụng độc lập.	
4		*3 Giao diện sử dụng trong LONWORKS*		DMS504B51	• Bộ giao diện cho phép kết nối thông tin giữa VRV và BMS. Hoạt động và giám sát hệ thống điều hòa thông khí sẽ qua LonWorks*.	
5		Adaptor giao diện nhà thông minh		DTA116A51	• Sử dụng phương thức giao tiếp Modbus kết nối hệ thống VRV với các hệ thống khác trong nhà thông minh từ những nhà sản xuất khác. • Bộ giao diện cho phép kết nối giữa bo mạch điều khiển trung tâm và các bộ điều khiển trung tâm	

- Ghi chú:
*1. Căn cứ giao diện HTTP (DCM007A51)
*2. BACnet® là tên thương mại đã được đăng ký bởi hiệp hội Mỹ về Điều hòa không khí, lạnh và nhiệt (ASHRAE)
*3. LonWorks® là tên thương mại đã được đăng ký bởi tập đoàn Echelon ở Mỹ và các nước khác.
*4. Hộp lắp đặt ★ cho bộ tiếp hợp được mua tại địa phương.

Hệ thống điều khiển

Điều khiển hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây) - (Tùy chọn)



Mới BRC1E63

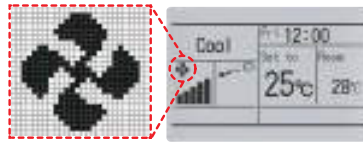


Mới BRC1F61
(Chỉ dùng cho FXEQ)

Bộ điều khiển từ xa thiết kế hiện đại, đơn giản với màu trắng sang trọng, phù hợp với thiết kế nội thất. Thao tác dễ dàng và mượt mà hơn, chỉ cần làm theo các chỉ dẫn trên điều khiển từ xa điều hướng.

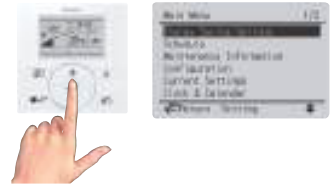
Màn hình sắc nét

- Màn hình ma trận điểm
 - Sự kết hợp các điểm rực rỡ tạo ra nhiều biểu tượng. Màn hình chữ lớn giúp người dùng dễ nhìn
- Màn hình đèn nền
 - Màn hình đèn nền giúp sử dụng dễ dàng vào ban đêm.



Vận hành đơn giản

- Hướng dẫn trên màn hình
 - Màn hình giải thích từng cách cài đặt giúp bạn sử dụng dễ dàng.
- Các nút lớn và phím mũi tên
 - Dễ dàng sử dụng, cài đặt cơ bản như tốc độ quạt và nhiệt độ có thể được thực hiện trực tiếp. Để thực hiện cài đặt khác, chỉ cần chọn chức năng từ menu.



Tiết kiệm năng lượng

- Cài đặt biên độ nhiệt độ
 - Tiết kiệm năng lượng bằng việc giới hạn nhiệt độ cài đặt tối thiểu và tối đa.
 - Tránh tình trạng quá nóng hoặc quá lạnh.
 - Chức năng này khá thuận tiện khi điều khiển từ xa được lắp ở những nơi có nhiều người sử dụng.

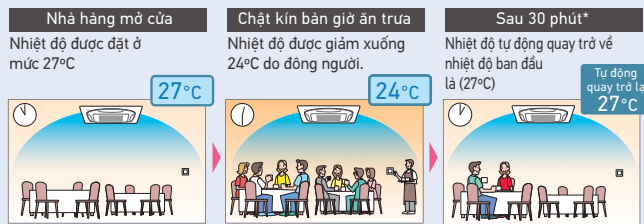


- Tự động quay lại nhiệt độ cài đặt
 - Ngay khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, nhiệt độ cài đặt sẵn sẽ tự động được thiết lập sau khoảng thời gian được cài đặt.
 - Có thể lựa chọn khoảng thời gian từ 30 phút/60 phút/90 phút/120 phút.



- Hẹn giờ tắt
 - Tắt điều hòa sau thời gian cài đặt sẵn.
 - Thời gian có thể được cài đặt sẵn từ 30 đến 180 phút với gia số 10 phút.

Ví dụ về nhà hàng



Dàn lạnh VRV

Tiện nghi

Tính năng Setback (mặc định : TẮT)

Duy trì nhiệt độ phòng ở phạm vi nhất định trong thời gian không sử dụng bằng việc tạm thời khởi động điều hòa đã bị TẮT.

VD: Nhiệt độ cài đặt lại - **Làm lạnh**: 35°C Chênh lệch phục hồi - **Làm lạnh**: -2°C
 Khi nhiệt độ phòng vượt quá 35°C, điều hòa bắt đầu vận hành ở chế độ làm lạnh tự động
 Khi nhiệt độ phòng đạt 33°C, điều hòa sẽ TẮT.

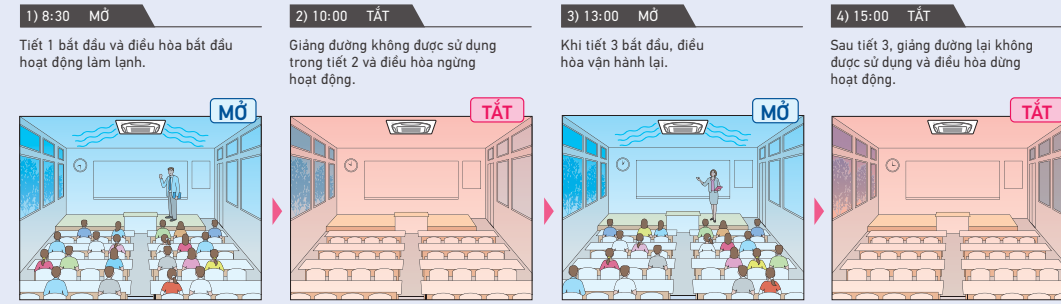
	Nhiệt độ cài đặt lại	Chênh lệch được phục hồi
Làm lạnh	33 — 37°C	-2 — -8°C

Lập lịch hàng tuần

- + 5 hoạt động một ngày có thể được thiết lập cho từng ngày trong tuần.
- + Chức năng ngày nghỉ sẽ tắt chế độ hẹn giờ đối với những ngày được đặt là ngày nghỉ
- + 3 chế độ lập lịch độ lặp có thể được cài đặt (ví dụ: mùa hè, mùa đông và giữa mùa)



Ví dụ tại một giảng đường (Thứ Hai - Mùa Hè)



Mới Màn hình hiển thị tự động tắt

- Khi không hoạt động, màn hình LCD có thể được TẮT. Nhấn vào nút bất kỳ để hiển thị lại màn hình.
- Thời gian có thể được cài đặt trước từ 10, 30, 60 phút. Thiết lập ban đầu là 30 phút.

Thoải mái

Hướng gió riêng biệt (*1)

Hướng gió thổi có thể được điều chỉnh riêng cho từng miệng gió để phân phối không khí tối ưu phù hợp với từng điều kiện sử dụng (tài nhỏ và lớn).

*1. Chỉ dành cho FXF(S)Q-A và FXUQ-A.

Mới Điều khiển hướng gió 5 cấp (*2)

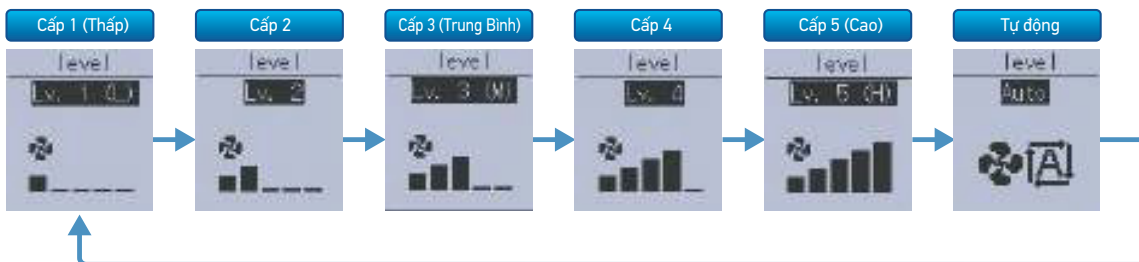
Cảm thấy thoải mái hơn với hướng gió có thể điều chỉnh 5 cấp độ.

*2. Số cấp thổi gió có thể khác nhau tùy từng loại dàn lạnh. Thổi gió 5 cấp chỉ dành cho FXF(S)Q-A và FXEQ-A.

Lưu lượng gió tự động (*3)

Lưu lượng gió được kiểm soát tách biệt dựa trên sự chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt.

*3. Chỉ dành cho FXF(S)Q-A, FXEQ-A, FXDQ-PD/ND, FXSQ-PA, FXMQ-PA và FXUQ-A.



Điều khiển riêng biệt cho dàn lạnh VRV

Điều khiển từ xa không dây (tùy chọn)



Mới BRC7M635F
(Dành cho FXF(S)Q)



Bộ nhận tín hiệu
(loại gắn rời)

- Điều khiển từ xa không dây được cấp cùng với bộ nhận tín hiệu.
- Bộ nhận tín hiệu được chứa bên trong mặt nạ trang trí hoặc dàn lạnh.
- Hình dáng của bộ nhận tín hiệu có thể khác nhau tùy theo từng dàn lạnh.

Lưu ý: Bộ nhận tín hiệu hình bên được gắn vào mặt nạ của FXF(S)Q

- Mới** • Điều khiển từ xa không dây có đèn nền



Đề dạng sử dụng trong tối.



Điều khiển từ xa không dây



Bộ nhận tín hiệu
(loại gắn rời)

- Bao gồm bộ nhận tín hiệu gọn nhẹ (loại gắn rời) được lắp đặt trên tường hoặc trần.

* Điều khiển từ xa không dây và bộ nhận tín hiệu được bán theo bộ.
* Xem trang 65 để biết tên từng mẫu.

Điều khiển từ xa loại đơn giản (tùy chọn)



Loại gắn nổi
(BRC2C51)



Loại gắn chìm
(Dùng cho khách sạn)
(BRC3A61)

- Bộ điều khiển từ xa có đầy đủ các chức năng điều khiển (tắt/mở, chế độ hoạt động, điều chỉnh nhiệt độ và lưu lượng gió) thích hợp sử dụng trong phòng ngủ khách sạn và phòng hội nghị.

- Điều khiển từ xa loại gắn nổi được gắn với cảm biến nhiệt độ



Điều khiển từ xa loại gắn chìm thích hợp gắn trên đầu giường ngủ hoặc tủ điều khiển trong phòng khách sạn.

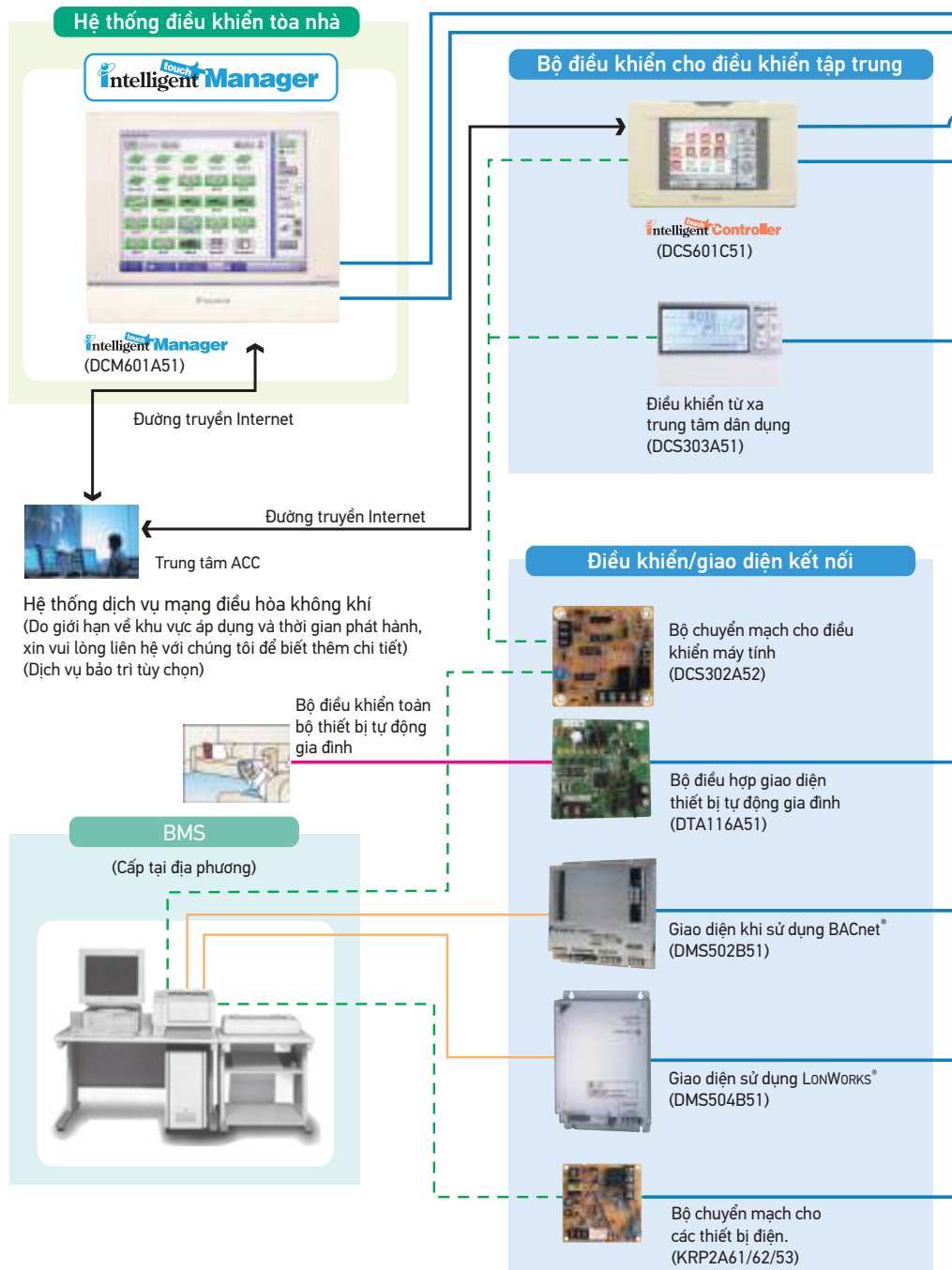
Nhiều loại điều khiển từ xa cho dàn lạnh VRV

	FXF(S)Q	FXZQ	FXCQ	FXEQ	FXDQ	FXSQ	FXMQ	FXUQ	FXHQ	FXAQ	FXL(N)Q	FXVQ	FXB(P)Q
Điều khiển từ xa điều hướng (Điều khiển từ xa có dây) (BRC1E63)	●	●	●		●	●	●	●	●	●	●	●	●
Điều khiển từ xa điều hướng (Điều khiển từ xa có dây) (BRC1F61)				●									
Điều khiển từ xa có dây (BRC1C62)		●	●		●	●	●	●	●	●	●	●	●
Điều khiển từ xa không dây * (Bộ nhận tín hiệu lắp trên máy)	●	●	●	●				●	●	●			
Điều khiển từ xa không dây * (Bộ nhận tín hiệu lắp rời)					●	●	●				●		●
Điều khiển từ xa đơn giản (Loại gắn nổi) (BRC2C51)					●	●	●				●		●
Điều khiển từ xa đơn giản (Loại gắn chìm: Dùng cho khách sạn) (BRC3A61)					●	●	●				●		●

*Xem trang 65 để biết thêm tên từng mẫu.

Hệ thống điều khiển

Tốc độ truyền dẫn cao của DIII-NET giúp cho việc điều khiển hệ thống VRV tiên tiến hơn, tăng tính tiện nghi.



Tích hợp hệ thống giám sát của tòa nhà

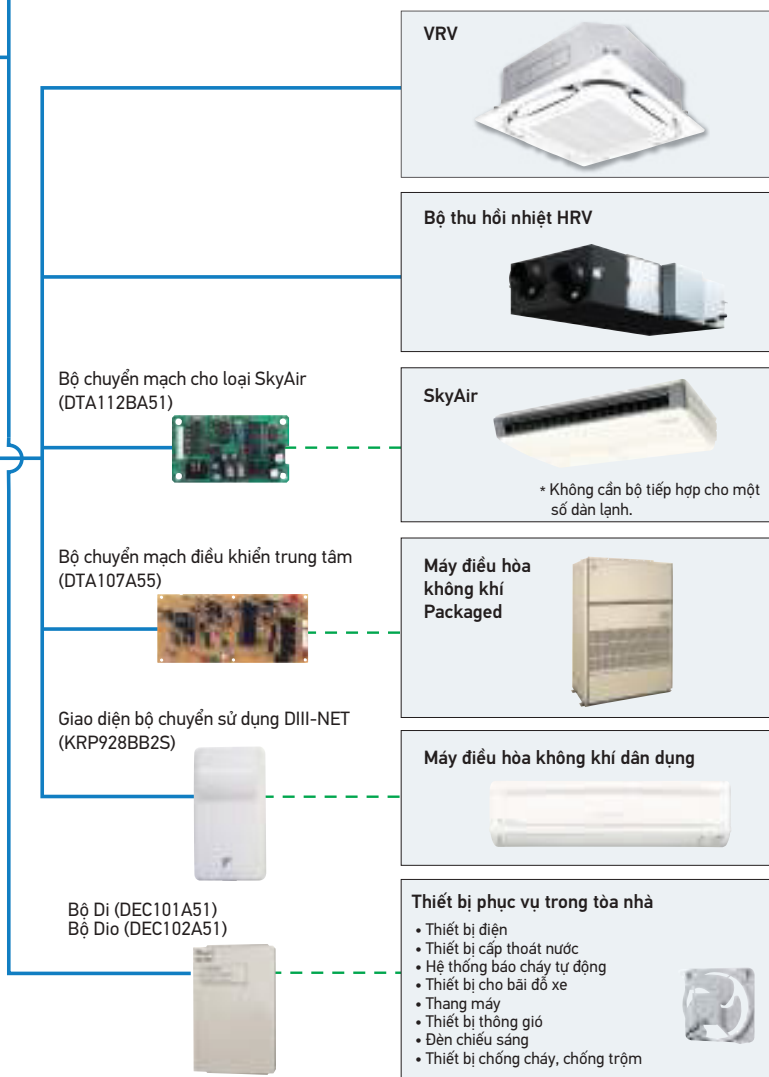
- Đường truyền DIII-NET
- Đường truyền BACnet®/ Ethernet® hay LONWORKS®
- - - Đường truyền tín hiệu mở
- Đường dây RS485 Modbus

Hệ thống DIII-NET cung cấp cho:

- Theo dõi và điều khiển khép kín bằng việc tích hợp nhiều loại điều hòa không khí trong cùng 1 tòa nhà.
- Tiết kiệm lượng cấp điện do sử dụng dây 2 lõi không phân cực, dễ dàng thi công dây dẫn, hạn chế tối đa lỗi khi thi công.
- Dễ dàng cài đặt thêm chức năng để vận hành. Có thể kéo dài đường dây lên đến 2 km.
- Linh hoạt trong kết nối các thiết bị điều khiển khác vào hệ thống nhằm đa dạng hóa rủi ro phân cấp.
- Điều khiển tích hợp các thiết bị trao đổi nhiệt của DAIKIN và các thiết bị khác.

DIII-NET (Hệ thống đa truyền dẫn tốc độ cao)

DIII-NET, hệ thống đa truyền dẫn tốc độ cao độc nhất của Daikin, kết nối máy điều hòa không khí và nhiều thiết bị khác của tòa nhà - phù hợp với nhiều loại công trình, quy mô và điều kiện - truyền tải một lượng rất lớn các thông tin giữa các ứng dụng này với nhau.



VRV



Cảnh báo:

Một số model và tính năng có thể bị giới hạn. Vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh để biết thêm chi tiết. Cần được tư vấn trước khi sử dụng hệ thống này. Vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh trước khi tiến hành mua hàng.

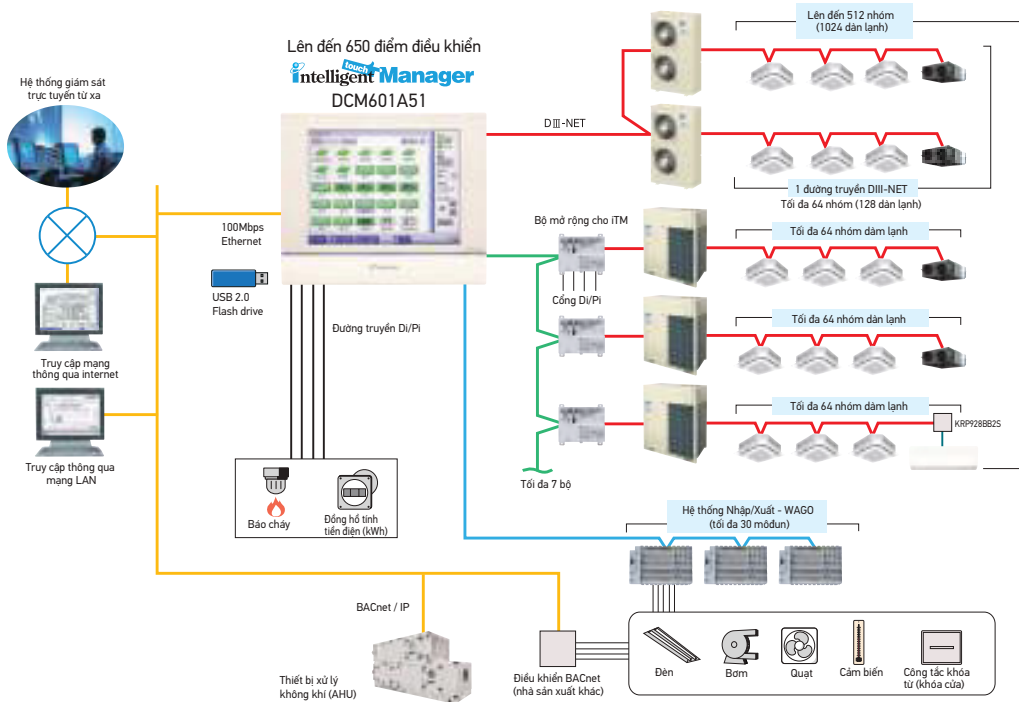
Chú thích:

BACnet® là nhãn hiệu đã được đăng ký bởi ASHRAE (American Society of Heating, Refrigerating® và Air-Conditioning Engineers). LONWORKS® là thương hiệu của Echelon Corporation được đăng ký tại Mỹ và các nước khác.

Hệ thống điều khiển

Intelligent Touch Manager Tối ưu hóa các đặt tính ưu việt của VRV

Tổng quan hệ thống Intelligent Touch Manager



■ Điều khiển trung tâm

- Vùng cài đặt thuận tiện giúp đơn giản hóa việc quản lý chi tiết của hệ thống VRV.
- Hiển thị mặt bằng tòa nhà cho phép tìm kiếm nhanh các thiết bị điều hòa không khí.
- Lịch sử hoạt động sẽ hiển thị quá khứ của thao tác điều khiển và quá trình hoạt động của máy.

■ Truy cập từ xa

- Truy cập từ xa bằng máy tính cá nhân cho phép quản lý toàn bộ hệ thống điều hòa, giao diện phần mềm trên máy tính giống như màn hình của Intelligent Touch Manager.
- Người có thẩm quyền sử dụng có thể điều khiển từng máy lạnh riêng biệt từ máy tính cá nhân của họ.

■ Điều khiển tự động

- Các hệ thống VRV được điều khiển tự động suốt một năm bằng chức năng lập lịch.
- Chức năng khóa liên động giữa hệ thống VRV và các thiết bị khác trong tòa nhà cho phép các thiết bị này hoạt động tự động một cách dễ dàng.
- Chức năng Setback điều chỉnh nhiệt độ cài đặt ngay cả khi trong phòng không có người.

■ Quản lý năng lượng

- Chức năng theo dõi năng lượng làm đơn giản hóa việc quản lý năng lượng bằng cách ghi nhận số liệu điện năng tiêu thụ và phát hiện các máy hoạt động lãng phí điện.

■ Xử lý sự cố

- Thông tin liên hệ của nhà thầu bảo trì có thể được đăng ký và hiển thị trên thiết bị điều khiển trung tâm.
- Email được tự động gửi đi để cảnh báo những sự cố có thể xảy ra.
- Bộ Intelligent Touch Manager có thể kết nối với hệ thống giám sát trực tuyến từ xa để theo dõi tình trạng và điều kiện hoạt động của máy suốt 24 giờ.

■ Quy mô

- Một thiết bị Intelligent Touch Manager quản lý được một tòa nhà nhỏ hoặc có thể mở rộng ra để điều khiển cho những tòa nhà có quy mô vừa và lớn.

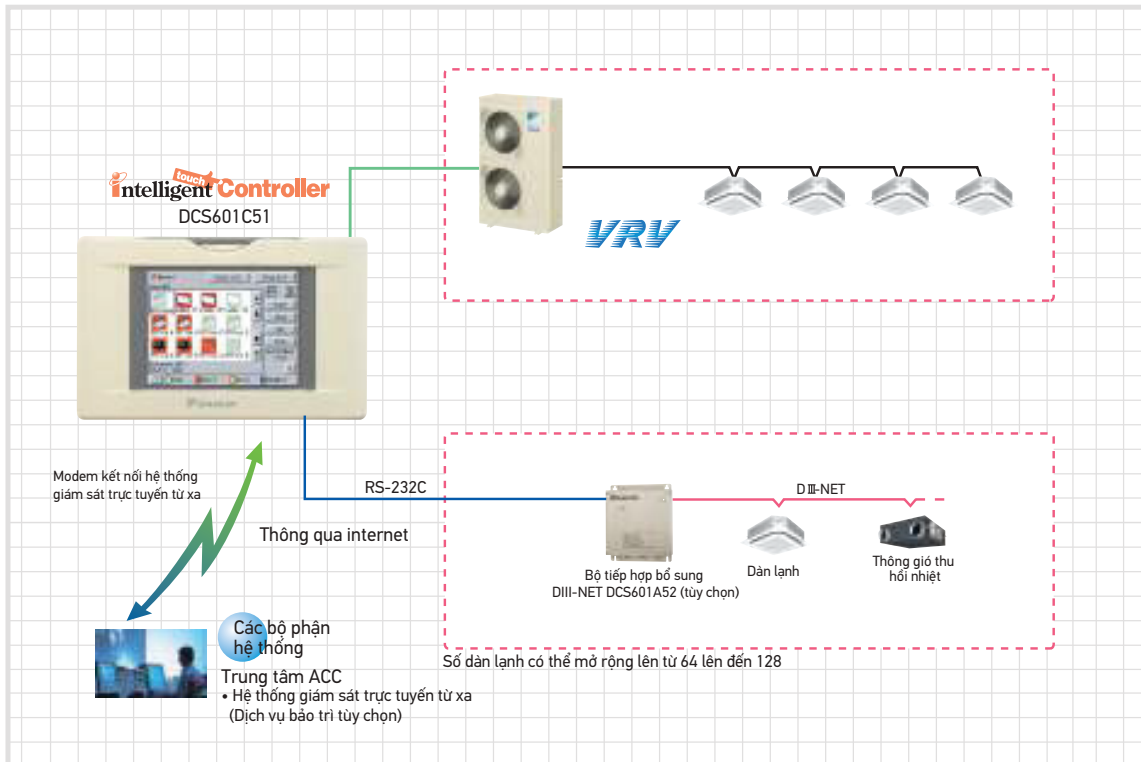
■ Khả năng kết nối

- BACnet có thể kết nối với nhiều thiết bị trong tòa nhà.
- WAGO Ao và Pi là các hỗ trợ mới và có thể kết nối vào môđun WAGO.

Hệ thống điều khiển cao cấp cho dàn lạnh VRV

Intelligent ^{touch} Controller

Chức năng giao tiếp của bộ điều khiển đa ngôn ngữ sử dụng dựa trên biểu tượng làm đơn giản hóa điều khiển trung tâm của hệ thống VRV.



Đặc điểm

- Màn hình LCD màu cảm ứng
- Kích thước nhỏ gọn
- Thao tác cài đặt đơn giản
- Đa ngôn ngữ (Anh, Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Trung Quốc và Hàn Quốc).
- Lập lịch hàng năm
- Chuyển đổi tự động chế độ Sưởi / Làm lạnh
- Giới hạn nhiệt độ sử dụng
- Nâng chức năng lưu trữ dữ liệu
- Chức năng khóa liên động đơn giản
- Modem bên trong kết nối với hệ thống giám sát trực tuyến từ xa (tùy chọn).
- Tăng gấp đôi số dàn lạnh kết nối bằng sử dụng thêm bộ tiếp hợp bổ sung DIII-NET (tùy chọn)

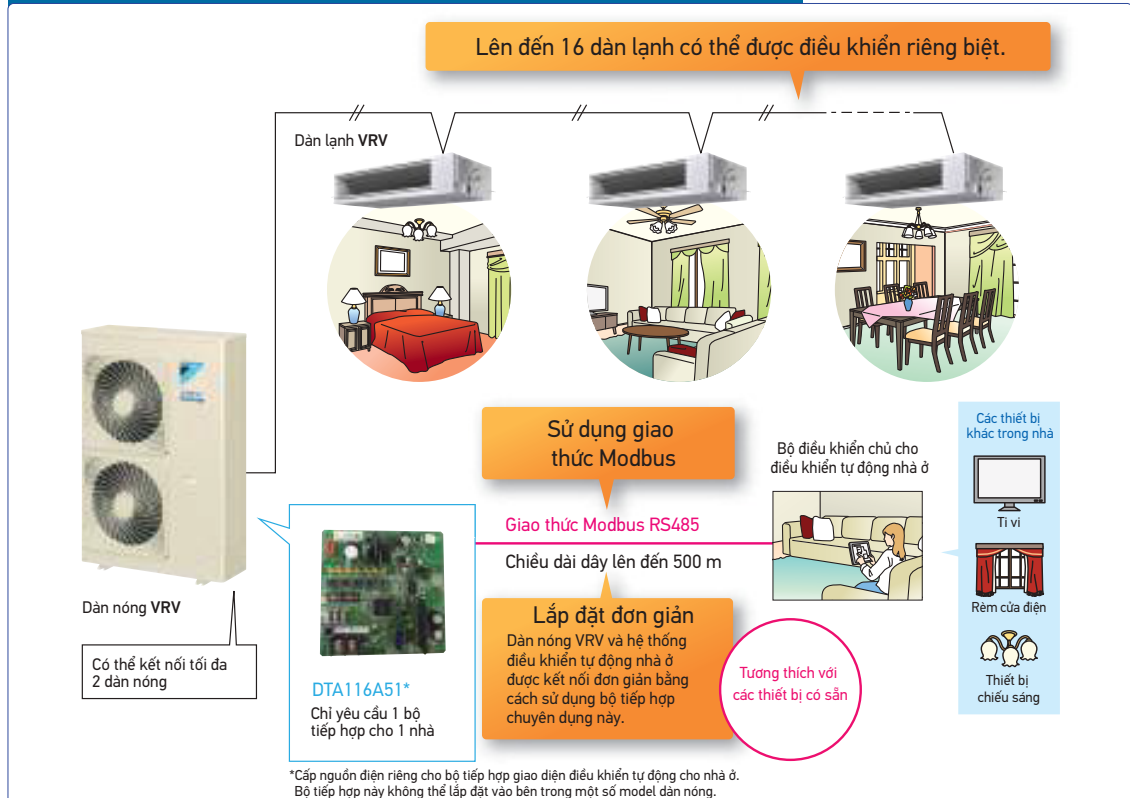


Hệ thống điều khiển

Tiếp hợp giao diện điều khiển tự động cho nhà ở

Hệ thống VRV có thể hoạt động từ hệ thống điều khiển tự động cho nhà ở.

Hình ảnh của bộ tiếp hợp giao diện điều khiển tự động cho nhà ở DTA116A51



Chức năng

Giám sát

Tắt/Mở	Trạng thái Tắt/Mở của các dàn lạnh
Chế độ hoạt động	Làm lạnh, Sưởi, Quạt, Tách ẩm, Tự động (phụ thuộc và công suất dàn lạnh)
Cài đặt nhiệt độ	Cài đặt nhiệt độ cho dàn lạnh
Nhiệt độ phòng	Nhiệt độ gió hồi của các dàn lạnh
Hướng gió	Đảo gió, hướng gió trực tiếp (phụ thuộc và công suất dàn lạnh)
Lưu lượng gió	Thấp, trung bình, cao (phụ thuộc và công suất dàn lạnh)
Trạng thái tắt cưỡng bức	Trạng thái tắt cưỡng bức của dàn lạnh
Lỗi	Sự cố, cảnh báo với mã lỗi
Tín hiệu phin lọc	Tín hiệu phin lọc cho dàn lạnh
Trạng thái truyền tín hiệu	Trạng thái truyền tín hiệu bình thường/lỗi của dàn lạnh

Điều khiển

Tắt/Mở	Trạng thái Tắt/Mở của các dàn lạnh
Chế độ hoạt động	Làm lạnh, Sưởi, Quạt, Tách ẩm, Tự động (phụ thuộc và công suất dàn lạnh)
Cài đặt nhiệt độ	Cài đặt nhiệt độ cho Làm lạnh/Sưởi
Hướng gió	Đảo gió, đứng, hướng gió trực tiếp (phụ thuộc và công suất dàn lạnh)
Lưu lượng gió	Thấp, trung bình, cao (phụ thuộc và công suất dàn lạnh)
Cài đặt lại tín hiệu phin lọc	Cài đặt lại tín hiệu phin lọc cho dàn lạnh

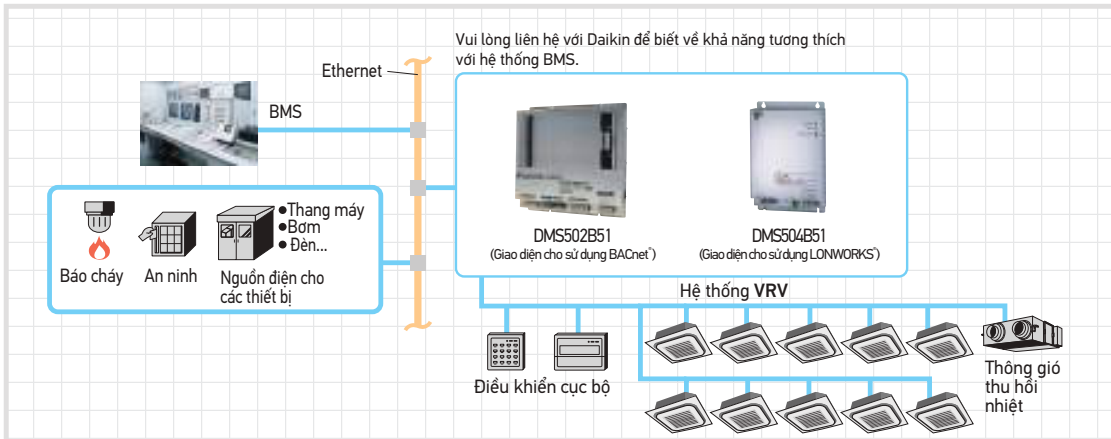
Hệ thống phục hồi thông tin

Kết nối các dàn lạnh	Địa chỉ DIII-NET của các dàn lạnh kết nối có thể được phục hồi lại.
Phục hồi các hoạt động dàn lạnh	Hoạt động dàn lạnh như là chế độ hoạt động, điều khiển quạt, cài đặt nhiệt độ HV có thể được phục hồi.

Hệ thống điều khiển cao cấp cho dàn lạnh VRV

Giao diện cho BACnet® và LONWORKS®

Hệ thống điều khiển tích hợp là xu hướng của các hệ thống điều khiển mở.



- Tương thích với đặc tính nâng cao của BMS bằng cách sử dụng tiêu chuẩn giao tiếp quốc tế, BACnet® hoặc LONWORKS®.

DMS502B51 - Giao diện sử dụng cho BACnet®

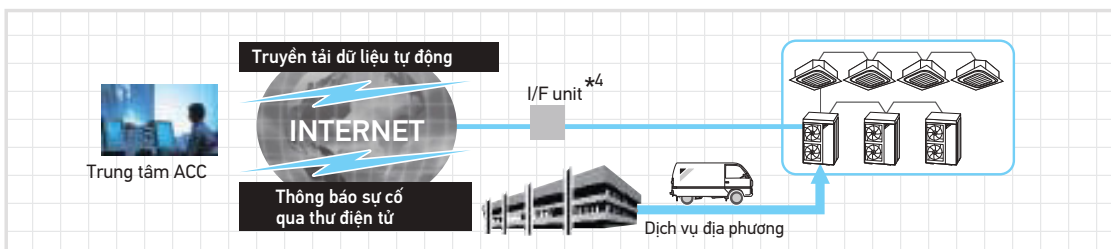
- Hỗ trợ điều khiển cho thiết bị thông gió thu hồi nhiệt (VAM)
- Có thể lựa chọn nhiệt độ
- Chứng nhận BTL
- Dữ liệu PPD (yêu cầu thêm phụ kiện tùy chọn bo mạch Di)
- ISO 16484-5 (không hỗ trợ giao thức IEEE 802.3 cho BACnet®)
- Lên đến 40 dàn nóng và 256 nhóm dàn lạnh trên 1 cổng kết nối (bộ tiếp hợp tùy chọn).vvvav

DMS504B51 - Giao diện sử dụng cho LONWORKS®

- Dữ liệu XIL dùng để xác định thông số của máy.
- Có thể kết nối lên đến 10 dàn nóng và 64 nhóm dàn lạnh.

Hệ thống giám sát trực tuyến từ xa

Dịch vụ bảo trì đầy mạnh lợi ích và mang lại sự thỏa mãn khách hàng.



- Hệ thống chẩn đoán trực tuyến 24 giờ
- Tiết kiệm điện năng và làm tăng tuổi thọ máy
- Quản lý bảo trì thông qua hồ sơ dữ liệu từ hệ thống
- Dịch vụ tin cậy trong thời gian sớm nhất

*1. Tên model có thể thay đổi phụ thuộc vào độ lớn của hệ thống.

*2. BACnet® là tên thương mại đã được đăng ký bởi hiệp hội Mỹ về Điều hòa không khí, lạnh và nhiệt (ASHRAE).

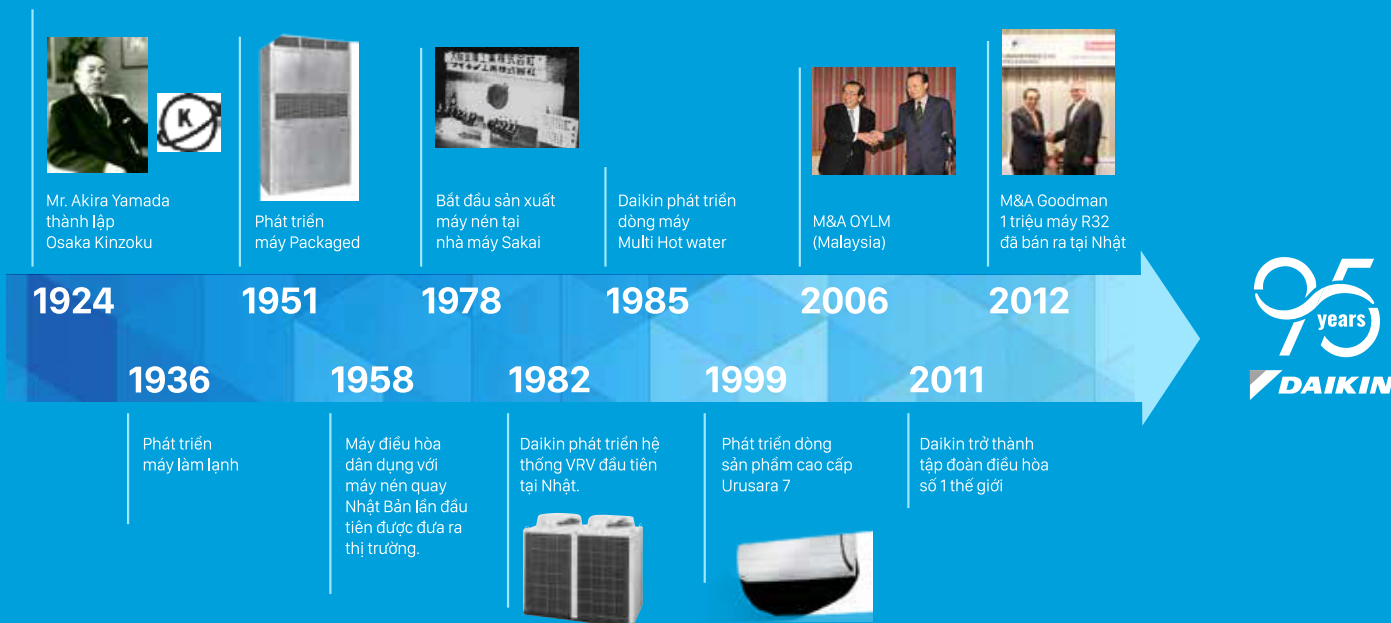
*3. LonWorks® là tên thương mại đã được đăng ký bởi tập đoàn Echelon ở Mỹ và các nước khác.

*4. Với bộ I/F, một trong các thiết bị sau có thể lựa chọn: Điều khiển cục bộ, intelligent Touch Controller hoặc intelligent Touch Manager.

*5. Vui lòng tham khảo thêm trang danh mục tùy chọn để biết tên của mỗi loại.

95 năm

CHUYÊN GIA ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ HÀNG ĐẦU NHẬT BẢN



Đại lý phân phối **Điện máy giá gốc**
 Bảo hành chính hãng tận nơi **SINCE 2002**

32/28 Đường 35, Khu phố 1, P. Bình An, TP. Thủ Đức, TP. HCM

• **Showroom**
 57 Song Hành, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM

• **Điện thoại (08:00 - 17:00)**
 0902 390 599 - 0898 477 699

DAIKIN INDUSTRIES, LTD.

• **HEAD OFFICE**
 Umeda Center Bldg., 2-4-12, Nakazaki-Nishi, Kita-ku, Osaka, 530-8323 Japan
CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

• **VĂN PHÒNG CHÍNH**
 Tầng 14-15, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP.HCM
 Tel: (08) 62 504 888 Fax: (08) 62 504 999

• **CHI NHÁNH HÀ NỘI**
 Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower, 1 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội
 Tel: (04) 35 657 677 Fax: (04) 35 657 688

• **CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**
 Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4, P.Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
 Tel: (0511) 362 4250 Fax: (0511) 362 4251
www.daikin.com.vn